

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ XÂY DỰNG



BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
NĂM 2020

HIỆU TRƯỞNG

A handwritten signature in black ink, consisting of a large, stylized 'D' followed by a series of loops and a long horizontal stroke extending to the right.

Quảng Ninh, tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

CÁC TỪ VIẾT TẮT	3
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	4
1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp.....	4
2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.....	4
3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường CDN Xây dựng	9
4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường	11
5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính	13
Phần II . KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH CỦA TRƯỜNG	16
1. Đặt vấn đề.....	16
2. Tổng quan chung	18
2.1. Căn cứ tự đánh giá.....	18
2.2. Mục đích tự đánh giá.....	18
2.3. Yêu cầu tự đánh giá.....	19
2.4. Phương pháp tự đánh giá.....	19
2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá.....	19
3. Tự đánh giá	19
3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá.....	19
3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	22
3.2.1. TIÊU CHÍ 1: MỤC TIÊU, SỨ MẠNG, TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ	22
3.2.2. TIÊU CHÍ 2: HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO.....	34
3.2.3. TIÊU CHÍ 3: NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG.....	46
3.2.4. TIÊU CHÍ 4: CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH	55
3.2.5. TIÊU CHÍ 5: CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO VÀ THƯ VIỆN .62	
3.2.6. TIÊU CHÍ 6: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CHUYÊN GIA CÔNG NGHỆ VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ	73
3.2.7. TIÊU CHÍ 7: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH	76
3.2.8. TIÊU CHÍ 8: DỊCH VỤ NGƯỜI HỌC	82
3.2.9. TIÊU CHÍ 9: GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG	86
Phần III . TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	91
Phần IV. ĐỀ XUẤT, KHUYẾN NGHỊ	92

CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	Ký hiệu	Nội dung	Ghi chú
1.	CNV	Công nhân viên	
2.	QĐ	Quyết định	
3.	CBGV	Cán bộ, giáo viên.	
4.	BGH	Ban giám hiệu	
5.	BCH	Ban chấp hành	
6.	KH-KT	Khoa học - Kỹ thuật	
7.	KTX	Ký túc xá	
8.	HĐLĐ	Hợp đồng lao động	
9.	CSDN	Cơ sở dạy nghề	
10.	ĐGCLDN	Đánh giá chất lượng dạy nghề	
11.	ĐGCLGDNN	Đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp	
12.	THPT	Trung học phổ thông	
13.	THCS	Trung học cơ sở	
14.	TCDN	Tổng cục dạy nghề	
15.	ĐGCL	Đánh giá chất lượng	
16.	UBND	Ủy ban nhân dân	
17.	TP	Thành phố	
18.	TTND	Thanh tra nhân dân	
19.	TN	Thanh niên	
20.	TNCSHCM	Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh	
21.	LĐTĐ-XH	Lao động Thương binh và xã hội	
22.	HSSV	Học sinh sinh viên	
23.	NCKH	Nghiên cứu khoa học	
24.	CBQL	Cán bộ quản lý	
25.	CBVC	Cán bộ viên chức	
26.	CBGV-CNV	Cán bộ giáo viên - Công nhân viên	
27.	MC	Minh chứng	
28.	HĐ	Hợp đồng	
29.	CĐN/TCN	Cao đẳng nghề/Trung cấp nghề	
30.	CBCNVC	Cán bộ công nhân viên chức	
31.	GV	Giáo viên	
32.	CTĐT	Chương trình đào tạo	
33.	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp	

PHẦN I

GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- 1.1. Tên trường: TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ XÂY DỰNG.
- 1.2. Tên Tiếng Anh: VOCATIONAL COLLEGE OF CONSTRUCTION.
- 1.3. Mã trường: XD 05
- 1.4. Tên trước đây: TRƯỜNG TRUNG CẤP XÂY DỰNG
- 1.5. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Xây dựng - Số 37 Lê Đại Hành - Hai Bà Trưng - Hà Nội.
- 1.6. Địa chỉ trường: Số 206 Đường Bạch Đằng – Nam Khê – Ưông Bí – Quảng Ninh.
- 1.7. Số điện thoại liên hệ: 0203.3 850.373 - Số Fax: 0203.3 850.755
- 1.8. Email: caodangnghexaydung@gmail.com
- 1.9. Website: <http://caodangnghexaydung.edu.vn/>
- 1.10. Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên (theo quyết định thành lập): thành lập theo Quyết định số 932/BKT ngày 28/6/1973 của Bộ Kiến trúc (nay là Bộ Xây dựng) tiền thân là Trường đào tạo công nhân Kỹ thuật thuộc Công ty Kiến trúc Ưông Bí.

- Năm thành lập trường trường Cao đẳng nghề: 2015.

- 1.11. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: Tháng 10/1973
- 1.12. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa thứ nhất: năm 1974
- 1.13. Loại hình trường đào tạo: Công lập: Tư thực:

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2.1. Lịch sử phát triển nhà trường

Trường Cao đẳng nghề Xây dựng là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Xây dựng. Tiền thân của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng là Trường đào tạo công nhân Kỹ thuật thuộc Công ty Kiến trúc Ưông Bí được thành lập theo Quyết định số 932/BKT ngày 28/6/1973 của Bộ Kiến trúc (nay là Bộ Xây dựng). Ngày 11/7/2006 theo Quyết định 1025/QĐ- BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trường đào tạo công nhân kỹ thuật được nâng cấp thành Trường Trung cấp Xây dựng. Ngày 25 tháng 6 năm 2015 theo Quyết định số 884/QĐ-BLĐT BXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt thành lập Trường Cao đẳng Nghề Xây dựng.

Nhà trường được đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp các chuyên ngành về lĩnh vực Xây dựng, Cơ khí Xây dựng, Cốt thép hàn, Điện Công nghiệp, Điện Dân dụng.

Trụ sở chính của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng nằm trên địa bàn Phường Nam Khê, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh nằm trong vùng Đông Bắc của Tổ Quốc, có giao thông đi lại thuận lợi là vùng tam giác giao thông kinh tế giữa: Hải Phòng, Quảng Ninh, Hà Nội, vùng có sự phát triển mạnh mẽ về mọi mặt, tốc độ phát triển kinh tế - xã hội cao, nhà trường được Bộ Xây dựng quan tâm đưa vào là một trong những trường trọng điểm khu vực Đông Bắc trong mạng lưới các trường của Bộ Xây dựng.

Với truyền thống hơn 40 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực đào tạo Công nhân kỹ thuật, đã xây dựng được đội ngũ giáo viên đoàn kết một lòng, có kiến thức, có tay nghề cao, luôn luôn đổi mới và tâm huyết với nghề. Đã đào tạo được nhiều thế hệ học sinh với những kiến thức và kỹ năng cần thiết để khẳng định được mình. Nhiều thế hệ cán bộ kỹ thuật viên, công nhân đã và đang làm việc ở các ban quản lý dự án, doanh nghiệp, các công trình trọng điểm, khu công nghiệp như: Công trình Thủy điện Trị An, Thủy điện Sơn La, nhà máy lọc hóa dầu Dung Quất, Nhiệt điện Mông Dương...

2.2. Chức năng nhiệm vụ của Nhà trường

***Chức năng**

Trường thực hiện các chức năng: Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng và các bậc thấp hơn trong lĩnh vực xây dựng và các ngành nghề khác; nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế; triển khai áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

*** Nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp và quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Nhà nước và Bộ Xây dựng.

2. Đào tạo, liên kết đào tạo, đào tạo liên thông và đào tạo bồi dưỡng

a. Tổ chức đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và đào tạo thường xuyên các ngành nghề được phép đào tạo. Sau khi học xong người học có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp; có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước; có khả năng hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp; tự tạo được việc làm cho mình và cho xã hội.

b. Tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn, phê duyệt và thực hiện các chương trình, giáo trình đào tạo đối với từng ngành, nghề được phép đào tạo.

c. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh, xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh các trình độ đào tạo.

d. Tổ chức các hoạt động đào tạo; kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và in phôi văn bằng, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp cao đẳng, bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo.

đ. Tổ chức liên kết đào tạo, đào tạo liên thông ở các cấp trình độ với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước theo quy định của Luật GDNN.

e. Đăng ký, tổ chức triển khai kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và chịu sự quản lý chất lượng của cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

3. Nghiên cứu khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế

a. Tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học- công nghệ, tư vấn, xây dựng các chương trình, đề án, đề tài trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực cho ngành Xây dựng theo nhiệm vụ được giao và theo quy định của Luật GDNN.

b. Thực hiện các hoạt động dịch vụ khoa học – kỹ thuật, chuyển giao công nghệ phục vụ đào tạo, tổ chức sản xuất thực nghiệm, sản xuất kinh doanh phù hợp với ngành nghề đào tạo theo quy định của Luật GDNN.

c. Liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế, giáo dục, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, gắn đào tạo với việc làm và thị trường lao động.

d. Được thành lập doanh nghiệp; sử dụng nguồn thu từ hoạt động đào tạo, khoa học, công nghệ, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của Trường, chi cho các hoạt động đào tạo và bổ sung nguồn tài chính của trường theo quy định của pháp luật; tham gia đào tạo phục vụ xuất khẩu lao động, tổ chức du học cho học sinh, sinh viên và đưa chuyên gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

4. Tuyển dụng, quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động bảo đảm đủ về số lượng và chất lượng, cân đối về cơ cấu trình độ và cơ cấu ngành nghề đáp ứng quy mô và trình độ đào tạo.

5. Quản lý tài chính, tài sản được giao; tổ chức sử dụng và quản lý ngân sách, kinh phí đào tạo và các nguồn vốn theo quy định của pháp luật. Nhận tài trợ của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; góp vốn bằng tiền, tài sản, giá trị quyền sở hữu trí tuệ; sử dụng nguồn thu từ hoạt động kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất của Trường; tài trợ cho các hoạt động thực hiện chính sách ưu đãi đối với con em gia đình thuộc diện chính sách, các hoạt động nhân đạo và từ thiện.

6. Quyết định thành lập hoặc giải thể các tổ chức, đơn vị trực thuộc Trường theo từng giai đoạn phát triển phù hợp điều kiện thực tế và hiệu quả.

7. Phối hợp với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, gia đình người học trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

8. Tổ chức cho cán bộ, viên chức, người lao động và người học tham gia các hoạt động xã hội phù hợp với ngành, nghề đào tạo; chăm lo đời sống và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cán bộ, viên chức, người lao động và người học.

9. Thực hiện quy chế dân chủ, bình đẳng, công khai trong việc thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng các kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và hoạt động tài chính; có cơ chế để người học tham gia đánh giá hoạt động đào tạo, nhà giáo tham gia đánh giá cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của nhà trường.

10. Được Nhà nước giao hoặc cho thuê đất, giao hoặc cho thuê cơ sở vật chất; được hỗ trợ ngân sách khi thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao theo hợp đồng đặt hàng; được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế và tín dụng theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện chế độ báo cáo Bộ Xây dựng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan quản lý các cấp về các hoạt động của Trường theo quy định hiện hành.

12. Phát hiện và bồi dưỡng nhân tài trong người học và trong đội ngũ cán bộ giảng dạy của Trường.

13. Giữ gìn và phát triển những di sản văn hoá dân tộc. Đưa nội dung giảng dạy về ngôn ngữ, phong tục, tập quán, pháp luật có liên quan của nhà nước mà người lao động đến làm việc và pháp luật có liên quan của Việt Nam vào chương trình đào tạo khi tổ chức đào tạo cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

*** Thành tích nổi bật**

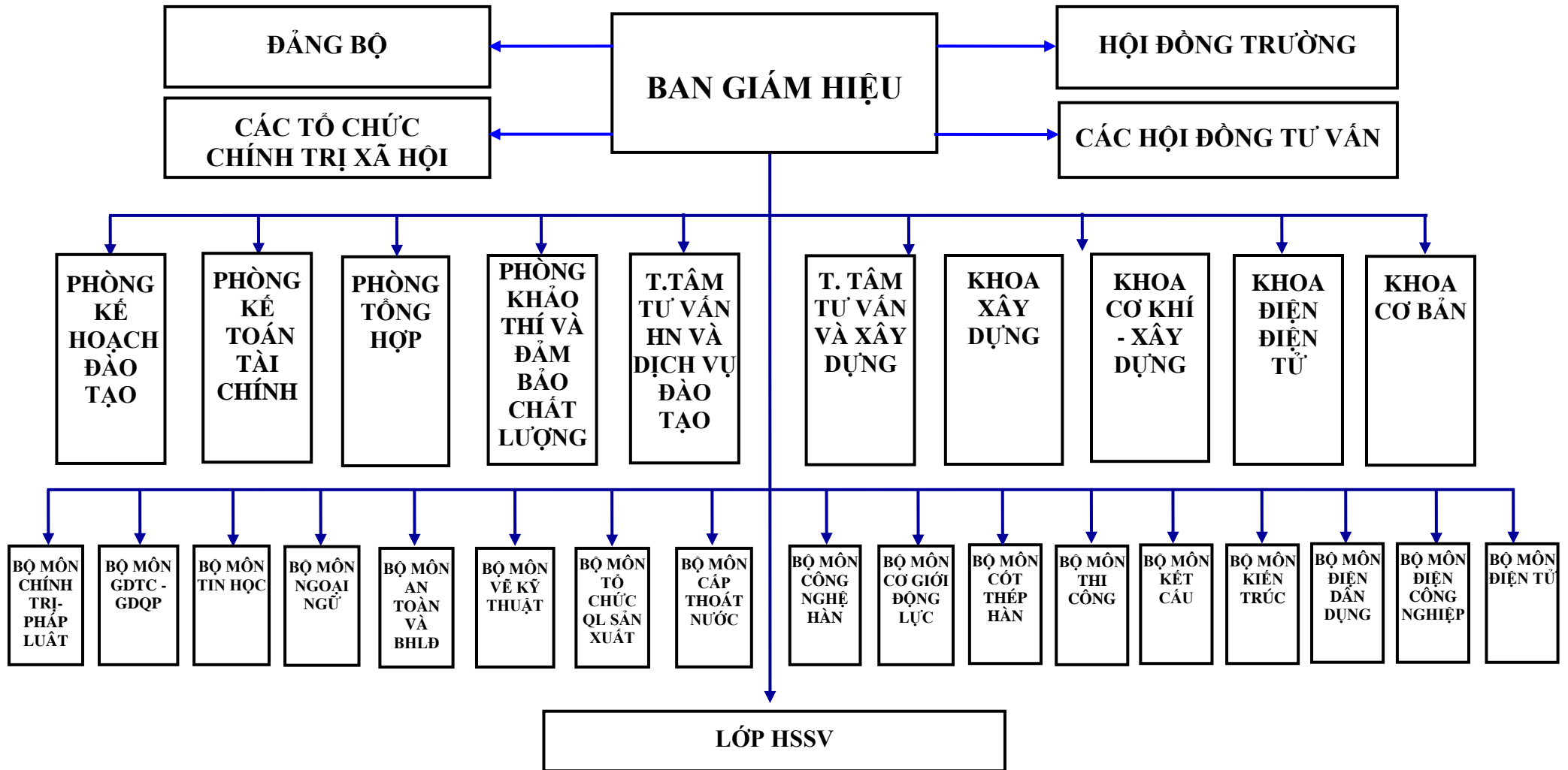
Trong **46 năm** xây dựng và phát triển, Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo, sự ủng hộ giúp đỡ của lãnh đạo Bộ Xây dựng, của lãnh đạo các cơ quan ban ngành của địa phương. Đồng thời với sự cố gắng nỗ lực của cán bộ, giáo viên, công nhân viên phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Nhiều năm liền Đảng bộ nhà trường liên tục đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh, nhà trường giữ vững danh hiệu Trường tiên tiến xuất sắc của tỉnh Quảng Ninh và ngành Xây dựng. Bốn mươi **sáu năm** xây dựng và phát triển đi lên, Trường Cao đẳng nghề Xây dựng đã vinh dự được Đảng, Nhà nước và Bộ Xây dựng đánh giá và ghi nhận bằng những phần thưởng cao quý cho nhà trường và những cá nhân xuất sắc, đó là:

- 03 huân chương Lao động (Hạng Nhất, Nhì Ba)
- **Trường nhận cờ thi đua của Bộ Xây dựng**
- 02 Huy chương vàng công trình chất lượng cao
- 11 Cờ thi đua xuất sắc
- 02 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
- 01 đồng chí được tặng Huân chương lao động Hạng ba
- 04 đồng chí được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

- 02 đồng chí được tặng danh hiệu Nhà giáo Ưu tú
- 01 đồng chí nhận chiến sĩ thi đua cấp ngành Xây dựng
- 01 đồng chí được tặng Bằng khen Lao động sáng tạo của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam
- Nhiều lượt giáo viên đạt giải nhất, nhì, ba hội thi giáo viên giỏi cấp Ngành Xây dựng và cấp tỉnh và toàn quốc
- Nhiều học sinh sinh viên đạt giải nhất, nhì, ba hội thi tay nghề giỏi cấp tỉnh, ngành Xây dựng và quốc gia
- Nhiều tập thể, cá nhân nhiều năm liền được tặng Bằng khen của Bộ Xây dựng, UBND tỉnh Quảng Ninh, Sở Lao động Thương binh và Xã hội....

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường CDN Xây dựng

3.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức



3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của nhà trường

TT	Thông tin các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ
I. Ban Giám hiệu				
1	Hiệu trưởng	Bùi Văn Dũng	1965	Th.s - Hiệu trưởng
2	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Thị Hoài	1984	Th.s - Phó HT
3	Phó Hiệu trưởng	Vũ Xuân Quyên	1969	Th.s - Phó HT
II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn.				
1	Cấp ủy	Bùi Văn Dũng	1965	Bí thư Đảng bộ
2	Công Đoàn	Nguyễn Như Minh	1974	Chủ tịch
3	Đoàn Thanh niên	Đình Thành Hưng	1982	Bí thư ĐTN
III Các bộ phận chức năng				
1	Phòng Kế hoạch - Đào tạo	Phạm Thanh Hải	1985	Trưởng phòng
2	Phòng Kế toán tài chính	Nguyễn Thị Nhàn	1971	Cử nhân - Trưởng phòng, Kế toán trưởng
3	Phòng Tổng hợp	Nguyễn Như Minh	1974	Th.s - Trưởng phòng
4	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.	Phạm Thị Minh Thu	1987	Th.s - Trưởng phòng
5	T.T Tư vấn Hướng nghiệp và Dịch vụ đào tạo	Lý Thị Thu Hiền	1978	Giám đốc
6	T.T Tư vấn và Xây dựng	Nguyễn Thành Công	1981	Giám đốc
IV Các bộ phận chuyên môn				
1	Khoa Điện – Điện Tử	Vũ Thị Thơ	1980	Th.s - Trưởng khoa
2	Khoa Cơ khí và Xây dựng	Vương Thế Anh	1978	Th.s - Trưởng khoa
3	Khoa Xây dựng	Đình Thành Hưng	1982	Th.s - Trưởng khoa
4	Khoa cơ bản	Đoàn Thị Huệ	1979	Phó khoa

3.3. Tổng số cán bộ của nhà trường (tính đến thời điểm đánh giá): 77 người

- Nam: 45 người - Nữ: 32 người
- Biên chế: 65 - Hợp đồng, thỉnh giảng: 07; HĐKXĐTH NĐ 68: 05
- Giáo viên cơ hữu và viên chức: 54 người; CBCNV: 23 người

3.4. Tuổi trung bình của cán bộ giảng dạy (CBGD) (biên chế và HĐ): 36 tuổi

3.5. Tỷ lệ CBGD có học vị và chức danh (biên chế và hợp đồng)

STT	Học vị, chức danh	Số người	Tỷ lệ
1	TSKH/TS	0	0%
2	Nghiên cứu sinh	0	0%
3	Thạc sĩ	25	32,5%
4	Đang học cao học	0	0%
5	Đại học	43	55,8%
6	Cao đẳng	01	1.3%
7	Trung cấp và CNKH	08	10,4%

Giáo viên cơ hữu			
Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Thạc sĩ	10	12	22
Đại học	21	11	32
Cao đẳng	0	1	0
Trung cấp	0	0	0
Công nhân bậc 5/7 trở lên	0	0	0
Trình độ khác	0	0	0
Tổng số	31	23	54

4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường

4.1. Danh sách các nghề đào tạo theo từng trình độ

STT	TÊN NGHỀ VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	TUYỂN SINH ĐẾN 2019		
		2016 - 2017	2017-2018	2018-2019
CAO ĐẲNG		50	18	08
1	Kỹ thuật xây dựng	0	8	-
2	Trắc địa công trình	12	-	01
3	Điện dân dụng	-	-	-

STT	TÊN NGHỀ VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	TUYỂN SINH ĐẾN 2019		
		2016 - 2017	2017-2018	2018-2019
4	Điện công nghiệp	23	10	07
5	Cấp, thoát nước	15	-	-
TRUNG CẤP		247	306	332
1	Kỹ thuật xây dựng	-	34	36
2	Trắc địa công trình	-	5	41
3	Điện dân dụng	-	93	82
4	Điện công nghiệp	91	53	50
5	Cấp, thoát nước	57	119	87
6	VH máy xây dựng	53	-	-
7	Cốt thép hàn	-	-	-
8	CN ô tô	46	-	-
9	Hàn	-	2	36
SƠ CẤP		18	289	90
1	Trắc địa công trình	-	-	-
2	Điện dân dụng	-	2	-
3	Điện công nghiệp	-	2	01
4	Cấp, thoát nước	4	3	08
5	Hàn	8	40	01
6	SX gốm xây dựng	-	70	52
7	Nề HT	-	-	20
8	Xếp dỡ cơ giới tổng hợp	6	172	08
TỔNG		315	613	430

4.2. Các loại hình đào tạo của nhà trường

- Chính quy: có
- Không chính quy: có (các lớp dạy ngắn hạn, bồi dưỡng chuyên đề)

4.3. Tổng số các khoa đào tạo: 04 Khoa + 2 trung tâm

4.4. Tổng số chuyên ngành đào tạo: 16

4.5. Tỷ lệ học sinh quy đổi trên 1 giáo viên quy đổi: 25 HS/1GV

4.6. Số cán bộ giảng dạy tham gia nghiên cứu khoa học (NCKH) (tính theo số báo cáo KH từ cấp trường trở lên trong 3 năm gần nhất): **21 giáo viên**

- Có 1 báo cáo KH: 18

- Có từ 2 báo cáo KH trở lên: 03

4.7. Số lượng học sinh (3 năm gần nhất) nhà trường

Năm	Số nhập học	Ghi chú
2016-2017	315	Nhà trường tuyển sinh theo hình thức xét tuyển hồ sơ đăng ký học nghề
2017-2018	613	
2018-2019	430	

Trình độ đào tạo	Năm			
	2016	2017	2018	2019 (theo chỉ tiêu)
1. Cao đẳng nghề	50	68	76	124
2. Trung cấp nghề	1.002	883	784	862
3. Sơ cấp nghề	18	289	105	300
4. Liên kết đào tạo	38	80	59	80
Tổng cộng	1.108	1.320	1.015	1.366

Năm học	Cao đẳng		Trung cấp		Sơ cấp	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
2016 - 2017	22	28	671	331	16	2
2017 - 2018	38	30	603	280	237	52
2018 - 2019	45	31	502	282	56	49
Tổng cộng	105	89	1.776	893	309	103

4.8. Số học sinh quốc tế (nếu có) trong 3 năm gần đây nhất: Nhà trường chưa có liên kết đào tạo học sinh quốc tế.

4.9. Tỷ lệ học sinh có chỗ ở trong kí túc xá (KTX)/tổng số học sinh có nhu cầu ở KTX

Gồm 56 phòng với tổng diện tích 2.688 m² đáp ứng 100% nhu cầu nhà ở của học viên. Có đủ các trang thiết bị cho sinh viên, học sinh khi ở nội trú.

4.10. Số lượng và tỷ lệ học sinh tham gia NCKH trong 3 năm gần đây nhất

Công tác nghiên cứu khoa học trong học sinh sinh viên đã và được triển khai

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1. Tổng diện tích đất sử dụng của trường (tính bằng m²): 26.608 m²

5.2. Diện tích sử dụng (tính bằng m²)

Nhà trường đã trang bị phòng học lý thuyết 12 máy điều hòa và 02 bộ máy chiếu. Phòng học ngoại ngữ được trang bị Tivi 75 inch, tai nghe 12 bộ, đài castset 01 chiếc

Sửa chữa nhà ký túc xá 4 tầng diện tích 1334 m², nhà giảng đường 2 tầng (diện tích sàn) 600m², Quét sơn bề ngoài nhà hiệu bộ.

Diện tích sử dụng đất của nhà trường như sau:

+ Đất xây dựng: 6.353m²

+ Đất chưa xây dựng và lưu không: 13.138 m²

Hiện trạng cơ sở vật chất hiện có phục vụ cho công tác đào tạo:

+ Khu hiệu bộ: 4 tầng, gồm 32 phòng với tổng diện tích là 1.334m², 01 nhà đa năng 2 tầng với diện tích 1.400 m² đáp ứng điều kiện làm việc cho Ban giám hiệu, các phòng chức năng, các Khoa, các Trung tâm trong hiện tại.

+ Khu học thực hành: Gồm 10 xưởng với tổng diện tích là 2.733 m²

1. Xưởng kỹ thuật xây dựng
2. Xưởng Trắc địa công trình
3. Xưởng Điện dân dụng
4. Xưởng Điện công nghiệp
5. Xưởng Cấp thoát nước
6. Xưởng Hàn
7. Xưởng Vận hành máy xây dựng
8. Xưởng Cốt thép hàn
9. Xưởng Công nghệ ô tô
10. Xưởng Vận hành máy xúc

Hiện tại nhà trường đang xây dựng bổ sung thêm nhà xưởng để phù hợp với quy mô đào tạo.

5.3. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường: 128 đầu sách.

Tổng đầu sách thuộc chuyên ngành đào tạo của trường: 120 đầu sách

5.4. Tổng số máy tính của trường: 50

- Dùng cho văn phòng: 20

- Dùng cho học sinh học tập: 30

5.5. Tổng kinh phí đào tạo trong 3 năm trở lại đây:

- Năm 2016: 22.064.803.756 đồng

- Năm 2017: 15.523.481.038 đồng

- Năm 2018: 14.123.000.000 đồng

5.6. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 3 năm trở lại đây:

- Năm 2016: 1.737.000.000 đồng

- Năm 2017: 2.732.000.000 đồng

- Năm 2018: 2.500.000 000 đồng

5.7. Tỷ lệ kinh phí chi cho NCKH trong tổng kinh phí đào tạo trong 3 năm trở lại đây

- Năm 2016: 450.000.000 đồng

- Năm 2017: 500.000.000 đồng

- Năm 2018: 100.000.000 đồng

Phần II

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG

1. Đặt vấn đề

1.1. Sự cần thiết của hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp

Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp (ĐGCLGDNN) là việc đánh giá và công nhận các hoạt động của trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, trường cao đẳng nhằm xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục nghề nghiệp của cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trung tâm giáo dục nghề nghiệp (GDNN), trường trung cấp, trường cao đẳng do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định.

Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp là một hoạt động có yêu cầu cao về tính khoa học, khách quan, công bằng, đồng thời bảo đảm tính bình đẳng, định kỳ. Một trong những điều kiện, tiền đề không thể thiếu để đáp ứng các yêu cầu nói trên là: hoạt động ĐGCLGDNN cần được dựa trên cơ sở pháp lý chặt chẽ. Điều đó có nghĩa là hoạt động ĐGCLGDNN được tiến hành trên cơ sở pháp luật và theo các quy định của pháp luật.

Tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN là một hoạt động bắt buộc với tất cả các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Điều này càng trở nên quan trọng khi Việt Nam tham gia hội nhập kinh tế quốc tế. Chất lượng nguồn nhân lực là vũ khí cạnh tranh quan trọng nhất. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hàng năm cung cấp một tỷ lệ lớn cho nguồn nhân lực được đào tạo của quốc gia. Để đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao thì cần phải có các yếu tố đầu vào và các điều kiện đảm bảo trong quá trình đào tạo như: cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị thực hành, thực tập đáp ứng được nhu cầu dạy và học; nội dung chương trình, tài liệu giảng dạy phù hợp; đội ngũ giáo viên đạt chuẩn và có trình độ tay nghề cao. Do đó, việc quản lý chất lượng đào tạo nghề cần có chuẩn mực để ràng buộc, thúc đẩy các cơ sở dạy nghề để từng bước nâng cao chất lượng đào tạo bằng những thước đo cụ thể, khách quan; các bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng dạy nghề phải bảo đảm tính hệ thống, khoa học và phù hợp.

Trong thời gian vừa qua, các cơ sở GDNN đã quan tâm đến chất lượng dạy nghề, tổ chức xây dựng điều chỉnh chương trình đào tạo gắn liền với các yêu cầu của doanh nghiệp, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cơ sở vật chất - Hạ tầng kỹ thuật của các cơ sở GDNN cũng đã được tăng cường, đổi mới đáng kể. Đội ngũ cán bộ giảng viên, giáo viên được đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ... Tuy nhiên, các hoạt động nói trên phần nào còn mang tính chủ quan và chưa mang lại những kết quả rõ rệt trong việc nâng cao năng lực dạy nghề. Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là do chưa theo định hướng, yêu cầu của hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn có tính khoa học về đánh giá chất lượng dạy nghề.

Vì vậy, để đảm bảo và nâng cao chất lượng của cơ sở GDNN, các cơ sở GDNN cần phải tiến hành tự đánh giá chất lượng căn cứ vào những tiêu chí, tiêu chuẩn của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp ban hành.

Tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN là cơ sở giúp Nhà trường tự đánh giá một cách toàn diện các hoạt động theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn thống nhất. Từ kết quả tự đánh giá, lãnh đạo các cấp trong Trường sẽ nhận thức đầy đủ hơn và khách quan hơn về mức độ chất lượng các hoạt động đã đạt được, cũng như các tồn tại để có kế hoạch và

giải pháp khắc phục sớm nhất nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý để đảm bảo chất lượng đào tạo.

Hiện nay, hoạt động kiểm định chất lượng đã trở thành một trong những công cụ quan trọng nhằm đạt được các tiêu chuẩn chất lượng trong hệ thống giáo dục kỹ thuật và dạy nghề nói riêng và trong tất cả các lĩnh vực sản xuất khác nói chung.

Đối với các trường, đánh giá nhằm hai mục đích: đánh giá chất lượng dạy và học của nhà trường và hỗ trợ nhà trường liên tục cải tiến chất lượng đào tạo.

Thực hiện kế hoạch của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp năm 2019, trường Cao đẳng nghề Xây dựng đã xây dựng kế hoạch và triển khai công tác tự đánh giá. Đây là dịp để Nhà trường tự đánh giá một cách toàn diện các hoạt động của mình theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn thống nhất của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội. Từ kết quả tự đánh giá, Nhà trường sẽ nhận thức đúng, đủ và khách quan hơn về chất lượng các hoạt động trên cả hai mặt ưu điểm, khuyết điểm, thấy được những tồn tại, hạn chế của nhà trường. Qua đó đưa ra giải pháp, kế hoạch hoàn thiện nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng trên mọi mặt hoạt động, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

1.2. Vai trò của hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp

Hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp (ĐGCLDN) là một hoạt động có vai trò và ý nghĩa to lớn đối với xã hội, người có nhu cầu học nghề, CSDN, cơ sở sử dụng lao động và cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề. Nói cụ thể hơn, ĐGCLDN có vai trò quan trọng trên các phương diện sau:

a. Đối với xã hội, hoạt động đánh giá thường mang tính xã hội rất cao, thể hiện ở chỗ:

- Đó là *sự đảm bảo trước xã hội về chất lượng* “sản phẩm” của CSDN hoặc của chương trình dạy nghề.

- Xác nhận chất lượng và hiệu quả đào tạo của CSDN.

- Là cơ sở cho việc tuyển dụng, xem xét tư cách hành nghề của những người học nghề

- Là cơ sở cho việc trao đổi và di chuyển lao động giữa các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sử dụng lao động trong và ngoài nước.

- Thông qua quá trình đánh giá, các CSDN luôn chủ động và có ý thức trong việc không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo nghề của mình, nâng cao hiệu quả của đầu tư cho đào tạo nghề.

b. Đối với người học, mục đích của các dịch vụ cho người học là nhằm đáp ứng những đòi hỏi, sự ham muốn và phát huy các khả năng tiềm tàng của người học đối với các chương trình dạy nghề. Dịch vụ nhân sự cho người học phải xây dựng các chương trình định hướng và lập hệ thống hồ sơ nhân sự phù hợp gồm: dịch vụ tư vấn cá nhân; chương trình định hướng cho học sinh - sinh viên; dịch vụ lưu giữ các hồ sơ của người học; dịch vụ tài chính cho người học; dịch vụ ăn và ở; dịch vụ giới thiệu việc làm ...

Vì thế, đánh giá chất lượng sẽ đảm bảo độ tin cậy đối với cơ sở dạy nghề hay một chương trình dạy nghề mà người học đó đang theo học, họ có thể yên tâm vì nhu cầu học tập của họ được đáp ứng một cách tốt nhất. Giúp cho người học chuyển đổi việc học tập giữa các trường hoặc được công nhận khi họ có nhu cầu bồi dưỡng, nâng cao trình độ. Điều quan trọng hơn là nếu được học ở những CSDN có uy tín và những chương trình dạy nghề phù hợp đã được khẳng định qua đánh giá chất lượng thì người học sẽ dễ tìm

được việc hoặc tự tạo việc làm khi ra trường, là tiền đề giúp cho người học được công nhận trong việc hành nghề.

c. *Đối với bản thân các CSDN*, đánh giá chất lượng có vai trò như là một động lực bên trong với sự hỗ trợ, khuyến khích từ bên ngoài giúp CSDN có điều kiện đánh giá lại mình một cách toàn diện, đầy đủ thông qua việc xem xét và xây dựng báo cáo tự đánh giá, nâng cao năng lực hoạt động của mình để tiến tới xây dựng một CSDN có chất lượng cao. Hay nói cách khác thông qua đánh giá chất lượng, thương hiệu, uy tín của một CSDN sẽ được xã hội biết đến và thừa nhận.

d. *Đối với cơ quan quản lý các cấp*, đánh giá được coi là một công cụ đảm bảo đánh giá một cách khách quan về CSDN hoặc một chương trình dạy nghề, phát hiện những nhân tố mới trong số các CSDN đã thực hiện tốt các giải pháp cải tiến, tự hoàn thiện mình để nâng cao chất lượng đào tạo. Việc các cơ quan kiểm định áp dụng các "tiêu chuẩn đánh giá chất lượng" sẽ tránh được những tác động bên ngoài có hại tới uy tín của CSDN.

Hơn nữa, nếu đánh giá chất lượng nói chung và tự kiểm tra, tự đánh giá nói riêng được tiến hành tốt sẽ thúc đẩy các CSDN cải tiến nâng cao chất lượng.

e. *Đối với người sử dụng lao động*, học sinh tốt nghiệp từ các chương trình dạy nghề đã được đánh giá chất lượng, từ các CSDN đã được cấp giấy chứng nhận "chất lượng" giúp họ yên tâm hơn.

Dạy nghề là một hoạt động dịch vụ. Chất lượng hoạt động dịch vụ này không nằm ngoài những vấn đề chung về chất lượng và quản lý chất lượng. Bởi vậy, ĐGCLDN thông qua việc đánh giá và chứng nhận các CSDN đạt "chất lượng" là một việc làm cần thiết để hoạt động dạy nghề đi vào nề nếp, nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề thông qua đó đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

Trong quá trình đào tạo nghề cũng như tự đánh giá chất lượng, Trường nhận thấy rằng: thực hiện tốt và thường xuyên công tác kiểm định chất lượng sẽ tạo điều kiện cho Nhà trường phát triển một cách vững chắc và khẳng định vị thế trong hệ thống các trường dạy nghề và xã hội.

2. Tổng quan chung

2.1. Căn cứ tự đánh giá

- Thông tư số 15/2017TT-BLĐTĐBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

- Căn cứ Công văn số 23/TCĐN-KĐCL ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tổng cục Dạy nghề về việc "Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng năm 2018";

- Căn cứ Công văn số 879/LĐTĐBXH-DN ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ninh về việc "Hướng dẫn triển khai công tác tự kiểm định chất lượng và báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2018";

2.2. Mục đích tự đánh giá

Đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, nội dung chương trình giảng dạy; đánh giá về cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của nhà

trường và các điều kiện học tập của HSSV, công tác giảng dạy của GV so với bộ tiêu chí, tiêu chuẩn.

Xác định mức độ đạt được của nhà trường thông qua việc đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của bộ tiêu chí (bao gồm các tiêu chuẩn) đánh giá chất lượng của trường cao đẳng.

Phát hiện các điểm không phù hợp và đề ra kế hoạch cần cải thiện trong những khoảng thời gian nhất định, qua đó giúp nhà trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn tiến tới xây dựng Trường trở thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chất lượng cao, có thương hiệu và uy tín được xã hội biết đến và thừa nhận.

Mục đích của việc tự kiểm định là bước khởi đầu rất quan trọng cho việc đánh giá chất lượng cơ sở GDNN bắt buộc của Bộ LĐTĐ-XH trong thời gian tới.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá

Thể hiện sự bình đẳng, khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự đánh giá.

Hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai với tất cả thành viên trong trường.

Đảm bảo đúng thời gian theo kế hoạch.

2.4. Phương pháp tự đánh giá

- Nghiên cứu bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ trưởng Bộ LĐTĐ-XH ban hành, các tài liệu, hồ sơ minh chứng kèm theo;

- Thu thập thông tin, rà soát các hoạt động của trường và những chứng cứ để chứng minh;

- Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến các đơn vị, CBQL, GV, HSSV và người sử dụng lao động.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

1. Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá.
2. Thành lập Hội đồng tự đánh giá của trường năm 2019.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá năm 2019.
4. Thu thập thông tin và những chứng cứ để minh chứng.
5. Xử lý phân tích các thông tin và những chứng cứ thu được để minh chứng.
6. Đánh giá mức độ mà trường đã đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn.
7. Viết báo cáo kết quả tự đánh giá.
8. Công bố công khai kết quả tự đánh giá trong nội bộ trường.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		
	Tổng điểm	89	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	12 điểm	12 điểm
	Tiêu chuẩn 1	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 2	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 3	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 4	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 5	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 6	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 7	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 8	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 9	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 10	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 11	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 12	1	1 điểm
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	17 điểm	16 điểm
	Tiêu chuẩn 1	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 2	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 3	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 4	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 5	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 6	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 7	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 8	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 9	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 10	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 11	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 12	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 13	1	0 điểm
	Tiêu chuẩn 14	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 15	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 16	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 17	1	1 điểm
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động	15 điểm	14 điểm
	Tiêu chuẩn 1	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 2	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 3	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 4	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 5	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 6	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 7	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 8	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 9	1	0 điểm
	Tiêu chuẩn 10	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 11	1	1 điểm

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	Tiêu chuẩn 12	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 13	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 14	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 15	1	1 điểm
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	15 điểm	13 điểm
	Tiêu chuẩn 1	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 2	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 3	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 4	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 5	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 6	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 7	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 8	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 9	1	0 điểm
	Tiêu chuẩn 10	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 11	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 12	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 13	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 14	1	0 điểm
	Tiêu chuẩn 15	1	1 điểm
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, thư viện	15 điểm	13 điểm
	Tiêu chuẩn 1	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 2	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 3	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 4	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 5	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 6	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 7	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 8	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 9	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 10	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 11	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 12	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 13	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 14	1	0 điểm
	Tiêu chuẩn 15	1	0 điểm
6	Tiêu chí 6: NCKH, chuyển giao CN, hợp tác quốc tế	5 điểm	4 điểm
	Tiêu chuẩn 1	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 2	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 3	1	0 điểm
	Tiêu chuẩn 4	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 5	1	1 điểm

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
7	Tiêu chí 7: Quản lý tài chính	6 điểm	6 điểm
	Tiêu chuẩn 1	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 2	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 3	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 4	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 5	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 6	1	1 điểm
8	Tiêu chí 8: Dịch vụ người học	9 điểm	8 điểm
	Tiêu chuẩn 1	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 2	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 3	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 4	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 5	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 6	1	0 điểm
	Tiêu chuẩn 7	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 8	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 9	1	1 điểm
9	Tiêu chí 9: Giám sát đánh giá chất lượng	6 điểm	4 điểm
	Tiêu chuẩn 1	1	0 điểm
	Tiêu chuẩn 2	1	0 điểm
	Tiêu chuẩn 3	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 4	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 5	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 6	1	1 điểm

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

3.2.1. TIÊU CHÍ 1. MỤC TIÊU, SỨ MẠNG, TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Tiền thân của trường là Trường đào tạo công nhân Kỹ thuật thuộc Công ty kiến trúc Ưông Bí cho đến nay trở thành Trường CDN Xây dựng, nhà trường đã trải qua một thời gian dài hoạt động trong lĩnh vực đào tạo nghề. Với bề dày kinh nghiệm trong công tác quản lý, đào tạo giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp, trường đã xác định các mục tiêu, nhiệm vụ trong từng giai đoạn phát triển của nhà trường phù hợp với điều kiện phát triển Kinh tế - Xã hội của địa phương.

*** Những điểm mạnh**

Trường đã xây dựng chiến lược phát triển dài hạn của trường phù hợp với mục tiêu phát triển của ngành Xây dựng, địa phương và khu vực Đông Bắc Bộ.

Các ngành nghề của trường đào tạo phù hợp với mục tiêu phát triển của ngành và địa phương.

Mục tiêu, nhiệm vụ của nhà trường được xác định rõ ràng, theo từng giai đoạn phát triển, từng năm học, được công bố bằng nhiều hình thức trên các phương tiện thông tin, tài liệu giới thiệu về trường và trên website của trường.

Có đầy đủ các văn bản quy định về tổ chức và cơ chế quản lý và được triển khai đến các bộ phận, kế hoạch phát triển cũng như phương hướng hoạt động của Trường

được phổ biến công khai để mọi thành viên tham gia đóng góp ý kiến và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Các văn bản nội bộ thực hiện hàng năm được rà soát bổ sung sửa đổi, đảm bảo đúng quy định của Pháp luật và phù hợp với thực tế của đơn vị.

Trường đã lập tờ trình Thành lập Hội đồng trường đơi cấp trên xem xét, các đơn vị quản lý, Phòng, Khoa, Trung tâm, Tổ bộ môn trực thuộc phù hợp với cơ cấu ngành nghề và quy mô đào tạo của trường, có chức năng hoạt động rõ ràng.

Tổ chức Đảng và đoàn thể trong Nhà trường đã thể hiện được vai trò tập hợp, đoàn kết, phát huy trí tuệ, công sức của tập thể Cán bộ - Viên chức - Giáo viên - Học sinh, sinh viên (CBVC-GV) góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Nhà trường đã bổ sung kịp thời đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ đáp ứng yêu cầu về chuẩn, chất lượng trong giai đoạn hội nhập và phát triển, tạo được niềm tin đối với người học, doanh nghiệp tiếp nhận lao động, cơ quan chủ quản, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong khu vực, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, mục tiêu của trường trong thời gian qua.

*** Những tồn tại:**

So với các yêu cầu của các tiêu chuẩn Trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra, không có tồn tại cần khắc phục.

*** Kế hoạch**

Trong thời gian tới, trường sẽ tiếp tục thực hiện những công việc sau:

- Tiếp tục tăng cường công tác khảo sát thực tế để nắm bắt nhu cầu về lao động, yêu cầu về trình độ công nghệ để gắn đào tạo với sử dụng lao động của doanh nghiệp và địa phương.
- Xây dựng kế hoạch, tổ chức định hướng tư vấn nghề nghiệp định kỳ cho học sinh trong các trường THPT, THCS trên địa bàn trong và ngoài tỉnh, các địa phương liên quan để nâng cao hiệu quả tuyển sinh.

Nhà trường đang từng bước cải tiến phương pháp, nhằm đạt hiệu quả cao trong công tác thanh tra, kiểm tra đào tạo để đưa trường đạt chuẩn theo hướng hội nhập.

Hàng năm Đảng bộ nhà trường lãnh đạo tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên thực hiện tốt nhiệm vụ theo chỉ đạo của Công đoàn ngành, Thành đoàn Ưông Bí, tổ chức tốt các hoạt động phong trào mang tính giáo dục cao, phù hợp với đặc điểm nhà trường, sắp xếp bố trí thời gian hợp lý hạn chế ảnh hưởng đến công tác giảng dạy và học tập trong nhà trường.

3.2.1.1. Tiêu chuẩn 1

Mục tiêu, sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.

*** Mô tả:**

Nhà trường có đầy đủ các quyết định thành lập và có văn bản xác định mục tiêu của nhà trường qua từng giai đoạn.

Trường Cao đẳng nghề Xây dựng là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Xây dựng. Tiền thân là Trường đào tạo công nhân Kỹ thuật thuộc Công ty Kiến trúc Ưông Bí được thành lập theo Quyết định số 932/BKT ngày 28/6/1973 của Bộ Kiến trúc (nay là Bộ

Xây dựng) (1.1.01. *QĐ Thành lập Trường Công nhân xây dựng Uông Bí*). Ngày 11/7/2006 theo Quyết định 1025/QĐ - BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Trường đào tạo công nhân kỹ thuật được nâng cấp thành Trường Trung cấp Xây dựng (1.1.02. *QĐ Thành lập Trường Trung cấp Xây dựng*). Ngày 25 tháng 6 năm 2015 theo Quyết định số 884/QĐ - LĐTBXH của Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội Trường Trung cấp Xây dựng được nâng cấp thành Trường Cao đẳng nghề Xây dựng (1.1.03. *Quyết định thành lập Trường Cao đẳng nghề Xây dựng*).

Mục tiêu và sứ mạng của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng là: Tiếp tục đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo; Thường xuyên cải tiến chương trình đào tạo, giáo trình; Tăng cường bổ sung và phát huy hiệu quả cơ sở vật chất hiện có; Xây dựng nhà trường xanh, sạch đẹp. Cụ thể mục tiêu và chính sách chất lượng được thể hiện rõ trong Quyết định Ban hành Chính sách chất lượng của Trường Cao đẳng nghề giai đoạn 2020 – 2025. Quyết định số 76/QĐ-BXD ngày 25 tháng 01 năm 2018 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng (1.1.04. *Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng*); Quyết định số 33/QĐ-TCĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 về việc sửa đổi Điều lệ Trường Cao đẳng nghề Xây dựng (1.1.05. *Quyết định phê duyệt Điều lệ Trường Cao đẳng nghề Xây dựng*).

Mục tiêu và sứ mạng của nhà trường được công bố công khai trong Hội nghị Cán bộ - Viên chức (CB – VC) thông qua báo cáo tổng kết năm học; trên Website của trường; hội nghị tuyển sinh; đối thoại học sinh... (1.1.06. *Địa chỉ Website của trường*; 1.1.07. *QĐ 12 ngày 28 tháng 5 năm 2019 Ban hành chính sách chất lượng Trường CĐN Xây dựng giai đoạn 2020-2025*; 1.1.08. *QĐ số 13 ngày 03 tháng 6 năm 2019 Ban hành Mục tiêu chất lượng và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng năm học 2019-2020*). Các hoạt động của Công đoàn và Đoàn Thanh niên cũng góp phần giúp mọi người hiểu thêm các thông tin về Trường.

*** Nhận định:**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã đáp ứng đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.1.2. Tiêu chuẩn 2

Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.

*** Mô tả**

Trường có quy hoạch, kế hoạch, định hướng phát triển trường gắn với chiến lược phát triển Kinh tế - Xã hội của địa phương, ngành, được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

- Kế hoạch phát triển của địa phương: Ngày 31/12/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 2622/QĐ-TTg về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Kinh tế - Xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Trong chiến lược phát triển Kinh tế - Xã hội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, tỉnh Quảng Ninh xác định phát triển kinh tế dịch vụ, công nghiệp hiện đại và là một trong những đầu tàu kinh tế, trung tâm văn hóa, du lịch dịch vụ, kinh tế biển của miền Bắc.

- Kế hoạch phát triển của ngành: Sự nghiệp đào tạo nghề, đặc biệt lao động có chất lượng cao cho ngành Xây dựng và các ngành kinh tế xã hội khác, được Lãnh đạo Bộ Xây dựng

rất quan tâm, được thể hiện qua các nội dung giao ban, đề án chủ trương, giải pháp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cũng như hội nghị phát triển nguồn nhân lực qua đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp trong vùng kinh tế trọng điểm vùng Đông Bắc. Đề án thành lập Trường Cao đẳng nghề Xây dựng được xây dựng trên cơ sở đề án phát triển nguồn nhân lực của ngành Xây dựng đến năm 2020.

Trên cơ sở đó trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển về đào tạo, cơ sở vật chất và nhân lực của trường hàng năm. Kế hoạch và định hướng phát triển của trường đã đáp ứng được xu hướng phát triển ngành Xây dựng. Định hướng phát triển Nhà trường theo các nghề mũi nhọn, đón đầu cũng như xã hội hóa dạy nghề.

Mục tiêu và nhiệm vụ của trường đầu tư những nghề có thế mạnh và đã được đăng ký một số nghề trọng điểm của quốc gia (*1.2.01. Đăng ký nghề trọng điểm quốc gia, khu vực và quốc tế; 1.2.07. QĐ số 1836/QĐ-LĐTĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng bộ Lao động TBXH Phê duyệt ngành, nghề trọng điểm, trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng đến năm 2025*).

- Các nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu nhân lực của thị trường lao động và nhu cầu của người học, xã hội.

Căn cứ vào nhu cầu phát triển và tăng quy mô mở rộng ngành nghề phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp, nhà trường mở rộng các ngành nghề đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho địa phương, đồng thời đáp ứng nhu cầu học nghề của người học (*1.2.02. Đề án nâng cấp trường Cao đẳng nghề Xây dựng*).

Nhà trường ký kết các Hợp đồng đào tạo công nhân theo yêu cầu của các công ty, doanh nghiệp (*1.2.03. Các hợp đồng liên kết đào tạo với doanh nghiệp*).

Ngoài ra, nhà trường thường xuyên mở các lớp Sơ cấp tại các địa phương trong tỉnh nhằm góp phần giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, chuyển dịch cơ cấu lao động cũng như nâng cao tỉ lệ thời gian lao động ở nông thôn, nhà trường tham gia công tác đào tạo nghề cho nông thôn với các nghề: Sản xuất gốm xây dựng, Điện dân dụng, Điện công nghiệp, Cơ điện nông thôn, Hàn, Nề hoàn thiện, Hàn, Xếp dỡ cơ giới tổng hợp, Cấp thoát nước... (*1.2.04. Hợp đồng đào tạo các lớp LĐNT hệ Sơ cấp*).

Thông báo tuyển sinh hàng năm của nhà trường được đăng trên website của nhà trường, các tờ rơi... (*1.1.06. Địa chỉ website của trường*).

Nắm bắt nhu cầu của xã hội ngày càng phát triển, Nhà trường đã đề ra mục tiêu cũng như nhiệm vụ cụ thể để theo kịp với thị trường lao động của xã hội.

Căn cứ vào những dự báo về dân số, số lao động có nhu cầu việc làm, khả năng phát triển kinh tế xã hội của đất nước, của ngành Xây dựng. Các ngành nghề đào tạo của nhà trường đã đáp ứng được nhu cầu của xã hội, hơn 80 % học sinh ra trường đều có việc làm ổn định đảm bảo mục tiêu và nhiệm vụ của nhà trường (*1.2.05. Báo cáo tổng kết kết quả đào tạo hàng năm*).

Năm 2019, Nhà trường được cấp bổ sung giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp bổ sung trình độ Cao đẳng nghề Hàn; Trình độ Trung cấp nghề Nề - Hoàn thiện; Trình độ Sơ cấp nghề Kỹ thuật máy lạnh điều hòa không khí. (*1.2.06. giấy chứng nhận số 16c/2016/GCNDKBS-TCGDNN ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Tổng cục trưởng tổng cục giáo dục nghề nghiệp*)

*** Nhận định:**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã đáp ứng đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.1.3. Tiêu chuẩn 3

Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.

*** Mô tả**

Nhà trường đã ban hành hệ thống các văn bản về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị (1.3.01. Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng; 1.3.02. Quy định chức năng và nhiệm vụ của phòng Kế hoạch- Đào tạo; 1.3.03. Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm tư vấn và xây dựng; 1.3.04. Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm hướng nghiệp và dịch vụ đào tạo). Các quy định, quy chế này phù hợp với Điều lệ trường Cao đẳng và quy định của pháp luật về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức và quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Để quản lý và minh bạch hoá hoạt động tài chính, nhà trường đã ban hành quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ (1.3.05. Quy chế quản lý tài chính; 1.3.06. Quy chế quản lý chi tiêu nội bộ). Để nâng cao chất lượng công tác nhân sự nhà trường đã ban hành quy định về tuyển dụng cán bộ, viên chức, quy định về tuyển dụng nhà giáo (1.3.07. Quy định về tuyển dụng cán bộ, giảng viên, viên chức); quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý (1.3.08. Quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý); ban hành quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo các đơn vị (1.3.09. Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo các đơn vị). Ban hành quy định tuyển nhà giáo (1.3.10. Quy định tuyển nhà giáo). Nhằm phát huy quyền làm chủ, phát huy trí tuệ của cán bộ, viên chức trong việc xây dựng phát triển nhà trường, nhà trường đã xây dựng và ban hành quy chế dân chủ trong hoạt động (1.3.11. Quy chế dân chủ trong hoạt động của Trường Cao đẳng nghề XD). Để đánh giá phân loại viên chức được công bằng trong việc thực hiện nhiệm vụ nhà trường đã ban hành quy chế thi đua khen thưởng và bản tự chấm điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ (1.3.12. Quy chế thi đua khen thưởng).

Các văn bản này được công bố công khai trong toàn trường.

*** Nhận định**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.1.4. Tiêu chuẩn 4

Hàng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh cần thiết.

*** Mô tả**

Hàng năm, Nhà trường thực hiện rà soát các văn bản quy định về tổ chức và quản lý nhằm phát hiện những quy định không còn phù hợp với thực tiễn của nhà trường, từ đó có những điều chỉnh phù hợp để nâng cao chất lượng tổ chức và quản lý. Nhà trường đã rà soát quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Nhà trường, xây

dự thảo thảo quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Nhà trường để phù hợp với Luật Giáo dục nghề nghiệp, dự thảo đang trình Bộ Xây dựng phê duyệt (1.4.01. Dự thảo Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức). Hàng năm, rà soát điều chỉnh quy chế quản lý tài chính, chi tiêu nội bộ (1.3.05. Quy chế quản lý tài chính và 1.3.06 Quy chế quản lý chi tiêu nội bộ); quy chế dân chủ trong hoạt động (1.3.11. Quy chế dân chủ trong hoạt động của Trường Cao đẳng nghề XD); quy chế thi đua khen thưởng (1.3.12. Quy chế thi đua khen thưởng)... cho phù hợp với thực tiễn của từng năm.

*** Nhận định**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã đáp ứng đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.1.5. Tiêu chuẩn 5

Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.

*** Mô tả:**

Căn cứ vào quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng, Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập các Phòng, Khoa, đơn vị. Các đơn vị trong trường có sự phân công, phân cấp hợp lý, rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ được thể hiện thông qua quyết định thành lập các Khoa, Phòng, đơn vị; xây dựng đề án vị trí việc làm theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Xây dựng (1.5.01. Quyết định thành lập các Phòng, Khoa, đơn vị trực thuộc trường; 1.5.02. Quy định chức năng nhiệm vụ các Phòng, Khoa, đơn vị trực thuộc trường; 1.5.03. Sơ đồ tổ chức bộ máy của trường; 1.5.04. Đề án vị trí việc làm). Việc phân công, phân cấp cho các đơn vị khá hợp lý, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của phát triển của trường, do đó các hoạt động của nhà trường đi vào nề nếp, minh bạch, phát huy được vai trò, quyền hạn, tính tự chịu trách nhiệm của từng đơn vị.

*** Nhận định**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.1.6. Tiêu chuẩn 6

Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.

*** Mô tả**

Căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng và Điều lệ trường Cao đẳng, nhà trường đã làm tờ trình, trình Bộ Xây dựng phê duyệt thành lập Hội đồng trường, thành phần tham gia Hội đồng là đại diện cho tổ chức Đảng, Ban giám hiệu, giáo viên, cán bộ quản lý; đại diện các đơn vị sản xuất, doanh nghiệp của trường (1.6.01. Tờ trình về việc thành lập Hội đồng trường). Hội đồng trường có trách nhiệm quyết nghị về phương hướng hoạt động của trường, huy

động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho trường, đảm bảo thực hiện mục tiêu dạy nghề, nhiệm kỳ của Hội đồng trường là 05 năm, họp thường kỳ ít nhất ba tháng một lần do Chủ tịch Hội đồng triệu tập.

Hiện nay Nhà trường đang chờ Bộ Xây dựng phê duyệt kết quả thành lập hội đồng trường, chính vì vậy Hội đồng trường của Nhà trường chưa đi vào hoạt động nên chưa đánh giá được kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

Để tham mưu, giúp việc cho Ban giám hiệu trong từng lĩnh vực hoạt động chuyên môn, nhà trường đã thành lập các hội đồng tư vấn: Hội đồng kinh tế (1.6.02. *Quyết định thành lập Hội đồng kinh tế*; 1.6.03. *QĐ thành lập tổ chuyên gia giúp việc cho Hội đồng kinh tế*); Hội đồng sáng kiến (1.6.04. *Quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến*); Hội đồng luân chuyển, điều động cán bộ, viên chức (1.6.05. *Quyết định thành lập Hội đồng luân chuyển, điều động cán bộ, viên chức*); Hội đồng thi đua khen thưởng (1.6.06. *Quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng*), Hội đồng nâng lương (1.6.07. *Quyết định thành lập Hội đồng nâng lương*), Hội đồng tuyển dụng viên chức (1.6.08. *Quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức*)...

Thành phần các Hội đồng tư vấn thường do Hiệu trưởng là Chủ tịch hội đồng, Hiệu phó là Phó chủ tịch Hội đồng, uỷ viên hội đồng là Trưởng, Phó các Phòng, Khoa, Trung tâm, giảng viên và viên chức có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực công tác. Các hội đồng tư vấn của Nhà trường đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tham mưu tích cực, có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn công tác.

Cơ cấu các phòng, khoa chức năng phù hợp với cơ cấu ngành nghề và quy mô đào tạo của nhà trường, hiện tại trường có 4 phòng chức năng: Phòng Kế hoạch - Đào tạo, Phòng Tổng hợp; Phòng Tài chính - Kế toán; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng phục vụ hoạt động đào tạo; 03 khoa chuyên môn: Khoa Điện – Điện Tử; khoa Xây dựng; khoa Cơ khí - Xây dựng; 02 trung tâm: Trung tâm Tư vấn Xây dựng, Trung tâm HN và dịch vụ ĐT (1.5.01. *Quyết định thành lập các Phòng, Khoa, đơn vị trực thuộc trường*).

Các đơn vị trong trường đều thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công và đạt được hiệu quả công việc. Hàng năm, có báo cáo tổng kết của trường, các Phòng chức năng, các Khoa, đơn vị trực thuộc trường (1.6.09. *Các báo cáo tổng kết năm học của trường*; 1.6.10. *Báo cáo tổng kết các năm học của phòng Kế hoạch - Đào tạo*; 1.6.11. *Các biên bản họp tổng kết năm của các phòng, Khoa, Trung tâm*); 100% các đơn vị được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ được giao và được cấp trên khen thưởng (1.6.12. *Danh sách giáo viên và cán bộ quản lý đạt các danh hiệu thi đua do Hội đồng thi đua xem xét các năm 2015, 2016, 2017*; 1.6.13. *Biên bản xét thi đua khen thưởng hàng tháng, học kỳ, năm*; 1.6.14. *Quyết định khen thưởng Phòng, Khoa, đơn vị trong trường*).

Các trưởng Phòng, Khoa, Trung tâm quyết định các hoạt động tại đơn vị do mình phụ trách và chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động của đơn vị đảm bảo đúng với chủ trương của lãnh đạo nhà trường, đúng pháp luật; có mối quan hệ phối hợp để giải quyết những công việc mang tính chất liên quan đến nhiều đơn vị trong trường do đó công việc được giải quyết đúng tiến độ và hiệu quả. Đây chính là sự thể hiện công tác phối hợp tốt trong công việc và xây dựng được quy trình làm việc chặt chẽ giữa các đơn vị trong trường (1.6.15. *Quyết định Bổ nhiệm các chức danh*).

*** Nhận định**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.1.7. Tiêu chuẩn 7

Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định

Triển khai thực hiện thông tư 28/2017/TT-BLĐTĐ ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội Quy định hệ thống đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Thực hiện công văn số 1365/BXD – TCCB V/v lập kế hoạch tổng thể về xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2018 – 2020. Nhà trường đã tiến hành lập Kế hoạch và thực hiện các giai đoạn đưa ra trong Kế hoạch xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2018 – 2020 của trường Cao đẳng nghề Xây dựng (1.7.01. Kế hoạch tổng thể về xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng Trường Cao đẳng nghề Xây dựng giai đoạn 2018 – 2020).

Trong năm 2019, nhà trường đã xây dựng chính sách chất lượng và mục tiêu chất lượng. Tổ chức tập huấn về Bồi dưỡng kiến thức bên trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho toàn thể CBGV CNV vào tháng 3 năm 2019. Ban hành 06 quy trình đảm bảo chất lượng. (1.1.07. QĐ 12 ngày 28 tháng 5 năm 2019 Ban hành chính sách chất lượng Trường CDN Xây dựng giai đoạn 2020-2025; 1.1.08. QĐ số 13 ngày 03 tháng 6 năm 2019 Ban hành Mục tiêu chất lượng và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng năm học 2019-2020; 1.7.02. Kế hoạch bồi dưỡng kiến thức cơ bản về đảm bảo chất lượng trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngày 19 tháng 3 năm 2019; 1.7.03. Quy trình thi kết thúc MH/MĐ; 1.7.04. Quy trình thi tốt nghiệp; 1.7.05. Quy trình xây dựng ngân hàng câu hỏi thi kết thúc MH/MĐ; 1.7.06. Quy trình tổ chức Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp trường; 1.7.07. Quy trình in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ văn bằng chứng chỉ; 1.7.08. Quy trình quản lý điểm)

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.1.8. Tiêu chuẩn 8

Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hàng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

*** Mô tả**

Căn cứ vào Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng, Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập các Phòng, Khoa, Trung tâm. Các đơn vị trong trường có sự phân công, phân cấp hợp lý, rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ được thể hiện thông qua quyết định thành lập các Khoa, Phòng, Trung tâm (1.5.01. Quyết định thành lập các Phòng, Khoa, đơn vị trực thuộc trường; 1.8.01. Quyết định thành lập Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng)

Phòng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công và đạt được hiệu quả công việc. Hàng năm có báo cáo tổng kết của Phòng (1.6.09. Báo cáo tổng kết năm học của trường); đơn vị được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ được giao và được cấp trên khen thưởng (1.6.12. Danh sách giáo viên và cán bộ quản lý đạt các danh hiệu thi đua do Hội đồng thi đua xem xét các năm 2015, 2016, 2017; 2019; 1.6.14. Quyết định khen thưởng phòng, khoa, đơn vị trong trường)

*** Nhận định**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.1.9. Tiêu chuẩn 9

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và Pháp luật.

*** Mô tả**

Đảng bộ hiện tại có 38 đảng viên, chia làm 2 chi Bộ. Trong đó, Đảng viên là CBQL là 26 người chiếm 68% (1.9.01. Cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Trường Cao đẳng nghề Xây dựng). Ngoài ra, Đảng bộ còn thường xuyên tổ chức quán triệt kịp thời các chủ trương, Nghị quyết của Đảng ủy cấp trên, kịp thời phổ biến đến từng Đảng viên trong Chi bộ thông qua sinh hoạt định kỳ, hội ý; cụ thể hóa bằng chương trình công tác tháng, quý từng học kỳ theo kế hoạch đề ra (1.9.02. Nghị quyết của các Chi bộ thuộc Đảng bộ Trường Cao đẳng nghề Xây dựng; 1.9.03. Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2015 – 2020 của Đảng bộ Trường).

Hàng năm, Đảng bộ Nhà trường được các Đoàn kiểm tra - thanh tra Cấp trên về kiểm tra - thanh tra công tác Đảng của Nhà trường đều đánh giá Đảng bộ Nhà trường đã tổ chức triển khai các chủ trương chính sách của Đảng tới toàn thể Đảng viên có hiệu quả, kịp thời (1.9.04. Biên bản kiểm tra công tác Đảng).

Đảng bộ Trường đã lãnh đạo các Đảng viên trong Đảng bộ thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Trường, là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh (1.9.05. Danh hiệu thi đua đạt được của Đảng bộ Trường).

*** Nhận định**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.1.10. Tiêu chuẩn 10

Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

*** Mô tả**

Các tổ chức đoàn thể trong trường bao gồm Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Ban nữ công được thành lập và hoạt động dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy và Ban giám hiệu. Các tổ chức đoàn thể này tổ chức hoạt động theo đúng Điều lệ của mỗi tổ chức, đã tập hợp được đông đảo đoàn viên, hội viên trong Trường. Công Đoàn là tổ chức đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đoàn thể, công đoàn. Tổ chức Đoàn thanh niên hoạt động theo đúng điều lệ Đoàn và dưới sự chỉ đạo của Thành Đoàn Ưông Bí.

Đoàn Thanh niên Nhà trường với các hoạt động phong trào sôi nổi đã tập hợp được đông đảo Đoàn viên là giáo viên, công nhân viên và HSSV (1.10.11. Danh sách công đoàn viên; 1.10.12. Danh sách đoàn viên thanh niên; 1.10.13. Danh sách hội viên ban nữ công)

Công đoàn đã phối hợp với BGH nhà trường thực hiện các quy định trong Quy chế dân chủ của cơ quan, thực hiện “Nghị quyết Hội nghị cán bộ - viên chức hàng năm” (1.10.01. *Nghị quyết Hội nghị CB-VC hàng năm*).

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên và CBGV luôn gắn bó và thực hiện các hoạt động trên cơ sở các kế hoạch và nghị quyết đã thống nhất; trong cấp ủy có phân công phụ trách để chỉ đạo kịp thời hoạt động 2 đoàn thể. Các đoàn thể tập hợp CBGV, HSSV tham gia nhiều hoạt động xã hội, hoạt động phong trào, tổ chức tốt các hoạt động thi đua tạo không khí sôi nổi vui tươi lành mạnh trong nhà trường (1.10.02. *Báo cáo tổng kết Công đoàn Trường*; 1.10.03. *Quyết định khen thưởng*; 1.10.04. *Danh hiệu hiệu các tổ chức, đoàn thể đạt được*; 1.10.05. *Báo cáo Tổng kết hoạt động Đoàn TN Trường*).

Công đoàn hoạt động nhằm phát huy vai trò làm chủ tập thể của người lao động, bảo vệ quyền lợi của các công đoàn viên (người lao động), tham gia tích cực vào việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở nâng cao khả năng tập hợp lực lượng, tăng cường giáo dục tư tưởng chính trị, đẩy mạnh phong trào thi đua dạy tốt - học tốt, phong trào văn - thể - mỹ và các hoạt động xã hội khác (Như là: Phong trào xây dựng gia đình văn hóa mới; Phong trào phụ nữ “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”; phong trào xây dựng các quỹ ủng hộ chất độc da cam, bảo lụt, phong trào an toàn lao động phòng chống cháy nổ; phong trào an toàn giao thông...) trong CBGV CNV (1.10.06. *Các văn bản tổng hợp kết quả tham gia các phong trào của Công đoàn Nhà trường*). Ban nữ công nhà trường có 32 nữ cán bộ, viên chức, giáo viên. Ban nữ công thường xuyên tổ chức sinh hoạt theo định kỳ và tổng kết các hoạt động hàng quý, hàng năm (1.10.07. *Báo cáo tổng kết hoạt động của Ban Nữ công hàng năm*).

Kết quả hoạt động của Công đoàn hàng năm phản ánh sự tập trung trí tuệ của các công đoàn viên (cán bộ, giáo viên, nhân viên) trong Trường thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của đơn vị, không ngoài mục đích đảm bảo và nâng cao chất lượng dạy nghề của Trường. Hoạt động Công đoàn gắn với dạy nghề được thể hiện rõ nét qua các báo cáo kết quả và phương hướng hoạt động của Công đoàn Trường tại hội nghị Cán bộ - Viên chức hàng năm (1.10.08. *Báo cáo tổng kết Công đoàn Trường*).

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đã tập hợp được đông đảo các đoàn viên thanh niên HSSV tham gia các hoạt động khơi dậy tính sáng tạo. Với đặc điểm nổi bật của Đoàn TN là nhạy bén, năng động, sáng tạo. Vì vậy hoạt động Đoàn Trường luôn hấp dẫn, thu hút HSSV tích cực tham gia các hoạt động phong trào nhằm giảm tiêu cực trong học tập, tạo hưng phấn và lòng tự tin giúp các em hăng say học tập (Các phong trào nổi bật của Đoàn: Thi đua học tập rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp; phong trào phòng chống các tệ nạn xã hội; phong trào bảo vệ môi trường sinh thái; phong trào an toàn lao động phòng chống cháy nổ... Đoàn Trường đạt nhiều kết quả trong văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, phong trào hiến máu nhân đạo (1.10.09. *Các văn bản tổng hợp kết quả tham gia các phong trào của Đoàn Thanh niên Nhà trường*). Chính vì vậy, hoạt động của các đoàn thể luôn đạt hiệu quả cao, gặt hái được nhiều thành tích góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Kết quả hoạt động của Đoàn TNCS HCM của Nhà trường hàng năm phản ánh mức độ hoàn thành nhiệm vụ của HSSV và đội ngũ CBGV CNV trẻ trong Trường thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của đơn vị, với mục đích đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Trường.

Các tổ chức đoàn thể của Trường hoạt động theo chỉ đạo của đoàn thể cấp trên. Công đoàn Trường dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Công đoàn Ngành Xây dựng Việt Nam, Đoàn TNCSHCM Trường dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Thành Đoàn Uông Bí đã gặt hái nhiều thành công, đạt được nhiều Bằng, Giấy khen do các Tổ chức cấp trên trao tặng (1.10.10. Danh sách khen thưởng của các Tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn TNCSHCM Nhà trường, Ban nữ công).

* **Nhận định**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

* **Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.1.11. Tiêu chuẩn 11

Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.

* **Mô tả**

Hệ thống thanh tra nhà trường gồm: Ban Thanh tra nhân dân, Thanh tra Đào tạo được thành lập với chức năng và nhiệm vụ cụ thể (1.11.01. *Quyết định thành lập Thanh tra Đào tạo Trường*; 1.11.02. *Quyết định thành lập Thanh tra nhân dân Trường*).

Công tác kiểm tra, thanh tra của Nhà trường được thực hiện theo kế hoạch công tác Kiểm tra, các Quý (Kiểm tra công tác an toàn vệ sinh phòng chống cháy nổ các năm thực hiện theo kế hoạch). Công tác thanh tra năm được lập sẵn từ đầu năm qua Ban Thanh tra nhân dân và Ban Thanh tra Đào tạo phối hợp với các đơn vị chức năng dưới sự chủ trì của Ban Giám hiệu (1.11.03. *Kế hoạch Kiểm tra, Thanh tra các quý, các năm của Nhà trường*). Sau khi Kiểm tra, Thanh tra đều có Biên bản kèm theo để đánh giá việc làm được và chưa làm được cần rút kinh nghiệm (1.11.04. *Các biên bản kiểm tra của Ban Kiểm tra, Thanh tra nhân dân, Thanh tra Đào tạo*).

Nhiệm kỳ của Ban Thanh tra nhân dân là hai năm và do Hội nghị CBVC bầu ra; Ban Thanh tra nhân dân xây dựng kế hoạch trình Hiệu trưởng duyệt. Ban TTND giữ nhiệm vụ chủ yếu trong việc kiểm tra, thanh tra và giám sát các đơn vị thực thi các nhiệm vụ đúng theo quy định của trường, của Nhà nước ban hành và theo sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu, sự hướng dẫn của thanh tra cấp trên; Thanh tra về công tác tài chính kế toán, thanh tra công tác quản lý sử dụng thiết bị, thanh tra về công tác chăm lo quyền lợi, chế độ, chính sách đối với người lao động, thanh tra về công tác thực hành tiết kiệm, chống tham ô lãng phí, quan liêu (1.11.05. *Biên bản Thanh tra tài chính, thanh tra về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí*). Hoạt động của Thanh tra nhân dân có thể định kỳ, đột xuất.

Thanh tra đào tạo do Hiệu trưởng thành lập nhằm thanh tra việc tổ chức, quản lý quá trình học tập của HSSV trong thời gian lên lớp; thanh tra việc thực hiện các quy trình, nội dung đào tạo tại Trường và các đơn vị liên kết.

Công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động dạy và học trong những năm qua đã giúp lãnh đạo Nhà trường phân tích và đề ra các quy trình làm việc, cải tiến công tác chỉ đạo, xây dựng các tiêu chí đánh giá. Thực sự đã thúc đẩy và nâng cao chất lượng đào tạo của Trường.

Thông qua thực hiện kế hoạch đề ra, việc kiểm tra định kỳ và thường xuyên, đột xuất các bộ phận thanh tra, giám sát của nhà trường báo cáo lãnh đạo nhà trường để có hướng xử lý giải quyết kịp thời nhằm giải đáp thắc mắc của CBGV và học sinh trong nhà trường trong các cuộc họp giao ban và sinh hoạt chào cờ hàng tháng, chỉ đạo các hoạt động cho phù hợp với nghị quyết đã đề ra, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của nhà trường

Tháng 8/2017 đến nay, Nhà trường đã lắp đặt hệ thống camera giám sát để theo dõi quản lý các hoạt động giáo dục đào tạo (CBGV đi muộn, về sớm; ra vào của HSSV...) để chấn chỉnh việc chấp hành các nội quy, quy chế của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng dạy nghề (1.11.06. Kết quả xét thi đua hàng tháng).

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra về công tác quản lý và giảng dạy, công tác tổ chức thi học kỳ, thi tốt nghiệp theo kế hoạch nhà trường đề ra, công tác kiểm tra được hoạt động thường xuyên, gồm có các Phòng chức năng và các khoa tổ chức đi kiểm tra đột xuất, định kỳ theo từng học kỳ (1.11.07. Kế hoạch kiểm tra hoạt động giảng dạy thường xuyên năm học 2019-2020; 1.11.08. Biên bản kiểm tra hoạt động giảng dạy)

Kết quả thanh tra, kiểm tra đã sử dụng vào việc nâng cao hiệu quả hoạt động của Nhà trường, nâng cao chất lượng trong quá trình đào tạo.

Sau khi thực hiện quy định về thanh tra kiểm tra và đánh giá giáo viên, Nhà trường từng bước cải tiến các phương pháp và công cụ sao cho việc thanh tra, kiểm tra đạt hiệu quả cao.

*** Nhận định:**

- *Điểm mạnh:*

Công tác thực hiện thanh tra, kiểm tra đào tạo được thực hiện theo đúng kế hoạch, góp phần tạo niềm tin, nâng cao uy tín, chất lượng, qui mô đào tạo tại trường. Qua việc đánh giá đã giúp cho đội ngũ giáo viên ý thức được trách nhiệm thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ của mình và qua đó đã đề ra và thực hiện tốt các giải pháp cải tiến, nâng cao hiệu quả đào tạo.

- *Điểm tồn tại:*

Do công tác thanh tra kiểm tra đôi lúc còn chưa thật sự nghiêm khắc, do vậy còn một số cán bộ, giáo viên vi phạm, giáo án, nội dung bài giảng đôi lúc còn chưa soạn đúng tiến độ, lên lớp không có giáo án, sổ tay giáo viên.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.1.12. Tiêu chuẩn 12

Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chế độ bình đẳng giới theo quy định.

*** Mô tả**

Nhà trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho CBGV CNV và HSSV Nhà trường như: Chế độ tiền lương, phụ cấp ưu đãi ngành giáo dục, phụ cấp thâm niên nhà giáo, chế độ miễn giảm học phí cho HSSV, chế độ nghỉ hè, chế độ hỗ trợ tiền đi đường cho giáo viên đi dạy ngoài trường...(1.3.04. Quy chế quản lý tài chính chi tiêu nội bộ).

Nhà trường đã thực hiện tốt chế độ bình đẳng giới theo quy định, đã tạo điều kiện và cơ hội như nhau cho cả nam và nữ phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của nhà trường. Nam và nữ có quyền thụ hưởng như nhau về mọi chế độ chính sách (1.12.01. Tổ chức hoạt động của Ban nữ công).

*** Nhận định:**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.2. TIÊU CHÍ 2: HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Nhà trường đã thực hiện đa dạng hóa các loại hình đào tạo, với phương thức dạy nghề dài hạn tập trung, ngắn hạn, đào tạo có địa chỉ, đào tạo theo nhu cầu xã hội đáp ứng yêu cầu của người học, người sử dụng lao động.

Để đảm bảo chất lượng trong quá trình dạy và học, kế hoạch đào tạo được Nhà trường xây dựng và thực hiện nghiêm túc, phù hợp với các yêu cầu của thực tiễn sản xuất. Nhà trường đã có chủ trương và thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của các môn học.

Đồng thời Nhà trường cũng có những chính sách khuyến khích cán bộ, giáo viên nghiên cứu khoa học và đã có những kết quả ban đầu nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả trong quá trình dạy và học. Chất lượng đào tạo đã ngày càng được nâng cao, phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ sản xuất, từng bước tiếp cận với phát triển của khu vực, hầu hết các học sinh của trường đào tạo ra đáp ứng tốt yêu cầu của các đơn vị sử dụng trong nước.

Các hoạt động dạy và học đã thể hiện tính ổn định và phát triển của Nhà trường trong đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa Đất nước.

Công tác dạy và học được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, việc tuyển sinh đúng thủ tục, đúng quy chế, đa dạng hoá hình thức tổ chức, chương trình đào tạo theo yêu cầu đào tạo gắn với việc làm, theo nhu cầu của người học và xã hội.

*** Những điểm mạnh:**

Nhà trường đặc biệt quan tâm đến hoạt động dạy và học, đổi mới các nội dung, chương trình đào tạo trên cơ sở đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và người học, thực hiện phương thức dạy học theo hướng tích cực hóa người học, vận dụng mô hình tiên tiến trong dạy học, sử dụng giáo án điện tử được trang bị đầy đủ các máy chiếu, và thiết bị thật làm dụng cụ trực quan.

Công tác đào tạo được tổ chức chặt chẽ khoa học đúng quy trình, được giám sát chặt chẽ và đạt hiệu quả chất lượng. Phương pháp dạy học, nghiên cứu khoa học được đổi mới, chất lượng đào tạo đã ngày càng được nâng cao, phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ của sản xuất. Từng bước thiết lập các mối quan hệ hợp tác trong nước và quốc tế.

Nhà trường thực hiện đào tạo theo 03 cấp trình độ: Sơ cấp, Trung cấp và Cao đẳng, từ năm học 2016 – 2017 nhà trường đào tạo lớp cao đẳng khoá đầu tiên. Trong

quá trình thực hiện tuyển sinh, Nhà trường đảm bảo thực hiện tốt các Quy định theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Nhà trường đặc biệt chú trọng đến công tác quản lý và nâng cao hiệu quả quản lý tại các Phòng, Khoa, đơn vị.

Với những nỗ lực của lãnh đạo Nhà trường và đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý đã đem lại hiệu quả cao cho mọi hoạt động trước, trong và sau đào tạo.

Nhằm đảm bảo chất lượng trong quá trình dạy và học, hàng năm Kế hoạch đào tạo được Nhà trường xây dựng chi tiết khoa học và thực hiện nghiêm túc, phù hợp với các yêu cầu của thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Đội ngũ giáo viên tích cực tham gia tìm tòi học hỏi và áp dụng các phương pháp dạy học tích cực theo chủ trương đổi mới phương pháp dạy học của Nhà trường. Bên cạnh đó, phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của môn học cũng được quan tâm.

Trong những năm gần đây, Nhà trường đã có những chính sách, biện pháp khuyến khích cán bộ, giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học và đã có những kết quả ban đầu góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả trong quá trình dạy và học.

Các hoạt động dạy và học đã và đang thể hiện tính ổn định và phát triển đúng hướng của Nhà trường trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước.

*** Những tồn tại:**

- Việc đa dạng hoá các phương thức đào tạo cần được quan tâm và xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo kịp thời, nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người lao động và yêu cầu của thực tế sản xuất.
- Nhà trường mới được nâng cấp lên thành trường Cao đẳng từ năm 2015 do đó công việc còn nhiều nên chưa ban hành được chương trình đào tạo liên thông cho những ngành nghề mà trường được phép đào tạo Cao đẳng.
- Còn một số giáo viên trẻ chưa có kinh nghiệm trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy, một số giáo viên lớn tuổi sử dụng thiết bị đồ dùng dạy học hiện đại còn nhiều khó khăn, trình độ công nghệ thông tin còn chậm.
- Trình độ đầu vào của HSSV còn nhiều hạn chế và không đồng đều nên ít nhiều cũng ảnh hưởng đến công tác dạy và học của nhà trường.

*** Kế hoạch:**

- Xây dựng chương trình đào tạo liên thông cho các ngành nghề liên thông từ Trung cấp lên cao đẳng.
- Thường xuyên nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn tại các Khoa chuyên môn, Bộ môn và tổ chức các lớp bồi dưỡng, các cuộc hội thảo về đổi mới phương pháp giảng dạy cho cán bộ giáo viên.
- Trong những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục tăng cường hơn nữa công tác phối hợp doanh nghiệp trong đào tạo nghề.
- Mở rộng hơn quan hệ giao lưu với các trường bạn và hợp tác quốc tế nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ, giáo viên nhà trường nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

Mời các doanh nghiệp tham gia vào đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

3.2.2.1. Tiêu chuẩn 1

Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

*** Mô tả:**

Theo hướng dẫn tại Nghị định 143/2016/NCC-CP ngày 14 tháng 10 năm 2016 Quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; căn cứ cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên hiện có, trường Cao đẳng nghề Xây dựng đã hoàn thiện hồ sơ và thực hiện đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp cho 06 nghề trình độ cao đẳng, 08 nghề trình độ trung cấp và 14 nghề trình độ sơ cấp (2.1.01. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Tổng cục dạy nghề).

Thực hiện định hướng đào tạo nghề gắn với nhu cầu xã hội. Trường Cao đẳng nghề Xây dựng đã thành lập các tổ chuyên gia (2.1.02. Quyết định thành lập tổ chuyên gia xây dựng chuẩn đầu ra) thực hiện khảo sát nhu cầu lao động của xã hội, vị trí việc làm thực tế và xây dựng chuẩn đầu ra cho từng chương trình đào tạo của nhà trường để công bố công khai cho người học và xã hội biết (2.1.03. Quyết định chuẩn đầu ra).

*** Nhận định:** So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã đáp ứng đầy đủ những điều kiện đề ra

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.2.2. Tiêu chuẩn 2

Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.

***Mô tả**

Hàng năm, Nhà trường đã thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ LĐTB&XH ban hành kèm theo Quyết định số 08/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 26/3/2007 (2.2.01. Quy chế tuyển sinh học nghề của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội). Để bảo đảm quá trình tuyển sinh theo đúng quy định, hàng năm nhà trường đã thành lập Hội đồng tuyển sinh chỉ đạo và điều hành hoạt động tuyển sinh của Nhà trường đúng theo các quy định do Hiệu trưởng làm chủ tịch Hội đồng, thành lập ban thanh tra, ban thư ký tuyển sinh. (2.2.02. Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh của trường; 2.2.03. Quyết định thành lập ban thanh tra; 2.2.04. Quyết định thành lập Ban thư ký).

Trên cơ sở đó Nhà trường đã ban hành quy định về việc thực hiện công tác tuyển sinh, hàng năm nhà trường đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, xác định các tiêu chí xét tuyển, tuyên truyền và thông báo đến người học những thông tin tuyển sinh của Nhà trường (2.2.05. Hướng dẫn số 1295/LĐTBXH-DN tuyển sinh học nghề, xác định và đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh dạy nghề). Cụ thể, đối với các đối tượng học sinh tốt nghiệp THCS, THPT hoặc tương đương cho các cấp trình độ đào tạo của trường với phương thức xét tuyển cho tất cả các cấp trình độ

*** Nhận định:**

So với tiêu chuẩn Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo đúng quy định.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.2.3. Tiêu chuẩn 3

Hàng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

***Mô tả**

Hàng năm Nhà trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh các hệ Sơ cấp, Trung cấp, Cao đẳng cụ thể (2.3.01. *Xác định chỉ tiêu tuyển sinh các năm*):

+ Năm 2014 xác định chỉ tiêu tuyển sinh là 1000 học sinh.

+ Năm 2015 xác định chỉ tiêu tuyển sinh là 1050 học sinh.

+ Năm 2016 xác định chỉ tiêu tuyển sinh là 1100 học sinh.

+ Năm 2017 chỉ tiêu tuyển sinh các hệ là: 700 HSSV.

+ Năm 2018 chỉ tiêu tuyển sinh các hệ là : 650 HSSV

Trong đó :

Hệ Cao đẳng : 50 SV

Hệ Trung cấp: 300 học sinh

Hệ sơ cấp: 300 học sinh

+ Năm 2019 chỉ tiêu tuyển sinh các hệ là 650 HSSV.

Trong đó:

Hệ Cao đẳng: 50 SV

Hệ Trung cấp: 300 học sinh

Hệ Sơ cấp: 300 học sinh.

Trường đã xây dựng Hướng dẫn tuyển sinh (2.3.02. *Hướng dẫn công tác tuyển sinh học nghề của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng*) cụ thể hóa Quy chế tuyển sinh học nghề của Bộ LĐTB&XH để phục vụ công tác tuyển sinh.

Hàng năm trường có thông báo tuyển sinh công khai trên Website của trường, trên các bảng tin, trên báo, đài, gửi thông báo tuyển sinh về các xã, phường, các trung tâm GDNN - GDTX trên địa bàn trong và ngoài tỉnh (2.3.03. *Thông báo tuyển sinh học nghề*).

Đối với các hệ đào tạo nghề cho lao động nông thôn, trên cơ sở hướng dẫn của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ninh, nhà trường có các thông báo tuyển sinh cụ thể tùy theo tình hình, nhiệm vụ cụ thể hàng năm (2.3.04. *Thông báo tuyển sinh đào tạo nghề cho lao động nông thôn*).

Thực hiện công tác tuyển sinh nghiêm túc, công bằng, khách quan. Nhà trường tuyển sinh đúng ngành nghề và chỉ tiêu tuyển sinh đăng ký đào tạo trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề đã được Tổng cục dạy nghề cấp phép (2.3.05. *Quyết định mở lớp*; 2.3.06. *Tuyển sinh theo đúng ngành nghề trong giấy chứng nhận đăng ký*).

Hình thức tuyển sinh là xét tuyển công khai, công bằng. Nhà trường đề ra kế hoạch tuyển sinh hàng năm, quy trình xét tuyển (2.3.07. *Kế hoạch tuyển sinh các năm*; 2.3.08. *Hình thức tuyển sinh*; 2.3.09. *Quy trình xét tuyển*). Đối với hệ Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp tiến hành tuyển sinh và xét tuyển vào nhiều đợt trong năm (tháng 4, tháng 8, tháng 12).

Hồ sơ dự tuyển được trường tiếp nhận trực tiếp và công khai tại trường, danh sách dự tuyển được lập theo từng ngành nghề. Hội đồng tuyển sinh sẽ dựa vào các tiêu chuẩn để xác định và duyệt danh sách trúng tuyển. Danh sách này được niêm yết tại trường. Học sinh, sinh viên nhận giấy báo trúng tuyển trực tiếp tại trường hoặc qua đường bưu điện. Kết quả tuyển sinh hàng năm được báo cáo Sở lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ninh theo quy định (2.3.10. Báo cáo công tác tuyển sinh 6 tháng đầu năm và cả năm).

Các hoạt động tuyển sinh của trường được thực hiện một cách công bằng, nghiêm túc và khách quan, công khai, đúng luật đảm bảo quyền lợi người học và đảm bảo chất lượng tuyển sinh. Hàng năm không có khiếu kiện, khiếu nại, tố cáo về công tác tuyển sinh.

*** Nhận định**

So với tiêu chuẩn Nhà trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.2.4. Tiêu chuẩn 4

Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.

*** Mô tả**

Thực hiện định hướng đổi mới và phát triển giáo dục nghề nghiệp, Trường Cao đẳng nghề Xây dựng dựng đã thực hiện chủ trương đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo nghề. Trường đã xây dựng được bộ chương trình đào tạo cho các nghề đã đăng ký một chương trình có thể đào tạo được theo 3 phương thức: niên chế, tích lũy mô đun, tích lũy tín chỉ để học sinh có thể lựa chọn cho phù hợp (2.4.01. Các chương trình đào tạo nghề đã được phê duyệt). Vì là trường cao đẳng mới được nâng cấp, chương trình đào tạo mới được chỉnh sửa xây dựng theo TT03/2017/TT-BLDTBXH nên hiện nay số lượng học sinh đăng ký học theo phương thức tích lũy tín chỉ chưa có.

Ngoài các lớp học tập trung chính quy, nhà trường thường xuyên tổ chức các khoá đào tạo tại chỗ, đào tạo dài hạn, ngắn hạn, bồi dưỡng nâng cao tay nghề, đào tạo theo đơn đặt hàng, hợp tác đào tạo với các công ty v.v... (1.2.03. Các hợp đồng liên kết đào tạo với các doanh nghiệp).

Đối với đào tạo tại chỗ, Nhà trường liên kết với các công ty, doanh nghiệp mở lớp đào tạo ngắn hạn, bồi dưỡng nâng cao trình độ, thi nâng bậc tại cơ sở sản xuất, xây dựng nội dung đào tạo, kế hoạch và tiến độ đào tạo phù hợp với với yêu cầu điều kiện thực tiễn sản xuất của công ty, đảm bảo nội dung chương trình và thời lượng quy định đối với từng trình độ đào tạo. Người học được học tập nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề và phù hợp với thực tế sản xuất của cơ sở liên kết. Gắn kết chặt chẽ với các doanh nghiệp, hiện nhà trường đang có mối liên kết với nhiều doanh nghiệp, cơ sở sản xuất. Để có được phương thức đào tạo hợp lý, sát thực tế sản xuất và ngày càng đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học, người sử dụng lao động, Nhà trường thường xuyên trao đổi, rút kinh nghiệm với các cơ sở liên kết các trường trong hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp để điều chỉnh cho phù hợp. Quyết định số 15/QĐ-TCD ngày 20/6/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Xây dựng, về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng; QĐ13/QĐ-TCD ngày 02/01/2019 Quy chế kiểm tra, thi, công nhận tốt nghiệp.

*** Nhận định**

Nhà trường đã triển khai xây dựng chương trình đào tạo các nghề, các hệ có thể đáp ứng đào tạo được cả 3 phương thức đào tạo: niên chế; tích lũy mô đun; tín chỉ.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.2.5. Tiêu chuẩn 5

Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.

*** Mô tả**

Trong suốt thời gian hoạt động, Trường Cao đẳng nghề Xây dựng đã triển khai tổ chức thực hiện chương trình đào tạo theo đúng quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp (2.5.01. Kế hoạch đào tạo theo kỳ, năm; 2.5.02. Tiến độ đào tạo; 2.5.03. Biểu mẫu đào tạo) đồng thời đảm bảo các chế độ, quyền lợi của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (2.5.04. Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH). Trong quá trình thực hiện Nhà trường luôn cập nhật sự đổi mới trong cơ chế, quy định, hướng dẫn của cơ quan chủ quản để điều chỉnh cho phù hợp.

Trên cơ sở chương trình đào tạo đã được xây dựng cho từng nghề, từng trình độ và đã được Hiệu trưởng phê duyệt, Hiệu phó phụ trách Đào tạo chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, đánh giá; Phòng Kế hoạch - Đào tạo kết hợp với các Khoa, tổ bộ môn xây dựng kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa của các nghề và trình độ đào tạo, theo từng học kỳ, năm học; có kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, cụ thể cho các giờ học lý thuyết, thực hành, tích hợp, thực tập tốt nghiệp tại các cơ sở sản xuất của doanh nghiệp (2.5.05. Kế hoạch giáo viên).

*** Nhận định**

So với tiêu chuẩn nhà trường nhận thấy đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chuẩn.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.2.6. Tiêu chuẩn 6

Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.

*** Mô tả**

Để đảm bảo Kế hoạch đào tạo được thực hiện đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả, Phòng Kế hoạch – Đào tạo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và các Khoa, Tổ bộ môn chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ giảng dạy (2.5.01. Kế hoạch đào tạo theo kỳ, năm; 2.5.02. Tiến độ đào tạo các năm) giám sát kế hoạch và nội dung giảng dạy theo đúng chương trình đào tạo của từng nghề.

Việc kiểm tra giám sát được thực hiện định kỳ hằng tháng và đột xuất qua các biện pháp như: kiểm tra kế hoạch giáo viên, lịch trình giảng dạy, giáo án, giáo trình, sổ gọi tên lên lớp, dự giờ giáo viên... (2.6.01. Biên bản kiểm tra hồ sơ chuyên môn; 2.6.02. Kế hoạch dự giờ, lịch dự giờ, báo cáo kết quả dự giờ).

Dựa trên kế hoạch, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt, Hiệu phó phụ trách đào tạo chỉ đạo thực hiện; phòng Kế hoạch đào tạo quản lý, giám sát quá trình đào tạo; phòng

Khảo thí và đảm bảo chất lượng tổ chức thanh tra, đánh giá quá trình đào tạo. Các khoa chuyên môn tổ chức thực hiện đào tạo theo đúng kế hoạch, tiến độ cụ thể cho từng môn học, mô đun trong từng kỳ học, năm học đối với từng lớp, khóa, nghề. (2.6.03. Sổ lên lớp; 2.6.04 Giáo án; 2.6.05. Sổ tay giáo viên; 2.6.06. Sổ quản lý học sinh sinh viên).

*** Nhận định**

So với tiêu chuẩn nhà trường nhận thấy đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chuẩn.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.2.7. Tiêu chuẩn 7

Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

*** Mô tả**

Đề công tác giám sát, đánh giá việc thực hiện các hoạt động đào tạo theo đúng kế hoạch, bám sát mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt đảm bảo hiệu quả và chất lượng đào tạo, Phòng Kế hoạch - Đào tạo đã thực hiện nghiêm túc quy trình quản lý hoạt động giảng dạy, tổ chức kiểm tra, dự giờ theo kế hoạch hoặc đột xuất việc thực hiện đào tạo (2.7.01. Sổ quản lý hoạt động giảng dạy; 2.6.02. Kế hoạch dự giờ, lịch dự giờ, báo cáo kết quả dự giờ).

Trong quá trình đào tạo nhà trường cũng đã thiết lập quan hệ với các doanh nghiệp cho HSSV tham quan công nghệ sản xuất, gửi HSSV đi thực tập tốt nghiệp đúng chuyên ngành đào tạo tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, qua đó các doanh nghiệp có thể nhận HSSV vào làm việc sau khi ra trường (2.7.02. Giấy giới thiệu thực tập tại các doanh nghiệp; 2.7.03. Quyết định cử HSSV đi thực tập, học tại doanh nghiệp).

Các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động đến liên hệ nhà trường để thông báo tuyển dụng, Trung tâm hướng nghiệp và dịch vụ đào tạo kết hợp với các Khoa để giới thiệu các HSSV đúng chuyên ngành cho doanh nghiệp (2.7.04. Các công văn, thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp).

*** Nhận định**

So với tiêu chuẩn nhà trường nhận thấy đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chuẩn.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.2.8. Tiêu chuẩn 8

Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.

*** Mô tả**

Việc đổi mới và đa dạng hóa các phương pháp dạy học là nội dung trọng tâm của nhà trường, cụ thể trường cử giáo viên đi học, tập huấn về phương pháp dạy học mới từ các lớp dự án của TCDN, lớp quản lý hoạt động dạy nghề do TCDN tổ chức thường xuyên mở các lớp tập huấn về nâng cao năng lực sư phạm cho giáo viên. Sau khi đã được tập huấn, nhà trường đã yêu cầu các Khoa, Bộ môn tổ chức, ứng dụng các phương pháp dạy học tích cực trong quá trình lên lớp, biên soạn các giáo án, giáo trình, thiết

bị dạy nghề tự làm...(2.8.01. *Giáo án điện tử các khoa, hình ảnh học liệu, đồ dùng thiết bị tự làm*)

Trong những năm qua trường đã chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực là sử dụng phương pháp nêu và giải quyết vấn đề, học theo nhóm, đàm thoại, giao bài cho HSSV đọc và thảo luận - giáo viên hướng dẫn giải đáp, kết hợp với thiết bị phương tiện hiện có giao cho HSSV làm các bài tập gia công đầu nối, lắp đặt, sửa chữa để rèn kỹ năng nghề. Đối với giáo viên Nhà trường đã trang bị nhiều thiết bị hỗ trợ giảng dạy như: tivi màn ảnh rộng có kết nối internet, máy chiếu Projecter, máy vi tính, sử dụng phần mềm powerpoint, mô hình trực quan Ngoài ra, giáo viên còn được đi tham gia học tập các lớp kỹ năng mềm do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp tổ chức nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo (2.8.02. *Các quyết định cử giáo viên đi tập huấn các chuyên đề do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp tổ chức*).

Hiện nay, trong Trường đang áp dụng các phương pháp giảng dạy như: phương pháp thuyết trình, phương pháp nêu vấn đề, phương pháp thảo luận nhóm, bài tập lớn... Các phương pháp dạy học đó đã giúp HSSV chủ động hơn, tự tin hơn, phát triển năng lực tự học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo (2.8.03. *Giáo án giảng dạy của các khoa*).

Ngoài phương tiện dạy học hiện đại, các thầy cô giáo trong trường cũng đã nghiên cứu và ứng dụng nhiều phần mềm hỗ trợ trong việc giảng dạy. Cuối các học kỳ, năm học trường cũng đã chỉ đạo cho các khoa tổ chức khảo sát lấy ý kiến của giáo viên, cán bộ quản lý đào tạo, HSSV về các hoạt động dạy nghề, hình thức và phương pháp dạy học (2.8.04. *Phiếu khảo sát của HSSV*). Đặc biệt thông qua các kỳ hội giảng hàng năm, giáo viên có cơ hội thể hiện khả năng sư phạm mang lại cho người học những giờ học cuốn hút, đạt kết quả cao (2.8.05. *Kế hoạch và kết quả tổ chức thi giáo viên giỏi cấp khoa và cấp trường*; 2.8.06. *Biên bản tổng hợp đánh giá kết quả hội giảng*).

Nhà Trường khuyến khích HSSV tự học nhằm nâng cao chất lượng học tập cuối kỳ, những em HSSV đạt khá trở lên nhà trường đều khen thưởng, cuối năm học tổng kết tặng giấy khen cho HSSV đạt khá, giỏi trong toàn trường (2.8.07. *QĐ khen thưởng học sinh giỏi*)

Định kỳ 2 năm một lần, trường tổ chức ôn luyện kỹ năng cho HSSV tham dự kỳ thi tay nghề cấp Tỉnh và cấp Bộ cũng đã đạt được những giải cao (2.8.08. *QĐ khen thưởng HSSV giỏi tay nghề cấp Bộ Xây dựng*; 2.8.09. *QĐ khen thưởng HSSV giỏi tay nghề cấp Tỉnh Quảng Ninh*).

*** Nhận định**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.2.9. Tiêu chuẩn 9

Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.

*** Mô tả**

Đổi mới và đa dạng hóa các phương pháp dạy học là nội dung rất được quan tâm của nhà trường, cụ thể trường cử giáo viên tham gia các kỳ tập huấn về phương pháp dạy học mới từ các lớp dự án của Tổng cục Dạy nghề, lớp quản lý hoạt động dạy nghề do Tổng cục Dạy nghề tổ chức (2.9.01. *Quyết định cử giáo viên tham gia các lớp tập huấn*).

Thường xuyên mở các lớp tập huấn về nâng cao năng lực sư phạm cho giáo viên (2.9.02. *Tổ chức lớp tập huấn Tin học, Ngoại ngữ*). Khuyến khích các Khoa, Bộ môn tổ chức, ứng dụng các phương pháp dạy học tích cực trong quá trình lên lớp, biên soạn các giáo án giáo trình, thiết bị dạy nghề tự làm...(2.8.01. *Giáo án điện tử các khoa, hình ảnh học liệu, đồ dùng thiết bị tự làm*).

*** Nhận định**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.2.10. Tiêu chuẩn 10

Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.

*** Mô tả**

Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình dạy nghề đã được Hiệu trưởng phê duyệt. Hàng năm, Phòng Khảo thí & ĐBCL và Phòng KH-ĐT có kế hoạch tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt.

Căn cứ vào kế hoạch cụ thể từng học kỳ, năm học, chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị Ban giám hiệu chỉ đạo Phòng KT&ĐBCL, Phòng KH - ĐT triển khai kế hoạch tổ chức kiểm tra, giám sát các hoạt động dạy và học, đồng thời từng năm có báo cáo kết quả công tác kiểm tra (2.10.01. *Kế hoạch kiểm tra hồ sơ giảng dạy K48 năm 2016 -2017*; 2.10.02. *Kế hoạch kiểm tra hồ sơ giảng dạy K49, K50 năm 2017 – 2018*; 2.6.02. *Kế hoạch dự giờ, lịch dự giờ, báo cáo kết quả dự giờ*; 1.11.07. *Kế hoạch kiểm tra hoạt động giảng dạy thường xuyên năm học 2019-2020*).

*** Nhận định**

So với tiêu chuẩn nhà trường nhận thấy đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chuẩn.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.2.11. Tiêu chuẩn 11

Hàng năm, trường có báo cáo kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.

*** Mô tả**

Căn cứ vào kế hoạch cụ thể của Phòng KT&ĐBCL, Phòng KH - ĐT về tổ chức kiểm tra, giám sát các hoạt động dạy và học. Qua mỗi đợt kiểm tra các đơn vị đều báo cáo kết quả công tác kiểm tra (2.11.01. *Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học*; 2.11.02. *Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học*; 1.11.07. *Kế hoạch kiểm tra hoạt động giảng dạy thường xuyên năm học 2019-2020*).

Thông qua biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học trong những năm qua đã giúp lãnh đạo Nhà trường phân tích và đề ra các quy trình làm việc, cải tiến công tác chỉ đạo, xây dựng các tiêu chí đánh giá, xếp loại thi đua hàng tháng, năm. Thực sự đã thúc đẩy và nâng cao chất lượng đào tạo của Trường.

Đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học:

- Hằng năm, tổ chức các lớp để giáo viên có thể tham gia học tập nâng cao kỹ năng nghề.
- Tích cực, chủ động tham gia xây dựng các thiết bị dạy học tự làm tạo hứng thú cho người học.
- Lấy người học làm trung tâm, lắng nghe các ý kiến phản hồi của người học.
- Tuyên truyền giúp người học nhận thức rõ và say mê yêu nghề đã chọn.

*** Nhận định**

So với tiêu chuẩn nhà trường nhận thấy đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chuẩn.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.2.12. Tiêu chuẩn 12

Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

*** Mô tả**

Phương pháp, quy trình đánh giá trong thi, kiểm tra được thực hiện theo quy chế thi, kiểm tra do nhà trường xây dựng dựa trên Luật dạy nghề với quyết định 14/2007/QĐ-BLĐT BXH của Bộ Lao Động - Thương Binh và Xã Hội về quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp trong trường dạy nghề; TT số 09/2017/TT-BLĐT BXH - Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ. Ngay từ đầu khóa, nhà trường tổ chức cho học sinh, sinh viên học tập các Quy chế trong đó có Quy chế thi kiểm tra và chỉ đạo phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; phòng Kế hoạch - Đào tạo, các Khoa chuyên môn thực hiện đúng quy trình kiểm tra theo đúng Quy định (2.12.01. Quyết định của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp; 2.12.07. Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp số 26/QĐ-TCĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019; 2.12.08. Quyết định V/v ban hành quy trình in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ văn bằng chứng chỉ) quy định về thời gian ôn thi, nội dung thi, điều kiện dự thi, việc thành lập Hội đồng thi và cách tính điểm. Dựa trên cơ sở này, giáo viên giảng dạy các môn học/ mô đun tại Trường áp dụng các phương pháp kiểm tra phù hợp nhằm đánh giá được kết quả học tập của học sinh sinh viên học môn học của mình, tự điều chỉnh phương pháp truyền đạt, tổ chức việc học tập trên lớp. Đồng thời, các em HSSV xác định được động cơ học tập, khuyến khích phát triển năng lực tự học và tinh thần hợp tác.

Do đặc thù các môn học/mô đun, ngành nghề đào tạo trường, đồng thời áp dụng các hình thức thi, kiểm tra khác nhau như kiểm tra viết, kiểm tra trắc nghiệm, bài tập thực hành kỹ năng. Các Khoa chuyên môn xây dựng Ngân hàng đề thi và kiểm tra và hàng năm có sửa đổi, bổ sung theo hướng cập nhật cách đánh giá kiến thức và kỹ năng mới (2.12.02. Hướng dẫn xây dựng ngân hàng câu hỏi; 2.12.03. Quyết định ban hành sử dụng ngân hàng câu hỏi; 2.12.04. Ngân hàng câu hỏi các nghề; 2.12.09. Quy trình xây dựng ngân hàng đề thi của Trường CĐ nghề Xây dựng; 2.12.10. Quy trình thi kết thúc môn học/ mô đun).

Trong đề cương chi tiết của mỗi môn học, mô đun và trong văn bản quy định kiểm tra thi TN của trường thể hiện rất rõ nét việc đánh giá coi trọng quá trình; cụ thể trong quá trình học của HSSV nếu không được đánh giá định kỳ thì không đủ điều kiện kiểm

tra kết thúc mô đun/môn học. Trong kiểm tra thực hành, thang điểm đánh giá của đề thi đã thể hiện sự kiểm tra suốt quá trình làm ra sản phẩm chứ không phải đánh giá kết quả cuối cùng, với từng nghề cụ thể nhà trường đã chỉ đạo các khoa chuyên môn xây dựng thang điểm chi tiết cho các bài kiểm tra thực hành định kỳ trong các mô đun, môn học (2.12.05. Các đề kiểm tra, đề thi; 2.12.06. Phiếu chấm thực hành kỹ năng; 2.12.11. Hệ thống biểu mẫu hồ sơ sổ sách).

*** Nhận định**

So với tiêu chuẩn nhà trường nhận thấy đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chuẩn.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.2.13. Tiêu chuẩn 13

Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

*** Mô tả**

Nguồn nhân lực có chất lượng, được đào tạo tốt là động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia (Worldbank, 2012). Nhân lực có kỹ năng là cơ sở để nền kinh tế đạt được năng suất lao động cao – động lực của sự tăng trưởng (Solow, 1957). Vì thế vai trò của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp là rất lớn. Chất lượng đào tạo chỉ có thể được nâng cao khi quá trình đào tạo có sự gắn kết chặt chẽ với nhu cầu của người sử dụng lao động nói riêng và nhu cầu xã hội nói chung. Kết quả học tập của người học được đánh giá qua các mặt: Kiến thức, Kỹ năng và Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm phù hợp với yêu cầu công việc.

Nhận thức được điều quan trọng đó trong thời gian tới nhà trường sẽ tích cực xây dựng mối liên hệ mật thiết với khách hàng cuối cùng là các nhà sử dụng lao động vào việc đánh giá kết quả của người học, từ đó thiết kế lại chương trình đào tạo để đạt được các chuẩn đầu ra theo yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động. Chương trình đào tạo cần đặc biệt chú ý nhằm đến xây dựng cho người học năng lực chuyên môn vững vàng đồng thời có thái độ và động cơ làm việc đúng đắn.

*** Điểm tự đánh giá: 0 điểm**

3.2.2.14. Tiêu chuẩn 14

Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

*** Mô tả**

Nhà trường thực hiện đúng Quy chế thi và kiểm tra, đổi mới cách ra đề thi theo hướng coi trọng tính tự giác, tích cực của người học; lựa chọn các hình thức kiểm tra (tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành kỹ năng) phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù mô đun/môn học (2.12.05. Các đề kiểm tra, đề thi). Quy trình tổ chức thi, kiểm tra học kỳ, thi tốt nghiệp được nhà trường thực hiện nghiêm túc, khách quan từ việc tổ chức ra đề thi, công tác bảo mật, tổ chức coi thi, chấm thi, tổng hợp và thông báo kết quả để đảm bảo đánh giá kết quả học tập nghiêm túc, khách quan (2.14.01. Biên bản xét đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp; 2.14.02. Các quyết định thành lập HĐ thi, Ban coi thi, ban chấm thi; 2.14.03. Kết quả và các quyết định công nhận kết quả tốt nghiệp).

Việc cấp văn bằng, chứng chỉ được thực hiện đúng theo quy định (2.14.04. *Sổ cấp phát bằng*; 2.14.05. *Biên bản kiểm tra phôi bằng*; 2.14.06. *Báo cáo xác nhận phôi văn bằng, chứng chỉ*; 2.14.07. *Biên bản bàn giao phôi bằng in hồng*, 2.14.08. *Quyết định thành lập hội đồng hủy phôi bằng in hồng*)

*** Nhận định**

So với tiêu chuẩn nhà trường nhận thấy đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chuẩn.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.2.15. Tiêu chuẩn 15

Hàng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.

*** Mô tả**

Đánh giá đúng, chính xác kết quả học tập của HSSV có ý nghĩa quyết định đến việc phân loại HSSV và xác định chất lượng giáo viên chính xác, trên cơ sở đó thực hiện điều chỉnh phương pháp giảng dạy trong nhà trường. Ban giám hiệu nhà trường đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc trong tổ chức coi thi, chấm thi và đi đôi với đổi mới phương pháp, quy trình kiểm tra đánh giá.

Hàng năm, sau khi triển khai hội nghị sinh hoạt chuyên môn của các khoa, tổ môn cũng như hội nghị cán bộ công chức cuối năm lấy ý kiến chỉnh sửa bổ xung. Quy chế thi, kiểm tra, đánh giá xếp loại và công nhận tốt nghiệp đối với học sinh học nghề áp dụng trong nhà trường đã được Hiệu trưởng ký Quyết định ban hành (2.12.01. *Quyết định của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp*; 2.15.01. *Văn bản điều chỉnh quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng chứng chỉ*; 2.12.07. *Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp số 26/QĐ-TCD ngày 10 tháng 10 năm 2019*; 2.15.02 *Quyết định sử dụng mẫu phôi văn bằng, chứng chỉ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng nghề, cao đẳng*).

*** Nhận định**

So với tiêu chuẩn nhà trường nhận thấy đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chuẩn.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.2.16. Tiêu chuẩn 16

Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.

*** Mô tả**

Nhà trường đã có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông, hiện nay đang triển khai ở các Khoa; Đã xây dựng chương trình đào tạo liên thông nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ Cao đẳng (2.16.01. *Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ cao đẳng*) .

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.2.17. Tiêu chuẩn 17

Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.

* Mô tả

Theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quản lý hồ sơ và tài liệu đào tạo (2.17.01. TT số 09/2017/TT-BLĐTBXH). Cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo của Nhà trường được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo từng năm học, khóa học cho từng ngành, nghề, trình độ (2.17.02. Danh mục hồ sơ lưu trữ của các đơn vị)

Thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình đào tạo, trên website của nhà trường có đăng tải và cập nhật thường xuyên các hoạt động đào tạo như: Tiến độ, kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu, lịch thi, kiểm tra.... đồng thời lưu trữ hệ thống dữ liệu đào tạo theo đúng quy định giúp cho việc tổ chức quản lý và sử dụng có hiệu quả hơn (1.1.06. Địa chỉ Website của trường)..

* Điểm tự đánh giá: 01 điểm

3.2.3. TIÊU CHÍ 3: NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nhà trường có đội ngũ CBQL, GV và nhân viên đáp ứng được yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và được đảm bảo quyền lợi theo quy định hiện hành của Nhà nước và của trường. Nhà trường có chính sách đào tạo bồi dưỡng cán bộ, hỗ trợ cả về thời gian và kinh phí cho cán bộ đi học tập bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao trình độ. Nhà trường có quy chế về tuyển dụng lao động với các chế độ ưu đãi cho người lao động đảm bảo tính công khai minh bạch, khách quan, thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.

Số GV của trường đảm bảo đạt chuẩn về trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, đáp ứng yêu cầu giảng dạy của trường giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và đảm bảo trên 80% GV dạy được cả lý thuyết và thực hành. Các thầy cô cũng đã đào tạo được nhiều thế hệ học sinh đi thi tay nghề cấp Tỉnh, cấp Bộ và giành được những thành tích đáng kể.

GV nhà trường tham gia tốt phong trào thi đua dạy tốt như hội giảng GV giỏi cấp Trường và cấp Tỉnh, cấp Bộ, quốc gia nhằm góp ý rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giảng dạy.

Đa số CBQL các Phòng, Khoa, Tổ môn, đội ngũ quản lý được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, chuyên môn, lý luận chính trị. Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng và quy hoạch cán bộ theo từng giai đoạn.

* Những điểm mạnh

Trường Cao đẳng nghề Xây dựng có đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ đại học và sau đại học. Đội ngũ giáo viên, nhân viên đáp ứng được yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và được đảm bảo quyền lợi theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Trường.

Nhà trường có đầy đủ các quy chế, quy định, các văn bản hướng dẫn thực hiện về tuyển dụng, bổ nhiệm và phân cấp quyền hạn, trách nhiệm của cán bộ và nhân viên... thực hiện các chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên một cách rõ ràng, công khai, bảo đảm minh bạch, công bằng và dân chủ.

Ban giám hiệu nhà trường có phẩm chất đạo đức, có năng lực chuyên môn tốt, khả năng điều hành, quản lý, tầm nhìn và hoạch định chiến lược cho sự phát triển của nhà trường.

*** Những tồn tại**

Trình độ ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ, giáo viên nói chung còn hạn chế nên khó khăn trong quá trình hội nhập, cập nhật các kiến thức, tiêu chuẩn quốc tế trong công nghiệp.

Việc nghiên cứu, áp dụng những thành tựu Khoa học - Công nghệ vào việc cải tiến phương pháp giảng dạy và giáo dục học sinh chưa được nhân rộng trong tất cả giáo viên.

Tỉ lệ giáo viên được bồi dưỡng, thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động còn ít.

*** Kế hoạch**

Trong thời gian tới Nhà trường cần phát huy hơn nữa việc đào tạo bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cập nhật kiến thức và phương pháp đào tạo hiện đại. Hướng đến trong năm tới phải tổ chức các chuyến tham quan, giao lưu trao đổi kinh nghiệm đào tạo với các đối tác đào tạo ở nước ngoài.

Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo ngoại ngữ Tiếng Anh trong đội ngũ cán bộ, giáo viên nhà trường để nhanh chóng hội nhập với trình độ thế giới.

Cử CBGV tham gia các Hội thảo nghiên cứu khoa học trong nước, tổ chức các hội thảo nghiên cứu khoa học, đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học bằng các hình thức khuyến khích về vật chất và tinh thần để giáo viên tham gia tích cực vào công tác nghiên cứu khoa học.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và trao đổi phương pháp giảng dạy trong từng bộ phận thường xuyên.

Tổ chức các lớp bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý về ngoại ngữ và các kỹ năng quản lý.

Trong thời gian tới, nhà trường sẽ tổ chức các khoá bồi dưỡng cho các giáo viên đến thực tập tại các doanh nghiệp để có thể bổ sung tiến bộ của KH-KT vào chương trình đào tạo và trong các bài giảng.

3.2.3.1. Tiêu chuẩn 1

Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.

*** Mô tả**

Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường, Trường đã ban hành Quyết định về việc tuyển dụng cán bộ, giảng viên và viên chức của Trường CDN Xây dựng (3.1.01. Quyết định quy định tuyển dụng của trường CDN Xây dựng).

Thực hiện Nghị quyết của BCH Đảng ủy Trường, lãnh đạo Nhà trường thực hiện và làm tốt công tác bồi dưỡng đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên đảm bảo phù hợp với xu thế phát triển và hội nhập của xã hội.

Nhà trường đã xây dựng quy hoạch giáo viên, cán bộ quản lý (3.1.02. Quy hoạch giáo viên từ 2015-2020; 3.1.03. Quy hoạch cấp uỷ, cán bộ lãnh đạo, công Đoàn giai đoạn 2015-2020, 2021 - 2026). Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, quy trình, biện pháp phù hợp để tuyển dụng giáo viên, bổ nhiệm cán bộ quản lý (3.1.04. Quy trình tuyển dụng giáo viên)

Công tác đánh giá, phân loại giáo viên, cán bộ quản lý ngày càng được Nhà trường chú trọng. Hằng tháng, các đơn vị thực hiện đánh giá thi đua tháng xếp loại theo A, B, C. Cuối năm, Nhà trường đều có hướng dẫn cho đơn vị đánh giá, phân loại viên chức thật cụ thể, khách quan (3.1.05. Công văn hướng dẫn bình xét thi đua hàng tháng, năm; 3.1.06. Biên bản tổng hợp xét thi đua tháng, năm; 3.1.07. Biên bản tổng hợp xét xếp loại viên chức hàng năm). Kết quả đánh giá tập thể tại các Phòng ban chức năng, Khoa, Trung tâm (1.6.11. Các biên bản họp tổng kết năm của các phòng, Khoa, Trung tâm) đã được Hội đồng thi đua Nhà trường xem xét và đề nghị cơ quan cấp trên khen thưởng (1.6.12. Danh sách giáo viên và cán bộ quản lý đạt các danh hiệu thi đua do Hội đồng thi đua xem xét các năm 2015, 2016, 2017, 2018 các quyết định khen thưởng).

Nhà trường thông qua bản danh sách cán bộ chủ chốt, từ đó có quy hoạch về đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường đến năm 2015 - 2020 (3.1.08. Danh sách cán bộ trong diện quy hoạch). Hàng năm, trường luôn có kế hoạch học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị cho đội ngũ CBQL (3.1.09. Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chính trị).

*** Nhận định**

So với tiêu chuẩn nhà trường nhận thấy đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chuẩn.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.3.2. Tiêu chuẩn 2

Tổ chức thực hiện tuyển dụng sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.

*** Mô tả**

Nhà trường có quy định chặt chẽ trong quy trình tuyển dụng. Quá trình tuyển dụng viên chức được thực hiện theo đúng quy trình đặt ra (3.1.01. Quy định tuyển dụng cán bộ, giảng viên và viên chức Trường Cao đẳng nghề Xây dựng).

Việc tuyển dụng đều xuất phát từ nhu cầu của các đơn vị, kế hoạch tuyển dụng được các đơn vị đề xuất, sau đó đề nghị nhà trường phê duyệt (3.2.01. Văn bản đề nghị bổ sung nhân lực của đơn vị). Kế hoạch tuyển chọn, danh sách thí sinh, danh sách trúng tuyển được công bố công khai trên trang Web của nhà trường và các phương tiện thông tin đại chúng (1.1.06. Địa chỉ Website của Trường). Quy trình tuyển dụng được tổ chức chặt chẽ, gồm các bước: Thành lập hội đồng tuyển dụng; tổ chức thi giảng đối với giáo viên, thi chuyên môn đối với viên chức hành chính, phỏng vấn trực tiếp, thi kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. Do đó, Nhà trường có đội ngũ viên chức có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu của công tác đào tạo.

Nhà trường thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ. Phương châm của quy hoạch cán bộ là “mở” và “động”, trên cơ sở kết quả đánh giá cán bộ và phân tích chất lượng đảng viên, viên chức hàng năm, Nhà trường đã tiến hành công tác tạo nguồn xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp (3.2.02. Quyết định quy hoạch cán bộ trong từng giai đoạn). Quyết định quy hoạch được công bố công khai để toàn thể cán bộ công nhân viên được biết.

Căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của đơn vị sự nghiệp công lập Nhà trường đã tổ chức tốt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, viên chức hàng năm như: Cử cán bộ giáo viên đi học Cao học, đi học Trung cấp chính trị, cao cấp chính trị và nhiều lớp đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo vị trí việc làm (3.2.03. Các quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng) đã góp phần xây dựng đội ngũ viên chức của Nhà trường có đạo đức nghề nghiệp, có đủ trình độ và năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc.

Việc phân loại viên chức được đảm bảo khách quan, chính xác, không nể nang, trù dập, thiên vị. Việc đánh giá được căn cứ vào chức trách nhiệm vụ được giao và kết quả thực hiện nhiệm vụ, việc đánh giá đã làm rõ được ưu điểm, khuyết điểm, tồn tại, hạn chế về phẩm chất, năng lực, trình độ của cán bộ, viên chức (3.2.04. Hướng dẫn về phân loại viên chức hàng năm).

Thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định như chế độ tiền lương, về phụ cấp ưu đãi ngành giáo dục, phụ cấp thâm niên nhà giáo, đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ cho người lao động (3.2.05. Bảng thanh toán tiền lương hàng tháng cho CBGVCCNV)

*** Nhận định**

So với tiêu chuẩn nhà trường nhận thấy đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chuẩn.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.3.3. Tiêu chuẩn 3

Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.

*** Mô tả**

Căn cứ vào quy định chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ của nhà giáo GDNN của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (3.3.01. Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH Quy định về chuyên môn nghiệp vụ của nhà giáo GDNN). Nhà trường đã định kỳ tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ nhằm chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo theo đúng quy định (2.9.02. Tổ chức lớp tập huấn Tin học, Ngoại ngữ). Đồng thời, Nhà trường cũng thực hiện đánh giá, xếp loại nhà giáo hàng năm đúng quy định và có báo cáo theo công văn hướng dẫn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ninh (3.3.02. Công văn số 1393/LĐBXH-DN; 3.3.03. Báo cáo đánh giá, xếp loại nhà giáo các năm). Theo đó 100% đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy tại thời điểm báo cáo đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ.

*** Nhận định**

So với tiêu chuẩn nhà trường nhận thấy đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chuẩn.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.3.4. Tiêu chuẩn 4

Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.

*** Mô tả**

Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định (3.4.01. Thông tư 07/2017/TT-BLĐTBXH Quy định chế độ làm việc

của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; 3.4.02. Luật Giáo dục nghề nghiệp; 3.4.03. Điều lệ Trường Cao đẳng nghề Xây dựng) và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường (1.6.12. Danh sách giáo viên và cán bộ quản lý đạt các danh hiệu thi đua do Hội đồng thi đua xem xét các năm 2015, 2016, 2017, 2018 các quyết định khen thưởng).

*** Nhận định**

So với tiêu chuẩn nhà trường nhận thấy đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chuẩn.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.3.5. Tiêu chuẩn 5

Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.

*** Mô tả**

Theo quy định của Nhà nước về thủ tục đăng ký hoạt động GDNN (2.2.01. Quy chế tuyển sinh của Bộ Lao động thương binh và Xã hội: TT số 05/2017/TT-BLĐTBXH). Trường Cao đẳng nghề Xây dựng đã đăng ký và được cấp giấy chứng nhận hoạt động GDNN cho 06 nghề trình độ Cao đẳng, 08 nghề trình độ Trung cấp và 14 nghề trình độ Sơ cấp (2.1.01. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Tổng cục dạy nghề cấp). Theo đó, đội ngũ nhà giáo của nhà trường đảm bảo đúng quy định về tỷ lệ quy đổi 25 HS/1 GV; Số lượng nhà giáo cơ hữu 39/52; kiêm chức 13/52 nhà giáo đảm nhận trên 60% khối lượng chương trình của mỗi ngành, nghề; Số lượng nhà giáo có trình độ sau đại học là 20/52 nhà giáo chiếm tỷ lệ 38,5% (3.5.01. Báo cáo định kỳ về cơ sở GDNN)

*** Nhận định**

So với tiêu chuẩn nhà trường nhận thấy đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chuẩn.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.3.6. Tiêu chuẩn 6

Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

*** Mô tả**

Các chương trình đào tạo của trường xây dựng đều có mục tiêu đào tạo của nghề thể hiện rõ mức độ hiểu biết về kiến thức, kỹ năng, thái độ, phương pháp, hình thức đào tạo (3.6.01. Quyết định của Hiệu Trường về việc ban hành các chương trình đào tạo trình độ CĐN, TCN và SCN; 2.4.01. Các chương trình đào tạo nghề đã được phê duyệt).

Theo luật Giáo dục nghề nghiệp và Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Nhà trường đã xây dựng chương trình đào tạo thể hiện rõ các kiến thức và kỹ năng của từng công việc trong một nghề, khả năng làm việc độc lập, biết ứng dụng công nghệ kỹ thuật mới, ngoài ra còn trang bị cho người học về văn hoá nghề, tác phong công nghiệp.....và có khả năng học lên trình độ cao hơn.

Dựa trên chương trình đào tạo đã xây dựng và ban hành, kế hoạch, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt, và thực hiện sự điều hành của các khoa chuyên môn. Các nhà giáo

thực hiện giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo. Để giám sát, đánh giá việc thực hiện giảng dạy theo đúng kế hoạch, bám sát mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt đảm bảo hiệu quả và chất lượng đào tạo, Phòng kế hoạch đào tạo đã thực hiện nghiêm túc quy trình quản lý hoạt động giảng dạy, kết hợp với khoa chuyên môn tổ chức kiểm tra hồ sơ giảng dạy, dự giờ theo kế hoạch hoặc đột xuất việc giảng dạy của nhà giáo (2.6.03. Sổ lên lớp; 2.6.04. Giáo án; 2.6.02. Kế hoạch dự giờ, lịch dự giờ, báo cáo kết quả dự giờ).

Căn cứ vào kế hoạch cụ thể từng học kỳ, năm học, Ban giám hiệu chỉ đạo các phòng khoa liên quan thực hiện các hoạt động dạy và học, đồng thời từng năm có báo cáo rà soát đánh giá mức độ phù hợp giữa hoạt động dạy nghề với mục tiêu, nội dung chương trình đã được phê duyệt (3.6.02. Báo cáo rà soát đánh giá mức độ phù hợp giữa các hoạt động dạy nghề với chương trình đào tạo).

*** Nhận định**

So với tiêu chuẩn nhà trường nhận thấy đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chuẩn.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.3.7. Tiêu chuẩn 7

Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

*** Mô tả:**

Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và ban hành các chính sách, biện pháp cụ thể nhằm khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường quy định rõ về sự hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, chế độ thanh toán tiền tàu xe, hỗ trợ sinh hoạt phí cho cán bộ tham gia tập huấn, bồi dưỡng. Những cán bộ, giáo viên đi học cao học được nhà trường hỗ trợ tiền học phí, được hưởng nguyên lương, phụ cấp trong thời gian đi học (1.3.04. Quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ). Cán bộ quản lý đi học trung cấp chính trị được nhà trường chi trả tiền học phí, hưởng nguyên lương và các chế độ liên quan (3.7.01. Quyết định cử cán bộ đi học lớp Trung cấp chính trị). Nhà trường mở nhiều khoá tập huấn bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng soạn thảo văn bản cho ngũ cán bộ, giáo viên của nhà trường (3.7.02. Quyết định cử cán bộ giáo viên đi học ngoại ngữ trình độ A2; 3.7.03. Quyết định cử cán bộ giáo viên đi học trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản; 3.7.04. Quyết định cử cán bộ giáo viên đi học lớp nghiệp vụ sư phạm; 3.7.05. Quy chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng). Kinh phí của những khoá tập huấn do nhà trường đài thọ.

Hàng năm tổ chức hội giảng giáo viên giỏi cấp trường, cũng là một trong những biện pháp khuyến khích các nhà giáo tự học tập và tự bồi dưỡng nâng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy (2.8.05. Kế hoạch tổ chức và kết quả hội giảng giáo viên giỏi cấp trường các năm).

*** Nhận định**

So với tiêu chuẩn nhà trường nhận thấy đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chuẩn.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.3.8. Tiêu chuẩn 8

Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.

*** Mô tả**

Để nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo đáp ứng quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN theo quy định của nhà nước. Nhà trường đã tổ chức các lớp bồi dưỡng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản đạt chuẩn và lớp đào tạo bồi dưỡng trình độ ngoại ngữ bậc 2 và cho đến nay 100% nhà giáo cơ hữu đã đạt chuẩn về công nghệ thông tin và trình độ ngoại ngữ (2.2.09. *Tổ chức lớp tập huấn Tin học, Ngoại ngữ; 3.8.01. Tập huấn xây dựng chương trình đào tạo; 3.8.04. Tập huấn bồi dưỡng kiến thức cơ bản về đảm bảo chất lượng trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp*).

Hàng năm, Nhà trường có mời chuyên gia tổ chức các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, phương pháp giảng dạy, đảm bảo chất lượng tại trường cho đội ngũ nhà giáo đồng thời có cử nhà giáo tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do cấp trên tổ chức (3.8.02. *Quyết định thành lập lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ; 3.8.03. Quyết định cử nhà giáo tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng do cấp trên tổ chức*).

*** Nhận định**

So với tiêu chuẩn nhà trường nhận thấy đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chuẩn.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.3.9. Tiêu chuẩn 9

Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

*** Điểm tự đánh giá: 0 điểm**

3.2.3.10. Tiêu chuẩn 10

Hàng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.

*** Mô tả:**

Đến thời điểm hiện tại, Nhà trường đang thực hiện phương thức đào tạo theo niên chế. Do đó, kết quả đào tạo trong năm học được tổng kết, đánh giá thông qua báo cáo tổng kết năm học về các công tác chuyên môn. Đồng thời, cũng đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho năm học kế tiếp (1.6.09. *Báo cáo tổng kết năm học của trường; 3.10.1 Báo cáo kết quả công tác đào tạo nghề nghiệp*)

*** Nhận định**

So với tiêu chuẩn nhà trường nhận thấy đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chuẩn.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.3.11. Tiêu chuẩn 11

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.

* Mô tả

Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng của trường đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Điều lệ trường CĐN và quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý. Hiệu trưởng có trình độ Thạc sỹ, trình độ lý luận chính trị cao cấp, có nghiệp vụ về quản lý giáo dục nghề nghiệp, có kinh nghiệm 24 năm làm công tác giảng dạy và tham gia quản lý giáo dục (3.11.01. Hồ sơ lý lịch Hiệu trưởng). Các Hiệu phó của có trình độ Thạc sỹ chuyên ngành phù hợp, có trình độ Trung cấp Lý luận chính trị, đang giữ ngạch giảng viên, có kinh nghiệm giảng dạy và quản lý giáo dục nhiều năm (3.11.02. Hồ sơ lý lịch các Phó Hiệu trưởng). Về phẩm chất đạo đức Ban giám hiệu nhà trường có đầy đủ các tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) và tại Quy định số 800/QĐ-BXD ngày 24/7/2017 của Bộ Xây dựng về việc quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Xây dựng

Hiệu trưởng Nhà trường đã thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm được Bộ Xây dựng giao trong việc quản lý, và điều hành động của trường. Các Hiệu phó tích cực tham mưu giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý và điều hành.

* Nhận định

So với tiêu chuẩn nhà trường nhận thấy đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chuẩn.

* Điểm tự đánh giá: 01 điểm

3.2.3.12. Tiêu chuẩn 12

Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

* Mô tả

Nhà trường có 13 cán bộ quản lý là Trưởng, Phó các Phòng, Khoa, Trung tâm. Quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ được thực hiện đúng quy định, cán bộ được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại được tổ chức lấy phiếu tín nhiệm và tỷ lệ số phiếu đồng ý phải đạt trên 50% mới được xem xét đề nghị ; những người giữ chức vụ lãnh đạo 5 năm được xem xét bổ nhiệm lại. Cán bộ được bổ nhiệm lần đầu đảm bảo đủ tiêu chuẩn, điều kiện về phẩm chất chính trị, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học, sức khỏe. Cán bộ được xem xét bổ nhiệm lại có uy tín, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong thời gian giữ chức vụ lãnh đạo (3.12.01. Quy chế giới thiệu, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái viên chức Trường Cao đẳng nghề Xây dựng).

* Nhận định

So với tiêu chuẩn nhà trường nhận thấy đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chuẩn.

* Điểm tự đánh giá: 01 điểm

3.2.3.13. Tiêu chuẩn 13

Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

* Mô tả

Đội ngũ cán bộ quản lý của Nhà trường có 13 người, trong đó 10 người có trình độ Thạc sỹ, 03 người có trình độ Đại học, 100% đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, lý luận

chính trị, được bồi dưỡng qua các lớp nghiệp vụ quản lý, nghiệp vụ sư phạm, có phẩm chất đạo đức tốt (3.13.01. *Hồ sơ lý lịch các Trưởng, Phó các Phòng, Khoa, Trung tâm*).
Đội ngũ cán bộ của Nhà trường từng bước được chuẩn hoá, trẻ hoá, phát huy được phẩm chất, năng lực, tham mưu kịp thời, hiệu quả trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ của Nhà trường (3.13.02. *Bảng đánh giá phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ quản lý*)

*** Nhận định**

So với tiêu chuẩn nhà trường nhận thấy đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chuẩn.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.3.14. Tiêu chuẩn 14

Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.

*** Mô tả**

Nhà trường chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý. Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý (3.14.01. *Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý*). Từ năm 2014 đến nay, Nhà trường cử 09 đồng chí đi học Thạc sỹ (3.14.02. *Các Quyết định cử cán bộ đi học Cao học*); cử 08 đồng chí đi học Trung cấp chính trị, 02 đồng chí đi học Cao cấp chính trị (3.7.01. *Các Quyết định cử cán bộ đi học Trung cấp chính trị*; 3.14.03. *Các Quyết định cử cán bộ đi học Cao cấp chính trị*), mời chuyên gia về trường đào tạo tin học, ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ của nhà trường. Ngoài ra đội ngũ cán bộ Nhà trường còn tham gia nhiều lớp đào tạo, bồi dưỡng do Tổng cục, Sở, Ban ngành tổ chức đào tạo (3.14.04. *Các Quyết định cử đi đào tạo bồi dưỡng khác*).

*** Nhận định**

So với tiêu chuẩn nhà trường nhận thấy đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chuẩn.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.3.15. Tiêu chuẩn 15

Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng nhu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.

*** Mô tả**

Nhà trường có đủ số lượng đội ngũ viên chức, nhân viên có trình độ chuyên môn và năng lực phù hợp với vị trí công tác. Tổng số viên chức và người lao động của Nhà trường là 57 người, viên chức có trình độ Thạc sỹ là 10 người; trình độ Đại học 37 người còn lại là Cao đẳng và Trung cấp (3.15.01. *Danh sách viên chức, người lao động*)

100% giáo viên của Nhà trường đạt chuẩn về năng lực chuyên môn và có chứng chỉ sư phạm dạy nghề, trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy định. Tỷ lệ giáo viên trên học sinh quy đổi đạt theo mức quy định (3.15.02. *Hồ sơ lý lịch của giáo viên*).

Đội ngũ viên chức chuyên môn phục vụ công tác đào tạo của nhà trường có năng lực trình độ, trách nhiệm cao trong công việc, thái độ phục vụ nhiệt tình đáp ứng mọi yêu cầu công việc của nhà trường (3.15.03. *Hồ sơ lý lịch của viên chức chuyên môn*)

Nhà trường luôn xác định cần phải tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên và viên chức chuyên môn nghiệp vụ, coi đây là một nhiệm vụ quan trọng để nâng cao chất lượng công tác giáo dục đào tạo. Chính vì vậy, hàng năm Nhà trường có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và mọi điều kiện thuận lợi để đội ngũ đội ngũ giáo viên đi học nâng cao trình độ chuyên môn (3.15.04. *Quyết định cử giáo viên đi học Cao học*; 3.15.05. *Quyết định cử viên chức đi học nâng cao nghiệp vụ*)

*** Nhận định**

So với tiêu chuẩn nhà trường nhận thấy đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chuẩn.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.4. TIÊU CHÍ 4: CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH

Mở đầu

Về công tác chương trình, giáo trình của nhà trường. Hiện nay, nhà trường đang đào tạo nghề theo 3 cấp trình độ: Sơ cấp, Trung cấp và Cao đẳng (đào tạo từ năm 2016) và các văn bản hướng dẫn về việc xây dựng chương trình đào tạo trên cơ sở chương trình khung các nghề do Bộ Lao động TBXH ban hành, Ban giám hiệu nhà trường đã chỉ đạo các phòng, khoa tiến hành xây dựng, thẩm định và ban hành các chương trình nghề mà nhà trường có cho từng nghề học, từng cấp trình độ và Hiệu trưởng ký duyệt ban hành chương trình đào tạo.

Sau khi chuyển đổi thực hiện luật Giáo dục nghề nghiệp và chuyển đổi chương trình đào tạo theo TT03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017, nhà trường cũng đã nhanh chóng lên kế hoạch xây dựng lại chương trình đào tạo cho phù hợp.

*** Những điểm mạnh**

- Công tác xây dựng chương trình đào tạo và biên soạn tài liệu giảng dạy trong những năm qua và hiện nay đều được nhà trường quan tâm hàng đầu, luôn kế thừa và cập nhật nội dung mới, giáo trình giảng dạy phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực và đảm bảo đúng theo các văn bản quy định của Bộ LĐTBXH. Theo luật Dạy nghề nhà trường có 9 chương trình đào tạo ở trình độ Trung cấp nghề, 15 chương trình Sơ cấp nghề. Hiện nay, theo đăng ký luật Giáo dục nghề nghiệp mới Trường Cao đẳng nghề Xây dựng có **06 chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, 08 chương trình đào tạo ở trình độ Trung cấp, 12 chương trình Sơ cấp**;
- Trong công tác xây dựng, thẩm định chương trình nghề, trường có mời giáo viên ngoài trường, cán bộ kỹ thuật các doanh nghiệp tham gia xây dựng và thẩm định;
- Chương trình đã xây dựng dựa trên cơ sở đào tạo theo mô đun và có sự liên thông. Đồng thời xây dựng cơ chế tổ chức biên soạn, thẩm định và phê duyệt giáo trình.
- Các chương trình hoàn toàn phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường đáp ứng được yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của từng trình độ đào tạo cũng như gắn bó mật thiết với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, nhu cầu của người học và với thị trường lao động. Chương trình đào tạo được thường xuyên hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu của người học và của thị trường lao động.

- Nhà trường xây dựng được quy chế tổ chức biên soạn và thẩm định giáo trình môn học, mô đun cho các nghề đã khuyến khích được các giáo viên trong việc biên soạn giáo trình.

*** Những tồn tại và kế hoạch**

Tồn tại:

Việc lấy ý kiến phản biện từ giáo viên và các chuyên gia bên ngoài còn chưa nhiều và chỉ tập trung ở một số nghề.

Kế hoạch:

- Trong năm tới, nhà trường sẽ tiếp tục tiến hành khảo sát ý kiến đánh giá của các doanh nghiệp, giáo viên, học sinh sinh viên về tính hợp lý của chương trình đào tạo. Từ đó sẽ định ra hướng điều chỉnh cho phù hợp.

- Hàng năm, các chương trình đào tạo được điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương luôn đổi mới về khoa học công nghệ, trang thiết bị máy móc phù hợp nhu cầu phát triển của xã hội.

- Tiếp tục tổ chức biên soạn giáo trình phục vụ cho công tác giảng dạy của nhà trường.

3.2.4.1. Tiêu chuẩn 1

Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.

*** Mô tả**

Trong công tác đào tạo của một cơ sở GDNN, chương trình đào tạo đóng vai trò then chốt, đặc biệt quan trọng bởi không có chương trình đào tạo thì quá trình đào tạo sẽ không thể thực hiện đạt được mục tiêu đào tạo đặt ra. Theo đó, tất cả các ngành, nghề mà Nhà trường đã, đang thực hiện đào tạo đều đã được xây dựng đầy đủ chương trình đào tạo và đã được Hiệu trưởng phê duyệt, ban hành đồng thời được cấp phép đào tạo theo đúng quy định (3.6.01. *Quyết định của Hiệu Trưởng về việc ban hành các chương trình đào tạo trình độ CD, TC và SC; 4.1.01. Chương trình đào tạo các ngành, nghề theo từng trình độ*).

*** Nhận định**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.4.2. Tiêu chuẩn 2

100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.

*** Mô tả**

Căn cứ vào quy định của Nhà nước về xây dựng chương trình đào tạo và lựa chọn các ngành, nghề (4.2.01. *Quy định chương trình khung trình độ cao đẳng, trung cấp các ngành, nghề; 4.2.02. Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, giáo trình; 4.2.03. Danh mục ngành nghề đào tạo*). Nhà trường đã thực hiện lựa chọn ngành, nghề, xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp đúng quy định cho các ngành, nghề mà nhà trường đã, đang đào tạo. 100% chương trình đào tạo được xây dựng đúng quy định và đã được hiệu trưởng phê duyệt (3.6.01. *Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề, trình độ; 4.1.01. Chương trình đào tạo các ngành, nghề theo từng trình độ*).

*** Nhận định**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.4.3. Tiêu chuẩn 3

Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.

*** Mô tả**

Từng chương trình đào tạo có mục tiêu được xác định rõ ràng, trong đó quy định cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng; phương pháp, hình thức đào tạo.

Căn cứ vào khung trình độ quốc gia đã được ban hành và luật giáo dục nghề nghiệp (4.3.01. *QĐ Phê duyệt khung trình độ quốc gia 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016*; 3.4.02. *Luật giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13*). Nhà trường đã thực hiện xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo các ngành, nghề trình độ cao đẳng, trung cấp thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng.

Các chương trình đào tạo của trường xây dựng đều có mục tiêu đào tạo của nghề thể hiện rõ mức độ hiểu biết về kiến thức, kỹ năng, thái độ, phương pháp, hình thức đào tạo (3.6.01. *Quyết định của Hiệu Trường về việc ban hành các chương trình đào tạo trình độ CĐ, TC và SC*; 3.6.02. *Các chương trình đào tạo đã được phê duyệt*).

Ban hành quy chế thi, kiểm tra công nhận tốt nghiệp cho các trình độ; quy trình thi kiểm tra kết thúc môn học, mô đun (2.12.10. *Quy trình thi kết thúc môn học/ mô đun*; 2.12.07. *Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp số 26/QĐ-CĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019*)

Trong cùng một nghề nhưng trình độ đào tạo khác nhau thì mục tiêu đào tạo cũng khác nhau, hiểu biết về kiến thức chuyên môn, yêu cầu rèn luyện kỹ năng khác nhau. Nên mỗi mô đun, môn học được qui định cụ thể cách thức đánh giá kết quả học tập của HSSV có khác nhau.

*** Nhận định**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.4.4. Tiêu chuẩn 4

Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

*** Mô tả**

Nhà trường đã thành lập các Ban biên soạn chương trình đào tạo chi tiết cho từng chuyên ngành (4.4.01. *Quyết định thành lập Ban xây dựng chương trình đào tạo*; 4.4.02. *Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo*).

Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo, trường đã mời chuyên gia tư vấn ngoài trường là các nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động tham gia quá trình xây dựng và thẩm định chương trình, đảm bảo số lượng có ít nhất 2 cán bộ ngoài trường, chuyên gia từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang công tác tại trường cùng tham gia xây dựng, biên soạn.

Các chương trình đào tạo đều được xây dựng trên cơ sở có ý kiến đóng góp của các giảng viên và cán bộ quản lý từ cấp cấp Khoa đến cấp Trường thông qua Hội đồng Khoa học. Đồng thời tổng hợp ý kiến đánh giá về chương trình đào tạo của các chuyên gia, các nhà tuyển dụng lao động (4.4.03. *Phiếu thẩm định các chương trình đào tạo*; 4.4.04- *Các biên bản Hội đồng thẩm định*) căn cứ Hồ sơ nghiệm thu nhà trường đã ban hành chương trình đào tạo (4.4.05. *Quyết định ban hành chương trình đào tạo hệ cao đẳng*; 4.4.06. *Quyết định ban hành chương trình đào tạo hệ trung cấp*).

Như vậy, Chương trình đào tạo của Nhà trường được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động.

*** Nhận định:**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.4.5. Tiêu chuẩn 5

Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.

*** Mô tả**

Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn đáp ứng nhu cầu xã hội để sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm ngay tránh tình trạng thất nghiệp, chương trình đào tạo không đáp ứng sự thay đổi của thị trường. Giáo dục gắn liền với thực tế bằng cách xây dựng liên hệ chặt chẽ giữa doanh nghiệp với các cơ sở đào tạo, để chọn lọc, hướng dẫn nghiệp vụ, tạo điều kiện giúp sinh viên làm quen với môi trường làm việc ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường.

Do vậy, Nhà trường rất quan tâm tới việc mời các chuyên gia là cán bộ kỹ thuật của các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp sử dụng lao động và các nhà giáo có kinh nghiệm sản xuất thực tiễn làm thành viên Ban xây dựng chương trình và thành viên Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo (4.4.01. *Quyết định thành lập Ban xây dựng chương trình*; 4.4.02. *Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình*; 4.4.04. *Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình*).

Bước đầu thu thập các ý kiến nhận xét, đánh giá của người sử dụng lao động, người tốt nghiệp đã đi làm về chương trình dạy nghề đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Trường đã tổ chức lấy ý kiến của người sử dụng lao động về tay nghề của học sinh sau khi tốt nghiệp và doanh nghiệp làm việc, như nghề Điện công nghiệp, Cấp thoát nước... để làm cơ sở xây dựng chương trình dạy nghề. Đây là cơ sở làm căn cứ triển khai thực hiện (4.5.01. *Phiếu khảo sát đánh giá của người sử dụng lao động, HSSV cuối khoá*)

*** Nhận định**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.4.6. Tiêu chuẩn 6

Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.

*** Mô tả**

Căn cứ vào TT03/2017/TT-BLĐTBXH Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Nhà trường đã tiến hành lập kế hoạch và xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với Luật GDNN (4.4.01. Quyết định thành lập Ban xây dựng chương trình; 3.6.01. Quyết định của Hiệu Trưởng về việc ban hành các chương trình đào tạo trình độ CD, TC và SC; 4.1.01. Chương trình đào tạo các ngành, nghề, trình độ).

Các chương trình đào tạo của Nhà trường đã được xây dựng trên cơ sở chương trình khung đã ban hành của nhà nước và được điều chỉnh để có thể đào tạo theo cả hai phương thức: đào tạo theo niên chế và đào tạo theo tích lũy tín chỉ. Do đó, hoàn toàn bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ trung cấp, cao đẳng trong trường và với các trình độ đào tạo cao hơn trong hệ thống giáo dục quốc dân.

*** Nhận định**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.4.7. Tiêu chuẩn 7

Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đổi với chương trình đào tạo đã ban hành.

*** Mô tả**

Trong quá trình đào tạo, Nhà trường luôn tiếp nhận sự góp ý từ các nhà giáo trực tiếp giảng dạy, từ các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp sử dụng lao động và từ các cựu HSSV để tổng hợp, chất lọc và định kỳ điều chỉnh chương trình đào tạo để đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động (4.7.01. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường về cập nhật, chỉnh sửa chương trình đào tạo; 4.7.02. Quyết định ban hành chương trình đào tạo sau khi điều chỉnh).

*** Nhận định**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.4.8. Tiêu chuẩn 8

Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

Trong quá trình biên soạn, điều chỉnh chương trình đào tạo, Nhà trường có tham khảo các chương trình đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác, các sách tham khảo từ các chuyên gia.

Khi đi vào giảng dạy, hàng năm nếu có bất cập thì chương trình đào tạo đều được điều chỉnh sao cho phù hợp (4.1.01. *Chương trình đào tạo các ngành, nghề, trình độ*; 3.6.01. *Quyết định của Hiệu Trường về việc ban hành các chương trình đào tạo trình độ CĐ, TC và SC*; 7.02. *Quyết định ban hành chương trình đào tạo sau khi điều chỉnh*)

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.4.9. Tiêu chuẩn 9

Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học

*** Điểm tự đánh giá: 0 điểm**

3.2.4.10. Tiêu chuẩn 10

Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.

*** Mô tả**

Dựa trên các chương trình đào tạo đã được phê duyệt, năm 2016 nhà trường đã thẩm định bổ sung 15 giáo trình nội bộ các môn học/mô đun của từng chương trình đào tạo. Các giáo trình này đã được Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành. Đồng thời Nhà trường cũng lựa chọn và cho phép sử dụng 112 giáo trình các môn học, mô đun của các cơ sở GDNN khác có chương trình đào tạo tương ứng với các ngành, nghề mà Nhà trường đang thực hiện đào tạo (4.10.01. *Quyết định ban hành giáo trình nội bộ*; 4.10.02. *Văn bản cho phép sử dụng giáo trình của các cơ sở GDNN khác*). Theo đó, trường Cao đẳng nghề Xây dựng có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.

*** Nhận định**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.4.11. Tiêu chuẩn 11

100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

*** Mô tả**

Để đảm bảo giáo trình đào tạo của trường được xây dựng và lựa chọn theo đúng quy định của Nhà nước về xây dựng, lựa chọn giáo trình đào tạo các mô đun, môn học (4.11.01. *Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, giáo trình*; 4.11.02. *Danh mục ngành nghề đào tạo*). Trường Cao đẳng nghề Xây dựng đã thành lập các Ban biên soạn, lựa chọn giáo trình cho từng ngành, nghề, trình độ và thực hiện Quy trình xây dựng, lựa chọn giáo trình đúng quy định (4.11.03. *Quyết định thành lập ban biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo*; 4.11.04. *Giáo trình nội bộ các môn học/mô đun*).

*** Nhận định**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.4.12. Tiêu chuẩn 12

Giáo trình đào tạo cụ thể hoá yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.

*** Mô tả**

Căn cứ vào chương trình đào tạo đã được phê duyệt và ban hành, ban biên soạn, lựa chọn giáo trình triển khai biên soạn và lựa chọn giáo trình cho các môn học, mô đun bám sát mục tiêu chung của toàn bộ chương trình đào tạo và mục tiêu cụ thể của từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo. Để thẩm định, đánh giá giáo trình được biên soạn và lựa chọn, Trường đã thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình gồm các chuyên gia là nhà giáo trực tiếp giảng dạy, các cán bộ kỹ thuật trong cơ sở sản xuất... và toàn bộ quy trình xây dựng, lựa chọn giáo trình được triển khai đúng quy định đảm bảo chất lượng giáo trình được phê duyệt và ban hành (4.5.01. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình; 4.12.01. Biên bản nghiệm thu giáo trình đào tạo; 4.11.04. Giáo trình nội bộ các môn học/mô đun).

Các giáo trình bao gồm các nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học và được cụ thể hoá bằng các câu hỏi ôn tập cuối bài, cuối chương. Đáp ứng được mục tiêu chung của chương trình đào tạo.

*** Nhận định**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm.**

3.2.4.13. Tiêu chuẩn 13

Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

*** Mô tả**

Để giáo trình đào tạo của trường có thể đảm bảo tạo điều kiện tốt thực hiện phương pháp dạy học tích cực. Trường CDN Xây dựng đã thành lập ban biên soạn, lựa chọn giáo trình với các chuyên gia là nhà giáo chiếm tỷ lệ trên 50% và Hội đồng thẩm định giáo trình có các chuyên gia là nhà giáo chiếm tỷ lệ trên 50% với ít nhất 01 ủy viên phản biện là nhà giáo (4.11.03. Quyết định thành lập ban biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo; 4.5.01. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình; 4.12.01. Các biên bản nghiệm thu giáo trình).

*** Nhận định**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.4.14. Tiêu chuẩn 14

Hàng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

*** Điểm tự đánh giá: 0 điểm**

3.2.4.15. Tiêu chuẩn 15

Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.

*** Mô tả**

Khi chương trình đào tạo sau khi điều chỉnh được phê duyệt và ban hành, trường sẽ thành lập các tổ chuyên gia theo đúng quy định để đánh giá mức độ phù hợp của giáo trình đã xây dựng so với chương trình sau khi điều chỉnh và cập nhật, điều chỉnh nếu có sự bất cập. Các giáo trình sau khi được điều chỉnh cập nhật được Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành (4.15.01. Quyết định thành lập tổ chuyên gia đánh giá, cập nhật và điều chỉnh giáo trình; 4.15.02. Biên bản tổ chuyên gia đánh giá, cập nhật và điều chỉnh giáo trình; 4.15.03. Quyết định ban hành giáo trình sau khi điều chỉnh).

*** Nhận định**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.5. TIÊU CHÍ 5: CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO VÀ THƯ VIỆN

*** Mở đầu**

Trường CDN Xây dựng đã trải qua hơn 45 năm xây dựng, trưởng thành và phát triển, qua từng giai đoạn trường đã đổi tên và được nâng cấp phù hợp với mục tiêu đào tạo. Được sự quan tâm đầu tư của các Bộ, ngành trường đã xây dựng được cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học bao gồm khu làm việc, khu giảng lý thuyết, khu xưởng thực hành, ký túc xá, hội trường...Tuy nhiên, cơ sở vật chất của nhà trường được xây dựng từ những năm 1970 thế kỷ trước nên đến nay cũng đã phải cải tạo, nâng cấp sửa chữa các hạng mục chính để đáp ứng nhu cầu thực tế.

Về trang thiết bị, phương tiện máy móc đáp ứng được nhu cầu đào tạo các nghề đang đào tạo trong trường.

Mặt bằng tổng thể của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng được bố trí với tổng diện tích đất là: 26.608 m² cụ thể:

- Nhà A làm việc 4 tầng : 1.332 m²
- Khu nhà giảng đường 2 tầng : 772 m²
- Khu nhà xưởng thực hành số 1 : 2.051 m²
- Nhà Ký túc xá 4 tầng B+C : 2.688m²
- Nhà tập thể công nhân: 120 m²

- Nhà bếp: 200 m²
- Nhà đa năng: 1.400 m² bao gồm cả phòng thư viện.
- Nhà Hội trường: 276 m²

*** Những điểm mạnh:**

Trường được xây dựng trên địa thế đắc địa, cạnh quốc lộ 18, con đường huyết mạch về giao lưu kinh tế và du lịch gần các cụm trường lớn như Trường ĐH Ngoại Thương cơ sở 2, ĐH Hạ Long, Trường Quân Sự tỉnh Quảng Ninh phù hợp với quy hoạch các điểm dân cư và mạng lưới trường nghề, đảm bảo điều kiện an toàn, yên tĩnh cho hoạt động giảng dạy, học tập và thuận tiện cho việc đi lại. Nhà trường có đầy đủ các khối công trình thuận tiện cho các hoạt động của nhà trường.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của nhà trường đảm bảo được các hoạt động dạy nghề, thực hành, lý thuyết trong nhà trường. Có đầy đủ các hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, đường nội bộ được bê tông hóa đảm bảo việc phòng cháy chữa cháy, vận chuyển thiết bị đến nhà xưởng an toàn, các xưởng đều có hệ thống thông gió, hệ thống phòng cháy chữa cháy. Nhà trường có đủ các trang thiết bị, dụng cụ phù hợp với chương trình đào tạo đã đăng ký. Các trang thiết bị, dụng cụ đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đào tạo. Trong nhà xưởng diện tích rộng rãi nên có thể chứa vật tư, thiết bị nên rất thuận tiện cho việc thường xuyên kiểm tra, bảo quản, bảo vệ. Tất cả các nhà xưởng đều có hệ thống chiếu sáng, có mái che, vật tư, thiết bị, nguyên vật liệu thực hành luôn được bảo quản tốt và an toàn.

Trong mỗi nhà xưởng đều có kho chứa vật tư, thiết bị nên rất thuận tiện cho việc thường xuyên kiểm tra, bảo quản, sử dụng, bảo vệ. Tất cả các nhà xưởng đều có hệ thống chiếu sáng, chống ẩm mốc đầy đủ.

Vật tư, thiết bị, nguyên vật liệu thực hành luôn được bảo quản tốt và an toàn.

*** Những tồn tại và kế hoạch:**

Tồn tại:

Khuôn viên nhà trường được đầu tư xây dựng theo từng giai đoạn nên các khu vực mới diện tích cây xanh đang trong thời gian trồng nên diện tích phủ kín còn hạn chế. Để khắc phục tình trạng trên nhà trường tổ chức thường xuyên lau chùi phòng học, nhà xưởng cũng như máy móc trang thiết bị. Hàng tháng các phòng, khoa, xưởng thường xuyên thực hiện việc bảo dưỡng máy móc trang thiết bị nhằm hạn chế đến mức thấp nhất quá trình ăn mòn kim loại. Mặt khác, tích cực trồng nhiều hàng rào cây xanh để phủ bóng mát khuôn viên nhà trường.

- Cơ sở vật chất nhà trường đã xuống cấp trầm trọng.
- Công tác giảng dạy và học tập thực hành của một số nghề vận hành ở ngoài sân bãi còn thiếu mái che, nên việc giảng dạy và học thực hành của giáo viên và HSSV còn gặp nhiều trở ngại.
- Máy móc thiết bị phần lớn đã cũ, trang thiết bị máy móc với công nghệ sản xuất hiện đại của nhà trường hiện nay còn ít so với nhu cầu các ngành nghề đào tạo của nhà trường...
- Trang thiết bị tại thư viện còn thiếu. Chưa có cán bộ chuyên trách về quản lý thư viện.

Kế hoạch:

- Nhà trường có kế hoạch sắp xếp và sửa chữa lại, bổ sung thêm các thiết bị dạy học hiện đại cho các phòng học chuyên môn trong thời gian tới, trang bị thêm các thiết bị đào tạo thực hành cho nghề mà nhà trường đang đào tạo.

- **Xây dựng trung tâm Thông tin - Thư viện để có thể xử lý triệt để phòng Tin học của Trường;**

- Đầu tư thêm các trang thiết bị hiện đại, bổ sung thêm tài liệu, sách báo và giáo trình chuyên môn;

- Mở rộng dịch vụ phục vụ người học trong việc tra cứu, nhân bản tài liệu;

- **Xây dựng bộ phận chuyên trách cho công tác quản lý thư viện.**

Nhà trường lập kế hoạch đầu tư thêm trang thiết bị với công nghệ sản xuất tiên tiến hiện đại trong giai đoạn tới cho các ngành nghề đào tạo từ nguồn kinh phí của Bộ, nguồn tích lũy của trường để đáp ứng yêu cầu về số lượng theo chuẩn của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp quy định. Nhà trường từng bước tích cực tìm nguồn thu và tiết kiệm chi để có kinh phí nâng cấp cơ sở vật chất.

3.2.5.1. Tiêu chuẩn 1

Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định của ngành đặc thù nếu có.

*** Mô tả**

Trường Cao đẳng nghề Xây dựng nằm trên quốc lộ 18 thuộc địa phận Phường Nam Khê, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh nằm trong vùng Đông Bắc của Tổ quốc, có giao thông đi lại thuận lợi, nằm trong vùng tam giác giao thông kinh tế giữa: Hải phòng, Quảng Ninh, Hà Nội vùng có sự phát triển mạnh mẽ về mọi mặt, tốc độ phát triển kinh tế - xã hội cao. Nhà trường được Bộ Xây dựng quan tâm trong việc xây dựng và phát triển trường.

Tất cả các công trình xây dựng đều được khảo sát và thiết kế, có quy hoạch cho hệ thống thoát nước tốt do đó trường không bao giờ bị úng ngập, đảm bảo giao thông bình thường thuận tiện cho quá trình làm việc và học tập và tại trường của CBCNV-GV và HSSV (5.1.01. Sơ đồ thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng trường; 5.1.02. Sơ đồ mặt bằng thiết kế cung cấp điện, nước của trường).

Về hệ thống điện nhà trường lắp đặt 01 trạm biến áp riêng 180 kVA-(6) 22/0,4KV do Việt Nam sản xuất. Ngoài ra còn được đầu tư trang bị 01 máy phát điện có công suất lớn. Do đó, việc cung cấp điện phục vụ cho đào tạo, sản xuất và sinh hoạt trong trường rất ổn định. Về nước sinh hoạt và phục vụ sản xuất, đào tạo. Nhà trường sử dụng nguồn nước máy để phục vụ sinh hoạt cho HSSV và CBCNV- GV nhà trường.

Nhà trường là đơn vị đóng trên địa bàn Phường Nam Khê – Uông Bí – Quảng Ninh nơi tập trung các trường Cao đẳng, Đại học như: Đại học Ngoại Thương cơ sở 2; Trường Quân sự tỉnh Quảng Ninh; Trường Đại học Hạ long; Trường trung cấp Kinh tế ngoài ra, còn có các trường mẫu giáo, cấp 1, 2 do đó không có cơ sở công nghiệp thải ra chất độc

hại (tiếng ồn, bụi bặm, chất thải độc, ô nhiễm không khí, nguồn nước); bảo đảm an toàn; yên tĩnh cho giảng dạy và học tập.

Về giao thông trường đóng ở địa bàn cạnh QL 18 do đó rất thuận tiện cho việc đi lại (5.1.03. Sơ đồ vị trí và mô tả hệ thống giao thông tại địa điểm của trường thể hiện giao thông thuận tiện).

Diện tích đất Nhà trường được quyền sử dụng lâu dài là 26.608 m² để phục vụ cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Thực hiện nhiệm vụ đào tạo theo hệ thống đào tạo nghề của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, cơ quan chủ quản là Bộ Xây dựng đều nằm trong quy hoạch chung của mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trọng điểm trên địa bàn và các tỉnh phía Bắc (5.1.04. Sơ đồ vị trí của trường trên địa bàn tỉnh).

*** Nhận định:**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.5.2. Tiêu chuẩn 2

Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.

*** Mô tả**

Nhà trường xây dựng trên cơ sở khuôn viên tổng thể mặt bằng theo quy hoạch đã được phê duyệt. Với đặc điểm diện tích rộng nên việc khảo sát, thiết kế lập Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500; xây dựng các cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục công trình như Nhà đa năng, nhà học lý thuyết, xưởng thực hành công nghệ cao, nhà thể chất, nhà hội trường, xưởng thực hành hiện có đã được cải tạo nâng cấp, nhà ăn, ký túc xá, khu tập thể CBCNV - GV, trạm điện, sân bóng ... được bố trí hợp lý phù hợp với cơ sở đào tạo và phù hợp với quy hoạch chung của thành phố Uông Bí, không gây ảnh hưởng lẫn nhau trong cùng một thời điểm hoạt động; Tổng thể sẽ chia thành hai khối chức năng chính đó là khối chức năng phục vụ công tác quản lý, đào tạo, thực hành thí nghiệm và Khối chức năng phụ trợ công tác học và giảng dạy (5.2.01. Bản quy hoạch tổng thể mặt bằng trường; 5.2.02. Số liệu về diện tích khu đất toàn trường, diện tích các công trình xây dựng, mật độ xây dựng công trình, diện tích cây xanh)

Mạng lưới đường được quy hoạch dựa trên tuyến đường chính xung quanh khu trường tạo thành hệ thống đường nội bộ kết hợp với mạng lưới sân vườn.

- *Chỉ tiêu đất giao thông:*

+ Tổng diện tích giao thông (kể cả diện tích sân và đường đi bộ): 15.721 m².

- *Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của các tuyến:*

+ Chiều rộng làn xe tính toán 2-3.5 m.

+ Chiều rộng làn đi bộ tính toán 1,5m.

+ Chỉ giới đường đỏ các tuyến đường được xác định theo công thức:

+ Độ dốc dọc đường $i_{max}=0.3\%$.

+ Độ dốc ngang mặt đường 1.5%.

+ Bán kính đường bó vỉa $\geq 6,0\text{m}$.

+ Bán kính đường cong bằng $R_{\min} \geq 9,0\text{m}$.

- **Cắm mốc hệ thống giao thông**

+ Hệ thống các mốc đường thiết kế cắm theo tim tuyến của các trục đường tại các ngã giao nhau trong bản đồ quy hoạch giao thông và cắm mốc đường đỏ tỷ lệ 1/500.

+ Toạ độ y và x của các mốc thiết kế được tính toán trên lưới toạ độ của bản đồ đo đạc tỷ lệ 1/500 theo hệ toạ độ quốc gia VN-2000. Cao độ các mốc thiết kế xác định dựa vào cao độ nền của bản đồ đo đạc tỷ lệ 1/500 theo hệ cao độ Nhà nước do chủ đầu tư cung cấp.

- **Xác định chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng**

+ Đây là khu vực giao thông nội bộ trong trường do vậy chỉ cần xác định chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của dọc tuyến đường Quốc lộ 18.

+ Giao thông nội bộ thì xác định chỉ giới quy hoạch theo tổng mặt bằng kiến trúc cảnh quan công trình.

- **Xác định sơ bộ kết cấu hệ thống giao thông**

+ Giao thông chính: Thiết kế theo tiêu chuẩn cấp đường khu vực, kết cấu gồm 4 lớp chính, $E_{yc} = 120\text{mpa}$.

Lớp 1: Bê tông nhựa hạt mịn (5cm)

Lớp 2: Bê tông nhựa hạt thô có tưới nhựa dính bám $0,5\text{kg/m}^2$ (7cm)

Lớp 3: Cấp phối đá dăm loại I (15cm)

Lớp 4: Cấp phối đá dăm loại II (20cm)

Lớp đất nền $E_0 = 400$ (daN/cm^2), độ chặt $k = 0.98$, có vải địa kỹ thuật.

Hè đường và sân giao thông, để đảm bảo cảnh quan và thoát nước tốt, kết cấu nền ta dùng gạch block ziczac 6cm để lát.

Lớp 1: Gạch block ziczac (6cm)

Lớp 2: Cát vàng tạo phẳng (5cm)

Lớp đất nền đầm chặt, độ chặt $k \geq 0.95$

Bãi đỗ xe ta dùng kết cấu nền BTXM, kết cấu chính như sau:

Lớp 1: Bê tông xi măng đá 1x2 mác 250# (18cm)

Lớp 2: Cát vàng tạo phẳng (4cm)

Lớp 3: Cấp phối đá dăm đầm chặt (15cm)

Lớp đất nền đầm chặt, độ chặt $k \geq 0.90$

Tất cả đã tôn lên một cảnh quan khang trang sạch đẹp của một môi trường đào tạo giàu tính sư phạm.

Hiện tại trường đang quản lý và sử dụng 26.608 m^2 đất (5.2.03. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), với diện tích đất trường được phép quản lý và sử dụng đã đáp ứng được nhu cầu hoạt động và phù hợp với qui định về diện tích đất đối với trường Cao đẳng.

*** Nhận định**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.5.3. Tiêu chuẩn 3

Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm, phòng học chuyên môn hoá); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.

*** Mô tả**

Diện tích đất trường được cấp bìa sử dụng là 26.608 m². Trong đó, đất xây dựng: 6.353 m², đất chưa xây dựng và lưu không: 13.138 m² (5.1.01. Sơ đồ thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng trường).

+ Khu hiệu bộ: 4 tầng, gồm 32 phòng với tổng diện tích là 1.332m², 01 nhà đa năng 2 tầng với diện tích 1.400 m² đáp ứng điều kiện làm việc cho Ban Giám hiệu, các Phòng chức năng, các Khoa nghề, các Trung tâm trong hiện tại.

+ Khu học lý thuyết: Gồm 2 khu, có 13 phòng với tổng diện tích là 2.356m² được trang bị đủ các trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập đáp ứng được quy mô đào tạo.

+ Khu học thực hành: Gồm 10 xưởng với tổng diện tích là 2.733 m²

1. Xưởng Kỹ thuật xây dựng
2. Xưởng Trắc địa công trình
3. Xưởng Điện dân dụng
4. Xưởng Điện công nghiệp
5. Xưởng Cấp thoát nước
6. Xưởng Hàn
7. Xưởng Vận hành máy xây dựng
8. Xưởng Cốt thép hàn
9. Xưởng Công nghệ ô tô
10. Xưởng Vận hành máy xúc

Hiện tại nhà trường đang xây dựng bổ sung thêm nhà xưởng để phù hợp với quy mô đào tạo.

- Ký túc xá: Gồm 56 phòng với tổng diện tích 2.688 m² đáp ứng 70% nhu cầu nhà ở của học viên. Có đủ các trang thiết bị cho sinh viên, học sinh khi ở nội trú.

- Nhà ăn: 1 nhà với diện tích 200m², được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho 100 suất ăn, 01 nhà tập thể với diện tích 120 m² đáp ứng nhu cầu về chỗ ở của cán bộ giáo viên công nhân viên nhà trường.

Ngoài ra, Nhà trường còn có 1 sân bóng đá ngoài trời với diện tích 5000m², 1 sân bóng chuyền với diện tích 300m².

*** Nhận định**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.5.4. Tiêu chuẩn 4

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước; xử lý nước thải, chất thải; thông gió, phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

*** Mô tả**

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật gồm thiết bị nhà xưởng, bãi tập, thiết bị thực hành, thiết bị thử nghiệm và thí nghiệm cho các nghề đào tạo như: Xếp dỡ cơ giới tổng hợp, Công nghệ ô tô, Hàn, Điện dân dụng và Điện công nghiệp, Cấp thoát nước.

Để đảm bảo cơ sở hạ tầng đáp ứng cho yêu cầu đào tạo theo giấy phép hành nghề mà Tổng cục giáo dục nghề nghiệp đã cấp cho Trường, Trường đã có đầy đủ các hồ sơ giấy tờ pháp lý sau:

1. Hồ sơ đất đai, bản đồ quy hoạch tiết xây dựng 1/500; hồ sơ thiết kế các công trình.
2. Hồ sơ xây dựng các công trình.
3. Hồ sơ thiết kế và lắp đặt, vận hành hệ thống điện và chiếu sáng, các công trình.
4. Hồ sơ thiết kế, lắp đặt, quản lý và vận hành hệ thống cấp thoát nước, thông gió.
5. Hồ sơ thiết kế và lắp đặt và vận hành hệ thống phòng cháy, chữa cháy.
6. Hồ sơ thiết kế, xây dựng và quản lý, vận hành các hệ thống kỹ thuật hạ tầng.

Giao thông nội bộ trong trường với hệ thống đường bê tông dài, rộng có sức chịu đựng cho xe tải. Trong khuôn viên được bố trí khoa học hợp lý, vườn hoa cây cảnh. Tất cả đã tôn lên một cảnh quan khang trang sạch đẹp của một môi trường đào tạo giàu tính sư phạm (5.1.01. Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường; 5.4.01. Số liệu hệ thống cấp, thoát nước, phòng cháy, chữa cháy đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt).

Về hệ thống điện nhà trường lắp đặt 01 trạm biến áp riêng 180kVA-(6)22/0,4kV do Việt Nam sản xuất. Ngoài ra, còn được đầu tư trang bị 01 máy phát điện có công suất lớn. Do đó, việc cung cấp điện phục vụ cho đào tạo, sản xuất và sinh hoạt trong trường rất ổn định (5.4.02. Số liệu hệ thống điện toàn trường; 5.4.03. Số liệu hệ thống điện của các xưởng thực hành). Về nước sinh hoạt và phục vụ sản xuất, đào tạo. Nhà trường sử dụng nguồn nước máy để phục vụ sinh hoạt cho HSSV và CBCNV- GV nhà trường (5.4.04. Số liệu hệ thống cấp, thoát nước toàn trường; 5.4.05. Số liệu hệ thống cấp, thoát nước cho các xưởng thực hành). Các phòng học, nhà xưởng, kho đều có hệ thống thông gió và được trang bị các thiết bị phòng chống cháy nổ theo qui định an toàn PCCC, các xưởng đều được trang bị các thiết bị chữa cháy tại chỗ như các bình CO₂, hệ thống bơm cứu hoả.

*** Nhận định**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.5.5. Tiêu chuẩn 5

Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hoá đảm bảo quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.

Năm 2018 nhà trường đã sửa chữa phòng học, trang bị thêm điều hòa (12 bộ), máy chiếu (02 bộ).

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.5.6. Tiêu chuẩn 6

Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.

*** Mô tả**

Theo nhiệm vụ chức năng của từng đơn vị trong trường mà các công trình được xây dựng và khai thác sử dụng đúng công năng. Mỗi cá nhân phải chịu trách nhiệm trước đơn vị về công tác quản lý khai thác sử dụng và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các công trình hoặc thiết bị được giao. Hằng tháng, nhà trường có quy định 1 ngày để các đơn vị bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị (5.6.01. *Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo hằng tháng*). Trường các đơn vị chịu trách nhiệm trước Ban giám hiệu về các công trình, thiết bị, tài sản mà đơn vị mình quản lý (5.6.02. *Quy chế sử dụng, quản lý, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ các công trình*).

Trong các xưởng thực tập từng vị trí, phòng học thực hành đều có Nội quy của Xưởng thực hành do Hiệu trưởng ban hành. Các khối công trình thuộc cơ sở hạ tầng nhà trường thường xuyên quan tâm đến việc cải tạo nâng cấp hoặc làm mới (5.6.03. *Báo cáo kết quả công tác quản lý, bồi dưỡng thường xuyên và định kỳ các công trình hàng năm*).

*** Nhận định**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.5.7. Tiêu chuẩn 7

Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hoá được sử dụng theo quy định hiện hành.

*** Mô tả**

Hệ thống phòng học, giảng đường, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn, máy móc thiết bị được sử dụng đúng công năng, công tác quản lý, bảo dưỡng theo đúng quy chế đã có (5.7.01. *Báo cáo thể hiện hệ thống phòng học, giảng đường, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn, máy móc thiết bị được sử dụng đúng công năng, công tác quản lý, bảo dưỡng theo đúng quy chế*).

*** Nhận định:**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.5.8. Tiêu chuẩn 8

Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.

*** Mô tả:**

Nhà trường luôn quan tâm đổi mới và đầu tư đủ các thiết bị phục vụ đào tạo cho nghề khác trong danh mục đào tạo của trường hàng năm đều có kế hoạch mua sắm thiết bị trên cơ sở đề xuất từ các khoa, đơn vị đào tạo.

100% thiết bị đào tạo được mua sắm đáp ứng theo Chương trình đào tạo từng nghề cụ thể (5.8.01. Quy định về thiết bị dạy nghề đào tạo trình độ Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề; 5.8.02. Danh mục thiết bị dạy nghề đối với các nghề đang đào tạo tại trường).

Các phương tiện và thiết bị phục vụ đào tạo đáp ứng được các yêu cầu về công năng, thông số kỹ thuật và mỹ thuật, đạt trình độ công nghệ trong thực tế sản xuất và dịch vụ, đảm bảo các yêu cầu về sức khỏe, vệ sinh và an toàn lao động.

*** Nhận định:**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.5.9. Tiêu chuẩn 9

Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

*** Mô tả**

Các phương tiện máy móc và các trang thiết bị, dụng cụ phục vụ thực hành được bố trí hợp lý từng khu vực theo từng nghề đào tạo, từng nội dung đào tạo (mô đun).

Vị trí bố trí, lắp đặt phương tiện, thiết bị đảm bảo an toàn, thuận tiện cho vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành theo lớp, theo nhóm và theo từng cá nhân.

Các phương tiện, trang thiết bị, dụng cụ được vận hành sử dụng, bảo quản và bảo dưỡng, theo đúng qui trình kỹ thuật và thực hiện đúng nội quy quy định.

Các xưởng thực hành trong đó có các phòng học thực hành, được thiết kế, lắp đặt đã đảm bảo thẩm mỹ nghề nghiệp và sư phạm; an toàn và vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

Trong vận hành, khai thác sử dụng và bảo quản, bảo dưỡng trang thiết bị, dụng cụ đều có nội qui xưởng thực hành cụ thể.

*** Nhận định:**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.5.10. Tiêu chuẩn 10

Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

*** Mô tả:**

Hàng tháng, các đơn vị Phòng, Khoa trong nhà trường thực hiện bảo trì bảo dưỡng thiết bị đào tạo theo quy định về quản lý và sử dụng thiết bị đào tạo (5.10.01. Quy định quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo). Căn cứ vào đó các đơn vị đánh giá thực trạng của thiết bị đào tạo, tìm ra hướng khắc phục, sửa chữa hoặc thay thế cho phù hợp (5.10.02. Báo cáo tình trạng sử dụng thiết bị đào tạo; 5.10.03. Kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng, thay thế thiết bị đào tạo). Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

*** Nhận định:**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.5.11. Tiêu chuẩn 11

Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.

*** Mô tả**

Theo nhiệm vụ, chức năng của từng đơn vị trong trường mà các công trình được xây dựng và khai thác sử dụng đúng công năng. Mỗi cá nhân phải chịu trách nhiệm trước đơn vị về công tác quản lý khai thác sử dụng và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các công trình hoặc thiết bị được giao. Trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm trước Ban giám hiệu về các công trình, thiết bị, tài sản mà đơn vị mình quản lý (5.10.01. Quy chế sử dụng, quản lý, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ các thiết bị đào tạo).

Trong các xưởng thực tập từng vị trí, phòng học thực hành đều có nội quy quy định của xưởng. Các khối công trình thuộc cơ sở hạ tầng nhà trường thường xuyên quan tâm đến việc cải tạo nâng cấp hoặc làm mới. (5.11.01. Báo cáo kết quả công tác quản lý, bồi dưỡng thường xuyên và định kỳ các thiết bị đào tạo hàng năm).

Hệ thống phòng học, giảng đường, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn, máy móc thiết bị được sử dụng đúng công năng, công tác quản lý, bảo dưỡng theo đúng quy chế đã có (5.7.01. Báo cáo thể hiện hệ thống phòng học, giảng đường, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn, máy móc thiết bị được sử dụng đúng công năng, công tác quản lý, bảo dưỡng theo đúng quy chế).

*** Nhận định:**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.5.12. Tiêu chuẩn 12

Trường có định mức tiêu hao vật tư, định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo, tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng khoa học và tiến độ đào tạo, vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.

*** Mô tả**

Nhà trường có định mức tiêu hao vật tư trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo, tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng khoa học và tiến độ đào tạo (5.12.01. Định mức tiêu hao vật tư, 5.12.02. Quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư).

Tại các xưởng thực hành đều có kho bảo quản vật tư, thiết bị được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng (5.12.03. Quyết định phân công phụ trách xưởng; 5.12.04. Hồ sơ thiết kế khu nhà xưởng).

Các xưởng của nhà trường được bố trí gần khu nhà làm việc nên rất thuận tiện cho việc thường xuyên kiểm tra, bảo quản, phòng chống mất mát thiết bị, vật tư, hàng hoá, đảm bảo các điều kiện như tránh mưa, nắng, có đầy đủ ánh sáng, chống ẩm mốc, bảo vệ cẩn thận (5.12.05. Hồ sơ thiết kế /xây dựng các khối công trình phục vụ nhu cầu đào tạo và các hoạt động của trường).

Hàng năm, nhà trường thực hiện kế hoạch kiểm kê tài sản, trang thiết bị (5.12.06. Kế hoạch kiểm kê tài sản), đánh giá mức độ % còn sử dụng, phân loại, thanh lý những thiết bị cũ, hư hỏng, lạc hậu không còn phù hợp cho công tác đào tạo của nhà trường (5.12.07. Biên bản kiểm kê tài sản; 5.12.08. Báo cáo kết quả kiểm kê tài sản, Đề nghị thanh lý tài sản).

*** Nhận định:**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.5.13. Tiêu chuẩn 13

Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ đảm bảo theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.

*** Mô tả**

Thư viện nhà trường gồm nhiều đầu sách chuyên ngành, sách tham khảo, giáo trình, tài liệu chuyên môn, báo và tạp chí chuyên ngành. Số lượng đầu sách báo thông thường và sách báo điện tử đáp ứng hầu hết nhu cầu học tập nghiên cứu của HSSV, CBGV - CNV trong nhà trường. Số lượng, chủng loại giáo trình, sách báo, tài liệu chuyên môn, tạp chí chuyên ngành phù hợp với các nghề đào tạo (5.13.01. Danh mục đầu sách thư viện; 5.13.02. Danh mục các địa chỉ website tra cứu tham khảo).

Các loại sách chuyên môn và giáo trình chính được xuất bản hoặc biên soạn trong những năm gần đây (5 năm đối với giáo trình và từ 3-5 năm đối với sách chuyên môn, sách tham khảo, tài liệu kỹ thuật tùy thuộc vào từng nghề đào tạo).

Trong những năm trở lại đây, nhà trường tiếp tục đầu tư giáo trình, sách chuyên môn, tài liệu kỹ thuật để phục vụ công tác tham khảo, nghiên cứu của thầy cô giáo và các em HSSV. Đa phần tài liệu, sách và giáo trình này dùng để phục vụ công tác đào tạo cho 3 cấp trình độ nghề là: Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp. Các tài liệu giảng dạy (giáo trình, các tài liệu giảng dạy (Đề cương) mới hoặc biên soạn lại phục vụ cho việc tham khảo trong các khoá học của HSSV.

Hàng năm, trường có bổ sung tập giáo trình do nhà trường tự biên soạn nhằm mục đích cập nhật các kiến thức theo chương trình đào tạo mới (5.13.03. *Danh mục sách chuyên môn theo từng nghề*; 5.13.04. *Quyết định ban hành giáo trình môn học, mô đun*; 5.13.05. *Sổ nhật ký mượn trả sách*).

Nhà trường đã lắp đặt hệ thống mạng không dây Wi-Fi tại thư viện đồng thời nối mạng nội bộ giữa thư viện với khu vực nhà điều hành và nhà học chính giúp cho người đọc không cần vào thư viện nhưng vẫn có thể tra cứu, truy cập được các tài liệu điện tử của thư viện (5.13.06. *Hệ thống Wifi của trường*).

*** Nhận định:**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn trường nhận thấy đã thực hiện được.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.5.14. Tiêu chuẩn 14

Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.

*** Điểm tự đánh giá: 0 điểm**

3.2.5.15. Tiêu chuẩn 15

Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của nhà trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử để phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

*** Điểm tự đánh giá: 0 điểm**

3.2.6. TIÊU CHÍ 6: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

*** Mở đầu**

Trong thời gian 3 năm gần đây tập thể cán bộ, giáo viên nhà trường đã rất quan tâm chỉ đạo việc tổ chức cho cán bộ nghiên cứu, thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ.

Hiện nay, theo điều lệ mẫu trường Cao đẳng nghề có quy định công tác NCKH là một trong những nhiệm vụ của giáo viên, do đó CBCNV - GV luôn tích cực cố gắng tìm

tôi nghiên cứu tài liệu nhằm tìm ra những phương pháp giảng dạy hay và hiệu quả phát huy được tính tích cực của học sinh, sáng tạo ra nhiều đồ dùng thiết bị dạy học tự làm đáp ứng nhu cầu học tập và giảng dạy của giáo viên và học sinh.

Từ năm 2010 - 2018 nhiều cán bộ giáo viên nhà trường đã có đề tài cấp Bộ, dự án sự nghiệp Kinh tế. Các đề tài đều có tính ứng dụng thực tiễn và đã được đưa vào phục vụ công tác giảng dạy và học tập ở nhà trường.

Do trình độ giao tiếp bằng ngoại ngữ của đa số cán bộ giáo viên còn yếu, khó khăn trong giao lưu, hợp tác quốc tế nên hiện tại lĩnh vực liên kết đào tạo với các trường và tổ chức nước ngoài còn nhiều hạn chế.

*** Những điểm mạnh**

- Đội ngũ giáo viên trẻ, tích cực, năng động, sáng tạo, hăng say trong công tác nghiên cứu khoa học.
- Kết quả NCKH đáp ứng những nhu cầu cấp thiết của thực tiễn. Thiết bị tự làm đáp ứng được nhu cầu giảng dạy và đạt kết quả cao tại các hội thi.

*** Những tồn tại**

- Sự hưởng ứng nhiệt tình từ đội ngũ giáo viên còn hạn chế, tập trung vào một nhóm giáo viên chuyên làm nghiên cứu khoa học
- Đề tài xây dựng các mô hình học cụ phục vụ cho công tác giảng dạy còn ít, hạn chế về kinh phí.
- Công tác NCKH có sự tham gia của HSSV còn hạn chế.

*** Kế hoạch**

- Trong thời gian tới nhà trường tiếp tục phát động phong trào nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm và có chế độ chính sách khuyến khích CBGV tích cực tham gia NCKH, SKKN. Đặc biệt quan tâm đến các đề tài cấp Bộ.
- Bổ sung, điều chỉnh cơ chế tài chính và chính sách phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng kỹ thuật công nghệ của nhà trường trong giai đoạn tới.
- Xây dựng Quy chế hợp tác quốc tế. Tăng cường mở rộng tìm kiếm các mối quan hệ các đối tác quốc tế trong hợp tác đào tạo, chuyển giao công nghệ và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Tăng cường bồi dưỡng ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ giáo viên kịp thời đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ.

3.2.6.1. Tiêu chuẩn 1

Trường có chính sách và thực hiện chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến, cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

*** Mô tả**

Nhà trường quan tâm chỉ đạo việc tổ chức cho cán bộ, giáo viên nghiên cứu khoa học công nghệ. Ngoài ra, Nhà trường đã tổ chức khen thưởng động viên kịp thời các cá nhân, đơn vị trực thuộc tham gia công tác nghiên cứu khoa học. Công tác này được thực hiện vào cuối năm. Trong bình xét lao động cuối năm, có ít nhất 1 đề tài nghiên cứu khoa học hoặc 1 sáng kiến cải tiến là một trong những yếu tố xét danh hiệu chiến sỹ thi đua

cuối năm (6.1.01. Ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng; 6.1.02. Luận văn thạc sĩ năm 2017, 2018, 2019; 6.1.03. Các quyết định cử đi học năm 2017, 2018, 2019)

Nhà trường có chính sách khuyến khích giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học công nghệ được quy định rõ trong quyết định về khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học.

*** Nhận định:**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn, trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.6.2. Tiêu chuẩn 2

Hàng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến, cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).

*** Mô tả**

Hàng năm, Nhà trường có thông báo triển khai đến các tất cả các đơn vị trực thuộc Nhà trường để đăng ký tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học. Kết quả mỗi năm đều có trên 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến về các vấn đề về quản lý nâng cao chất lượng đào tạo; đổi mới phương pháp dạy và học; cải tiến các mô hình học cụ; thực hiện các thiết bị đào tạo nghề tự làm được Hội đồng khoa học Nhà trường nghiệm thu công nhận.

Năm 2018 có 3 dự án thuộc nghề Cấp, thoát nước xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật; Khối lượng kiến thức, kỹ năng tối thiểu; Thiết bị tối thiểu. Năm 2019 Nhà trường tham gia Hội thi thiết bị đào tạo nghề tự làm cấp Tỉnh đạt giải Ba toàn đoàn, trong đó có 02 giải Nhì, 02 giải khuyến khích ...; có 02 mô hình của Nhà trường được Sở LĐTBXH lựa chọn để tham dự cấp toàn quốc. Kết quả 01 mô hình đạt giải Nhì toàn quốc (6.2.01. Danh sách đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Bộ năm 2016, 2017, 2018; 6.2.02. Thông báo đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học năm 2017, 2018, 2019).

*** Nhận định:**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn, trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.6.3. Tiêu chuẩn 3

Hàng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

*** Điểm tự đánh giá: 0 điểm**

3.2.6.4. Tiêu chuẩn 4

Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.

*** Mô tả**

Đề thẩm định, đánh giá các đề tài và lựa chọn, Trường đã thành lập Hội đồng thẩm định các cấp, cấp Khoa, cấp trường gồm các chuyên gia là nhà giáo trực tiếp giảng dạy, các cán bộ kỹ thuật trong cơ sở sản xuất... và toàn bộ quy trình nghiên cứu khoa học được phê duyệt và ban hành (6.4.01. *Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu cấp Khoa, cấp trường*; 6.4.02. *Các biên bản nghiệm thu các cấp*; 6.4.03. *Các phiếu phản biện*).

Trong đó có các đề tài “Mô hình dàn trải máy điều hoà; Mô hình mạch điện 1 chiều, xoay chiều” của Khoa Điện – Điện Tử và đề tài của Khoa Cơ Khí – Xây dựng mang lại hiệu quả cao trong giảng dạy. Các đề tài đều có tính ứng dụng thực tiễn cao và đã được đưa vào phục vụ công tác giảng dạy và học tập ở nhà trường (6.4.04. *Danh sách cán bộ, giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học*).

*** Nhận định:**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn, trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.6.5. Tiêu chuẩn 5

Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

*** Mô tả**

Với chủ trương hợp tác quốc tế trong đào tạo nghề, nhà trường đã tích cực chủ động tìm hiểu, có các bước chuẩn bị cho việc mở rộng, phát triển liên kết về đào tạo nghề và chuyển giao công nghệ với các tổ chức, các nước trong khu vực. Nhà trường đã ký Biên bản ghi nhớ về việc hợp tác giáo dục với 2 trường: Đại học Phúc lợi xã hội Seoul Hàn Quốc và Trường Đại học POHANG Hàn Quốc (6.4.05. *Biên bản ghi nhớ hợp tác giáo dục*)

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.7. TIÊU CHÍ 7: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

*** Mở đầu**

Về công tác quản lý tài chính kế toán của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng được thực hiện theo đúng qui định của Nhà Nước và qui chế chi tiêu nội bộ của nhà Trường. Các nguồn kinh phí như kinh phí Ngân Sách nhà nước cấp, học phí của học sinh, các khoản thu từ hoạt động liên kết đào tạo... luôn được sử dụng ưu tiên cho các hoạt động phục vụ đào tạo và nâng cao thu nhập cho cán bộ giáo viên - công nhân viên. Các nguồn thu từ dịch vụ dùng chỉ cho hoạt động thường xuyên, mua sắm, sửa chữa ký túc xá và khấu hao cơ sở vật chất dùng cho hoạt động dịch vụ. Các kế hoạch, dự toán ngân sách hàng năm được lập dựa vào nhu cầu thực tế thông qua tình hình sử dụng kinh phí các năm trước cân đối cho phù hợp, đúng mục đích và mục tiêu phát triển của Nhà trường.

Công tác lập kế hoạch tài chính của nhà Trường đạt chuẩn theo hướng dẫn, đáp ứng được yêu cầu về quản lý tài chính.

Công tác quản lý tài chính đảm bảo đúng quy định của nhà nước, đảm bảo tính minh bạch và công khai.

*** Những điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện công tác tài chính kế toán theo đúng quy định, có hệ thống báo cáo tài chính, sổ sách rõ ràng, đầy đủ và chính xác. Thường xuyên cập nhật đầy đủ các nghị định, thông tư hướng dẫn để áp dụng vào công tác tài chính kế toán của Trường.

Nhà trường có xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ được công bố công khai nhằm sử dụng hiệu quả các nguồn tài chính cho mục tiêu đào tạo, đồng thời nâng mức thu nhập cho CBGV - CNV của trường, có sự giám sát chặt chẽ về chi tiêu của Bộ Xây dựng, Kho bạc Nhà nước và của tập thể CBGV- CNV nhà trường.

Hàng năm, phòng Kế toán – Tài chính luôn lập dự toán trình Bộ Xây dựng thẩm định, cấp kinh phí đảm bảo hoạt động dạy và học.

*** Những tồn tại và kế hoạch:**

Tồn tại:

Kế hoạch tài chính của Nhà trường phụ thuộc vào định mức Ngân sách nhà nước cấp cho đào tạo. Do giá cả thị trường liên tục biến động nên việc lập dự toán về thu, chi tài chính chưa sát với giá cả của thị trường.

Kế hoạch:

Trên cơ sở nguồn thu học phí và nguồn ngân sách cấp hàng năm, thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ kiểm soát các nguồn chi một cách tiết kiệm để tăng thu nhập cho CBGV - CNV. Tăng cường phát triển các hoạt động dịch vụ, tạo nguồn thu đảm bảo các dịch vụ cho người học nghề.

Thường xuyên cân đối nguồn tài chính nhằm đảm bảo việc sử dụng phù hợp nguồn kinh phí cho các bộ phận, ưu tiên kinh phí cho vật tư thực tập, trang thiết bị cho các khoa và sửa chữa phục vụ cho học tập và giảng dạy.

3.2.7.1. Tiêu chuẩn 1

Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.

*** Mô tả**

Công tác quản lý tài chính và sử dụng kinh phí của nhà trường được thực hiện theo đúng mục đích, đúng quy định của nhà nước theo nghị định số 16/2015/NĐ - CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy biên chế và Tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

Căn cứ Quyết định giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho Trường, căn cứ Nghị định 16/2015/NĐ-CP nhà trường đã soạn thảo Quy chế chi tiêu nội bộ và đưa về các bộ phận thảo luận đóng góp ý kiến, công khai trong Hội nghị công nhân viên chức, biểu quyết và áp dụng hàng năm; trong quá trình áp dụng có thay đổi và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế (7.1.01. Quyết định giao quyền tự chủ; 1.3.04. Quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ).

Để đảm bảo sử dụng nguồn tài chính đúng mục đích, căn cứ vào kế hoạch đầu tư của các Phòng, Khoa và trên cơ sở phân tích tình hình thực hiện của năm trước. Phòng Tài chính - Kế toán đã tổng hợp kế hoạch phân bổ sử dụng cho công tác đào tạo, quản lý hành chính, kiến thiết cơ bản và các công tác khác được thể hiện trong dự toán đầu năm được Bộ Xây dựng xem xét, phê duyệt. Sử dụng các nguồn kinh phí theo đúng Quyết định cấp dự toán được duyệt hàng năm. Dự toán và quyết toán kinh phí hàng năm đều

được công khai trong hội nghị công nhân viên chức hàng năm theo quy định (7.1.02. *Quyết định cấp dự toán được duyệt hàng năm*).

Nhà trường luôn sử dụng hợp lý và công khai nguồn ngân sách được cấp thông qua báo cáo công khai tài chính theo đúng mẫu biểu quy định của Bộ Tài chính, công khai trong hội nghị CNVC hàng năm, thực hiện báo cáo theo biểu mẫu đưa về các tổ công đoàn thảo luận đóng góp ý kiến và có giải trình trong cuộc họp hội nghị CNVC. Có bảng đối chiếu hạn mức kinh phí kho bạc Nhà nước theo quý, năm (7.1.03. *Báo cáo quy định về quản lý sử dụng thanh quyết toán về tài chính*; 7.1.04. *Báo cáo quyết toán tài chính*; 7.1.05. *Báo cáo tổng kết trong hội nghị CNVC hàng năm của trường*; 7.1.06. *Bảng đối chiếu số dư kinh phí kho bạc Nhà nước, ngân hàng theo quý, năm*).

Quy định, quy trình thanh toán được cụ thể hóa bằng văn bản trên cơ sở các quy định về tài chính của Nhà nước giúp cho CBGV – CNV trong toàn trường thực hiện dễ dàng (7.1.07. *Quy định về việc chứng từ thanh toán*).

*** Nhận định**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn, trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.7.2. Tiêu chuẩn 2

Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.

*** Mô tả**

Nhà trường có các nguồn thu học phí của học sinh hệ Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp tại trường. Ngoài ra, nhà trường còn mở rộng đào tạo dạy nghề tại các Trung Tâm GDNN - GDTX trên các địa bàn: Thành phố Uông Bí, Thị xã Đông Triều, Thị xã Quảng Yên, Thủy Nguyên - Hải Phòng; Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, vi tính, ngoại ngữ; liên kết với Trường Đại học Xây dựng, Đại học Kiến trúc mở các lớp Đại học hệ Vừa học Vừa làm các ngành: Xây dựng dân dụng và công nghiệp, phát triển các dịch vụ cho người học nghề...tạo thêm nguồn thu hợp pháp, tăng cường nguồn kinh phí hoạt động cho Nhà trường (7.2.01. *Quyết định thu học phí Hệ trung cấp, cao đẳng*; 7.2.02. *Các Quyết định thu học phí các hệ khác*; 7.2.03. *Các hợp đồng dịch vụ*; 7.2.04. *Các hợp đồng liên kết đào tạo*).

Nhà trường đã tổ chức công tác thu học phí, liên kết đào tạo, dịch vụ theo đúng quy định của nhà nước và quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.

*** Nhận định:**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn, trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.7.3. Tiêu chuẩn 3

Trường có các nguồn lực về Tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.

*** Mô tả**

Hàng năm, căn cứ vào dự toán chi sự nghiệp dạy nghề Bộ xây dựng cấp kinh phí hoạt động theo Quyết định giao dự toán thu chi Ngân sách nhà nước và Quyết định phê duyệt kế hoạch nhiệm vụ đào tạo (7.3.01. *Quyết định về việc Giao dự toán thu chi NSNN của Bộ Xây dựng*; 7.3.02. *Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch nhiệm vụ đào tạo của Bộ Xây dựng*; 7.3.03. *Báo cáo tài chính và hồ sơ lưu trữ tại phòng TC-KT*; 7.3.04. *Bảng thanh toán tiền lương hàng tháng cho CBGVNV*).

Nhà trường đã đảm bảo định mức kinh phí chi cho đào tạo trong những năm qua và phát triển cho những năm tiếp theo thể hiện qua Báo cáo tài chính các năm và số liệu thực tế học sinh thực học. Tổng nguồn thu và chi của nhà Trường qua các năm thể hiện trên Báo cáo tài chính và các hồ sơ lưu trữ tại phòng KT-TC (7.3.03. *Báo cáo tài chính và hồ sơ lưu trữ tại phòng TC-KT*).

Nhà trường có nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp và nguồn thu học phí của học sinh tại trường. Ngoài ra, nhà trường còn mở rộng đào tạo hệ Sơ cấp, dạy nghề tại các Trung Tâm Hướng nghiệp thường xuyên trên các địa bàn: Uông Bí, Đông Triều, Hải Phòng, Quảng Yên; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, vi tính, ngoại ngữ; liên kết với Trường Đại học Xây dựng, Đại học Kiến trúc mở các lớp Đại học hệ vừa học vừa làm các ngành: Xây dựng dân dụng và công nghiệp, phát triển các dịch vụ cho người học nghề ... tạo thêm nhiều nguồn thu hợp pháp, tăng cường nguồn kinh phí hoạt động và nguồn quỹ phát triển cho đơn vị (7.2.01. *Quyết định thu học phí hệ trung cấp, cao đẳng*; 07.3.04. *Các Quyết định thu học phí các hệ khác*; 7.2.02. *Các hợp đồng dịch vụ*; 7.2.03. *Các hợp đồng liên kết đào tạo*).

Nhà trường đã tổ chức công tác thu học phí, liên kết đào tạo, dịch vụ theo đúng quy định của nhà nước và sử dụng chúng một cách có hiệu quả cho hoạt động chung của toàn trường.

*** Nhận định:**

Nhà trường có nguồn thu hợp pháp từ Ngân sách Nhà nước, nguồn thu học phí và các nguồn thu khác từ liên kết đào tạo, dịch vụ... đúng theo qui định nhằm đảm bảo nguồn kinh phí cho hoạt động đào tạo, tăng thu nhập cho CBGV-CNV. Trong quá trình thực hiện tuân thủ các quy định về quản lý tài chính, có hệ thống báo cáo tài chính, sổ sách rõ ràng, đầy đủ và chính xác.

Kinh phí đào tạo từ Ngân sách cấp hàng năm tính theo số học sinh còn ít nên kinh phí hoạt động còn hạn hẹp. Bên cạnh đó, tuy được duyệt 98 biên chế CBGV-CNV nhưng chưa được cấp kinh phí hoạt động hàng năm cho số biên chế được phê duyệt.

Kính trình Bộ Xây dựng phê duyệt định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp dạy nghề mới cho phù hợp với thực tế. Tổ chức tham quan học tập ở những Trường được cấp kinh phí theo chỉ tiêu biên chế giao hàng năm để có phương án trình Bộ Xây dựng xin kinh phí hoạt động hàng năm cho 98 biên chế được phê duyệt.

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn, trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.7.4. Tiêu chuẩn 4

Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.

*** Mô tả**

Công tác quản lý tài chính trong trường được thực hiện đúng với Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và các quy định hiện hành của Nhà nước, các nguồn kinh phí được sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, phục vụ tốt cho công tác giảng dạy, học tập cũng như các hoạt động của Nhà trường, công tác thanh quyết toán đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước và được Bộ Xây dựng duyệt quyết toán hàng năm, Kiểm toán Nhà nước kiểm tra định kỳ... Qua các đợt thanh kiểm tra công tác quản lý tài chính của Trường đều được đánh giá là lành mạnh (1.3.04. Quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ; 7.4.01. Biên bản kiểm tra, xét duyệt quyết toán ngân sách; 7.4.02. Biên bản kiểm toán nhà nước hàng năm).

Việc thu chi, quyết toán, báo cáo tài chính nhà trường đã thực hiện đúng quy định. Có hệ thống sổ sách, chứng từ lưu trữ theo Luật Kế toán và Quyết định 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 Ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp (7.4.03. Sổ nguồn kinh phí, sổ kế toán các khoản thu; 7.3.04. Báo cáo tài chính và hồ sơ lưu trữ tại phòng TC-KT).

*** Nhận định**

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn, trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.7.5. Tiêu chuẩn 5

Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.

*** Mô tả**

Định kỳ, nhà trường thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính và hàng năm được cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm toán. Phòng Tài chính - Kế toán thường xuyên tự kiểm tra chứng từ hàng tháng, quý, năm và lập báo cáo tài chính theo đúng quy định. Ngoài ra, hàng ngày, tháng Phòng Tài chính - Kế toán và lãnh đạo nhà trường tiên hành kiểm tra quỹ tiền mặt, các nguồn thu chi tại đơn vị và đối chiếu số dư kinh phí với Kho bạc Nhà nước, ngân hàng (7.5.01. Biên bản họp rút kinh nghiệm sau kiểm tra; 7.5.02. Biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt hàng tháng; 7.1.06. Bảng đối chiếu số dư kinh phí Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng theo quý, năm).

Vào giữa năm tài chính sau, Bộ Xây dựng sẽ kiểm tra Quyết toán và toàn bộ chứng từ thu chi, sổ sách kế toán năm tài chính trước của đơn vị và ra Biên bản kiểm tra, xét duyệt Quyết toán Ngân sách. Hàng năm, nhà trường đều được thanh tra kiểm toán. Qua các đợt kiểm tra, công tác tài chính kế toán của nhà trường đều được đánh giá là lành mạnh. Đồng thời nhà trường cũng xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các Quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền (7.04.01. Biên bản kiểm tra, xét duyệt quyết toán ngân sách; 7.4.02. Biên bản Kiểm toán nhà nước).

Nhà trường luôn sử dụng hợp lý và thực hiện công khai tài chính theo quy định, công khai trong hội nghị CNVC hàng năm, thực hiện báo cáo theo biểu mẫu đưa về các tổ công đoàn thảo luận đóng góp ý kiến và có giải trình trong hội nghị CNVC.

*** Nhận định:**

Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo đúng quy định. Hồ sơ, chứng từ, sổ sách kế toán được lưu trữ một cách hợp lý, khoa học.

Ban thanh tra nhân dân xây dựng kế hoạch và định kỳ hàng quý kiểm tra công tác tài chính của nhà trường.

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn, trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.7.6. Tiêu chuẩn 6

Hàng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.

*** Mô tả**

Nhà trường tổ chức đánh giá hàng năm về hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính thể hiện qua báo cáo kết quả thực hiện và công văn trích lập các quỹ vào cuối năm; Bảng đối chiếu tình hình sử dụng ngân sách với kho bạc nhà nước; Biên bản kiểm tra báo cáo quyết toán tài chính hàng năm (7.6.01. Báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính; 7.6.02. Quyết định trích lập các quỹ của Hiệu trưởng; 7.1.06. Bảng đối chiếu số dư kinh phí kho bạc Nhà nước, ngân hàng theo quý, năm; 7.4.01. Biên bản kiểm tra, xét duyệt quyết toán ngân sách).

Để có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính, tăng cường việc huy động, phát triển các nguồn lực tài chính, nhà trường đã liên kết đào tạo với các trường đại học, các Trung tâm GDNH - GDTX trên các địa bàn của tỉnh Quảng Ninh và các tỉnh như Hải Phòng, Nghệ An, Điện Biên để mở nhiều lớp đào tạo ngắn hạn ... đáp ứng nhu cầu của người học và tăng cường nguồn lực tài chính cho nhà trường. Ngoài ra, trường còn có các nguồn thu khác như thu dịch vụ cho thuê nhà phục vụ trồng nấm.... nhằm phát triển thêm các nguồn lực tài chính cho nhà trường, nâng cao chất lượng các hoạt động của trường (7.2.02. Các hợp đồng dịch vụ; 7.2.03. Các hợp đồng liên kết đào tạo; 7.6.03. Dự toán thu chi chính thức; 7.6.04. Báo cáo, kế hoạch, đề án thể hiện việc huy động, phát triển nguồn lực tài chính; 7.6.05. Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019 kèm theo Quyết định số 09/QĐ-TCĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành Chương trình hành động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019)

*** Nhận định:**

Nguồn tài chính hàng năm tại đơn vị đều được phân bổ hợp lý, sử dụng đúng mục đích, rõ ràng, công khai minh bạch và được Bộ Xây dựng xem xét phê duyệt có biên bản kiểm tra theo từng năm.

Nhà trường thường xuyên cân đối nguồn tài chính nhằm đảm bảo việc sử dụng phù hợp hơn nữa, tuy nhiên vẫn đảm bảo ưu tiên kinh phí cho vật tư thực hành, trang thiết bị cho các khoa và sửa chữa phục vụ cho học tập và giảng dạy. Có các biện pháp nâng cao hiệu quả hơn nữa việc quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.

So với các yêu cầu của tiêu chuẩn, trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.8. TIÊU CHÍ 8: DỊCH VỤ NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Trước mỗi khoá học nhà trường đều cung cấp đầy đủ thông tin chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành tới người học.

Nhà trường đã tạo mọi điều kiện đảm bảo chỗ ăn, chỗ ở và các tiện nghi học tập sinh hoạt nghỉ ngơi khác cho HSSV. Trong suốt quá trình học, người học được tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao đảm bảo an toàn trong khuôn viên nhà trường.

Công tác kiểm tra, đôn đốc giáo dục nhắc nhở và xử lý vi phạm thường xuyên được các bộ phận phòng ban chức năng phối hợp thực hiện.

Hằng năm, nhà trường tổ chức tư vấn giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp đảm bảo người học ra trường có thể tìm kiếm được việc làm phù hợp.

*** Những điểm mạnh:**

Người học được cung cấp đầy đủ thông tin thông qua các buổi tư vấn nghề nghiệp, học tập đầu khoá, qua trang web của trường, quảng cáo trên báo, truyền thông đại chúng, tờ rơi, sổ tay HSSV..., qua đó nhà trường giới thiệu đến người học những ngành nghề đào tạo, thời gian đào tạo, kế hoạch đào tạo đồng thời cử các cán bộ có năng lực tư vấn trực tiếp cho người học nghề.

Công tác chăm sóc sức khoẻ cho người học được quan tâm, nhà trường thường xuyên phối hợp với Trung tâm Y tế Phường Nam Khê để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khoẻ cho người học trong lúc bình thường cũng như lúc cấp cứu.

*** Những tồn tại và kế hoạch:**

Tồn tại:

- Vấn đề tài chính gặp nhiều khó khăn, nên dự án nâng cấp trường theo quy hoạch tổng thể triển khai chậm.
- Chưa có cán bộ chuyên trách thực hiện điều tra vết HSSV sau khi ra trường.
- Các dịch vụ như chăm sóc sức khoẻ, khu vui chơi giải trí cho HSSV chưa được đầu tư hiện đại.

Kế hoạch:

- Nhà trường tiếp tục duy trì buổi học quy chế đầu khóa.
- Tăng cường tổ chức giới thiệu việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp.

3.2.8.1. Tiêu chuẩn 1

Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.

*** Mô tả**

Người học được cung cấp thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, các yêu cầu về chuyên môn cần đạt được của khoá học.

Thông qua các buổi sinh hoạt đầu khoá, Phòng Kế hoạch - Đào tạo và giáo viên chủ nhiệm đã phổ biến cho HSSV về các nội quy - quy chế của nhà trường, kế hoạch đào tạo, giới thiệu các Phòng, Khoa của nhà trường, công tác hoạt động của Đoàn Thanh niên, HSSV được tham quan các xưởng và giới thiệu về chuyên môn của các Khoa, người học được phổ biến về quy chế đào tạo, các quy định, nội quy liên quan đến quá trình đào tạo, kiểm tra, thi học kỳ, thi tốt nghiệp (8.1.01. Kế hoạch phổ biến nội quy, quy định của Trường đầu năm học; 8.1.02. Các nội quy, quy định của trường 8.1.03. Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp). Trong suốt quá trình học tập tại Trường học sinh phải trải qua các kỳ thi kết thúc môn học/mô đun, thi tốt nghiệp. Tất cả các kỳ thi giám thị coi thi một lần nữa phổ biến đến học sinh các nội qui, qui chế thi và nhắc lại các yêu cầu thi cử cho học sinh sinh viên.

Trong buổi sinh hoạt lớp đầu khóa, HSSV được giáo viên chủ nhiệm giới thiệu về chương trình đào tạo, thời gian học tập, các yêu cầu về chuyên môn của nghề mà người học cần đạt được, các quy định bắt buộc chấp hành đối với học sinh sinh viên (8.1.04. Biên bản sinh hoạt lớp)

Ngoài ra, Nội quy, quy định của Trường được phổ biến qua các kênh như: Bảng tin, website của trường; Thông tin qua Đoàn TNCSHCM; trong các buổi sinh hoạt lớp; chào cờ hàng tháng.

* **Nhận định**

So với tiêu chuẩn nhà trường nhận thấy đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chuẩn.

* **Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.8.2. Tiêu chuẩn 2

Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.

* **Mô tả**

Hàng năm, nhà trường thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho học sinh sinh viên thuộc các nhóm đối tượng chính sách (8.2.01. Chế độ miễn giảm học phí; 8.2.01. Quyết định thực hiện Học bổng khuyến khích học nghề; 8.2.03. Quyết định hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn; 8.2.04. Danh sách học sinh được hưởng các chế độ chính sách).

* **Nhận định**

So với tiêu chuẩn nhà trường nhận thấy đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chuẩn.

* **Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.8.3. Tiêu chuẩn 3

Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

* **Mô tả**

Căn cứ vào Quyết định số 70/2008/QĐ-BLĐTBXH về việc học bổng khuyến khích học nghề của Bộ Lao động Thương binh và xã hội. Hàng năm, nhà trường thực hiện khen thưởng cho học sinh, sinh viên có kết quả học tập tốt vào dịp Khai giảng năm học mới (8.3.01. Danh sách học sinh, sinh viên được khen thưởng). Nhà trường xét duyệt đơn xin miễn giảm học phí đối với các trường hợp học sinh thuộc diện miễn giảm học phí

và các trường hợp đặc biệt khó khăn, con em thuộc diện chế độ chính sách (8.3.02. Đơn xin miễn giảm học phí; 8.3.03. Hỗ trợ học sinh nghèo vượt khó) để các em yên tâm hoàn thành nhiệm vụ học tập.

*** Nhận định**

So với tiêu chuẩn nhà trường nhận thấy đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chuẩn.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.8.4. Tiêu chuẩn 4

Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.

*** Mô tả**

Căn cứ theo luật Giáo dục nghề nghiệp tại mục 2 điều 60 khoản 4 quy định rõ người học “được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt nam, nữ, dân tộc, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân, được cung cấp đầy đủ thông tin về việc học tập, rèn luyện”.

Trong tất cả các chế độ, chính sách đến các hoạt động giảng dạy, hoạt động thể dục thể thao nhà trường đều đối xử bình đẳng với người học (8.1.02. Các nội quy, quy định của trường). Tạo môi trường học tập tốt nhất cho người học.

*** Nhận định**

So với tiêu chuẩn nhà trường nhận thấy đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chuẩn.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.8.5. Tiêu chuẩn 5

Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.

*** Mô tả**

Ký túc xá nhà trường gồm 56 phòng với tổng diện tích 2.688 m² đáp ứng 70% nhu cầu nhà ở của học viên. Có đủ các trang thiết bị cho sinh viên, học sinh khi ở nội trú (8.5.01. Hồ sơ thiết kế nhà KTX). Tại mỗi phòng ở của HSSV đều được trang bị đầy đủ tiện nghi như: đèn, giường, tủ ... được cung cấp điện nước đầy đủ. Ngoài ra, nhà trường cũng thường xuyên sửa chữa, tu bổ và nâng cấp các thiết bị sử dụng tại ký túc xá nhằm đảm bảo nhu cầu sinh hoạt và học tập cho các sinh viên nội trú và cung cấp nhu cầu nhà ở cho học viên xuất khẩu lao động theo đơn đặt hàng của Nhật và của CBGV – CNV. KTX có sân bóng chuyền, cầu lông để các em tập thể thao sau những giờ học tập.

*** Nhận định**

So với tiêu chuẩn nhà trường nhận thấy đáp ứng theo yêu cầu.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.8.6. Tiêu chuẩn 6

Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Trạm y tế Nam Khê với đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ y tế và thuốc đáp ứng kịp thời các trường hợp sơ, cấp cứu và chăm sóc ốm đau cho CBGV, CNV và HSSV nằm gần Trường, do đó nhà trường đã ký hợp đồng với Trung tâm y tế kiểm tra chăm sóc sức

khỏe định kỳ, là cơ sở khám chữa bệnh đầu tiên nên rất thuận tiện cho việc chăm sóc sức khỏe của CBGV – CNV, HSSV trong trường. Tất cả đều được làm bảo hiểm với Trạm y tế Nam Khê (8.6.01 Hợp đồng dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; 8.6.01. Giấy chứng nhận An toàn thực phẩm).

Nhà trường đã có căng tin, bếp ăn tập thể đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm phục vụ nhu cầu sinh hoạt của HSSV

* **Nhận định:** Nhà trường chưa có Phòng y tế riêng biệt và cán bộ phụ trách về y tế.

* **Điểm tự đánh giá: 0 điểm**

3.2.8.7. Tiêu chuẩn 7

Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.

* **Mô tả:**

Nhà trường xây dựng trên cơ sở khuôn viên tổng thể mặt bằng theo qui hoạch đã được phê duyệt. Với đặc điểm diện tích rộng nên việc khảo sát, thiết kế và xây dựng các cơ sở hạ tầng như giảng đường, nhà ăn, ký túc xá, khu tập thể CBCNV - GV, xưởng thực hành thực hành, sân thể thao ... được bố trí hợp lý, không gây ảnh hưởng lẫn nhau trong cùng một thời điểm hoạt động. Do đó, có nhiều không gian cho các hoạt động thể dục thể thao của người học. Mặt khác, nhà trường còn đầu tư hệ thống loa đài, trang âm ánh sáng cho sân khấu trên hội trường lớn nên các hoạt động văn nghệ được tổ chức với quy mô hoành tráng tạo không khí sôi nổi thi đua cho người học.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao luôn là những hoạt động được đông đảo mọi người quan tâm, là một mặt không thể thiếu trong hoạt động của Đoàn thanh niên nhà trường. Đối với đoàn viên thanh niên trường Cao đẳng nghề Xây dựng, cùng với nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu thì các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cho HSSV cũng là một trong những hoạt động được quan tâm, bởi tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao không chỉ giúp có sức khỏe tốt mà còn là sợi dây thắt chặt tinh thần đoàn kết, thân ái giữa các đoàn viên, thanh niên và giữa các chi đoàn với nhau, thư giãn về tâm lý để hoàn thành nhiệm vụ học tập được tốt nhất.

Trong thời gian qua, được sự quan tâm của Đảng ủy và lãnh đạo nhà trường, Đoàn TN đã tập hợp đoàn viên tham gia nhiều hoạt động thể dục thể thao, văn hóa, văn nghệ phong phú và nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của đông đảo cán bộ, đoàn viên, HSSV trong nhà trường (1.10.05. Báo cáo Tổng kết hoạt động Đoàn TN Trường các năm của BCH Đoàn Trường; 1.10.09. Các văn bản tổng hợp kết quả tham gia các phong trào của Đoàn Thanh niên Nhà trường)

* **Nhận định**

So với tiêu chuẩn nhà trường nhận thấy đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chuẩn.

* **Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.8.8. Tiêu chuẩn 8

Trường thực hiện tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

* **Mô tả:**

Nhằm tạo điều kiện cho học sinh an tâm khi tham gia học tại trường, để cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm. Hàng năm,

nhà trường khảo sát nhu cầu lao động ở các doanh nghiệp để giới thiệu và gửi học sinh đến thực tập sản xuất tại các khu công nghiệp lớn, các doanh nghiệp, đồng thời nhà trường phối hợp với các doanh nghiệp, xí nghiệp trực tiếp đến giới thiệu và tuyển dụng học sinh sinh viên sau khi tốt nghiệp (8.8.01. *Thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm*). Ngoài ra, trường tổ chức tư vấn nghề nghiệp cho học sinh tại các trường phổ thông trung học, trung tâm GDNN - GDTX, phối hợp với các xã, phường tổ chức tư vấn nghề nghiệp cho thanh niên trong tỉnh.

Nhà trường tổ chức trợ giúp giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp thông qua bản tin của trường có dán các thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp, xí nghiệp trong và ngoài tỉnh, lên kế hoạch phát tờ rơi, đăng thông tin tuyển dụng và ký kết hợp đồng với doanh nghiệp giúp người học thấy được nhu cầu của các doanh nghiệp đối với từng loại ngành nghề, để người học yên tâm học tập và tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp

Hàng năm nhà trường đều tổ chức các buổi tư vấn trực tiếp từ phía doanh nghiệp cho HSSV chuẩn bị tốt nghiệp nhằm trợ giúp giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp (8.8.02. *Kế hoạch tư vấn giới thiệu việc làm*).

Ngoài ra trong các đợt thực tập cuối khoá của HSSV, các khoa đều có giới thiệu cho HSSV đến các doanh nghiệp để thực tập đồng thời thông qua đó các doanh nghiệp có thể thấy được năng lực của HSSV và sau đó có thể nhận HSSV sau khi ra trường. Năm 2013 Nhà trường liên hệ với Công ty tại Mông Dương cho học sinh lớp 12X - Xây dựng dân dụng và công nghiệp đi thực tập tại công trường trọng điểm (8.8.03. *Liên hệ thực tập tại các doanh nghiệp*).

*** Nhận định**

So với tiêu chuẩn thì Nhà trường đã thực hiện tốt việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.8.9. Tiêu chuẩn 9

Hàng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.

Hàng năm trường tham gia các buổi hội chợ việc làm cho người học. Ngoài ra nhà trường còn kết hợp với các doanh nghiệp, trung tâm giới thiệu việc làm tổ chức các buổi gặp mặt với HSSV chuẩn bị ra trường để tạo điều kiện để HSSV tiếp xúc với các nhà tuyển dụng nhằm cung cấp cho người học các thông tin về việc làm, mức lương, điều kiện làm việc để người học tự chọn nơi làm việc hợp lý (8.9.01- *Danh sách các nhà tuyển dụng*).

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.9. TIÊU CHÍ 9: GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

*** Mở đầu:**

Sau khi trường được nâng cấp lên Cao đẳng nên đã thành lập thêm phòng chức năng chuyên trách thực hiện về Đảm bảo chất lượng phối kết hợp với Ban thanh tra nhân dân, Thanh tra đào tạo thực hiện kế hoạch giám sát, đánh giá chất lượng trong toàn trường.

Trường thực hiện lập kế hoạch hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng hằng năm theo quy định.

*** Những điểm mạnh:**

- Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo.
- Phòng chuyên trách tích cực, chủ động trong công tác lập kế hoạch thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng.
- Hằng năm, tỉ lệ người học ra trường có việc làm và làm việc tại các vị trí đúng chuyên ngành đạt tỉ lệ cao.

*** Những tồn tại:**

- Chưa có cán bộ chuyên trách thực hiện điều tra vết HSSV sau khi ra trường.
- Sự phối kết hợp giữa nhà trường với doanh nghiệp chưa cao. Chưa tổ chức được nhiều hội nghị tư vấn việc làm cho người học, kết nối giữa doanh nghiệp và người lao động.

*** Kế hoạch:**

- Cần có kế hoạch cụ thể việc phối kết hợp với doanh nghiệp từ khâu đáp ứng nhu cầu lao động để tập trung đào tạo nhân lực, xây dựng chương trình đào tạo, đến kết hợp với doanh nghiệp trong việc đánh giá người học và mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp sau khi làm việc tại doanh nghiệp.
- Tăng cường tổ chức giới thiệu việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp.
- Mở rộng quy mô và đa dạng hoá phương thức đào tạo.
- Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế để cùng chia sẻ kinh nghiệm và hợp tác trong lĩnh vực dạy nghề; hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động để nâng cao chất lượng đào tạo nghề, đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3.2.9.1. Tiêu chuẩn 1

Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

*** Điểm tự đánh giá: 0 điểm**

3.2.9.2. Tiêu chuẩn 2

Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch khảo sát, lấy ý kiến của trên 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động (9.2.01. Danh sách CB, GV, CNV tham gia khảo sát các năm; 9.2.02. Kế hoạch khảo sát, thu thập ý kiến các đối tượng về các chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản

lý, nhà giáo, viên chức và người lao động các năm; 9.2.03. *Phiếu khảo sát về các chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động các năm*). Những ý kiến nhận xét, đánh giá của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được Nhà trường nghiên cứu, tổng hợp, lựa chọn những ý kiến hay, hợp lý để xem xét điều chỉnh các chính sách liên quan đến công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động tại Nhà trường (9.2.04. *Báo cáo tổng hợp việc thực hiện kế hoạch khảo sát và kết quả khảo sát về các chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động năm các năm*).

Từ kết quả tổng hợp ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và ý kiến phản hồi từ người lao động là cơ sở để Nhà trường có các giải pháp, các chính sách liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động từng bước được hoàn thiện, hiệu quả hơn.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

3.2.9.3. Tiêu chuẩn 3

Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.

*** Mô tả**

Nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ cho định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao, nhà trường đã có nhiều cố gắng trong hoạt động dạy và học. Nhà trường thực hiện đa dạng hóa các hình thức đào tạo từ tập trung dài hạn, ngắn hạn, đào tạo lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu của người học, người sử dụng lao động cho địa phương. Công tác dạy và học được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Chương trình đào tạo gắn với thực tế, phù hợp với sự phát triển của khoa học và công nghệ ở các doanh nghiệp, người sử dụng lao động (9.3.01. *Quyết định mở lớp*). Bên cạnh đó trường còn liên kết đào tạo với trường đại học Kiến trúc đào tạo đại học hệ đại học tại chức nhằm tạo giúp cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp có điều kiện học tập nâng cao trình độ (7.2.03. *Hợp đồng liên kết đào tạo*).

Bên cạnh việc quan tâm đến hoạt động giảng dạy Nhà trường đặc biệt quan tâm đến các chính sách cho HSSV khi đến trường. Hàng năm, Trường có chính sách trao tặng học bổng cho những HSSV có kết quả học tập giỏi, miễn giảm học phí cho học sinh, hỗ trợ cho các HSSV thuộc hộ gia đình khó khăn, tạo mọi điều kiện để sinh viên ổn định học tập (9.3.02. *Quyết định trao tặng học bổng cho học sinh, sinh viên*; 9.3.03. *Quyết định miễn giảm học phí cho học sinh, sinh viên*; 9.3.04. *Kế hoạch khảo sát chất lượng dạy và học năm 2017, 2018, 2019*; 9.3.05. *Phiếu khảo sát người học về chất lượng dạy và học năm 2017, 2018, 2019*; 9.3.06. *Quyết định tốt nghiệp và danh sách HSSV tốt nghiệp năm 2017, 2018, 2019*; 9.3.07 *Báo cáo chất lượng dạy và học năm 2017, 2018, 2019*).

*** Nhận định**

So với tiêu chuẩn trường nhận thấy đáp ứng đầy đủ những yêu cầu của tiêu chuẩn đưa ra.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.9.4. Tiêu chuẩn 4

Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.

*** Mô tả**

Hiện nay, Nhà trường có Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng có trách nhiệm trong việc đề nghị thành lập Hội đồng tự kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng kế hoạch tự kiểm định cho các đơn vị trong nhà trường, các giai đoạn triển khai công tác đảm bảo chất lượng giáo dục, thực hiện các nghiệp vụ về đảm bảo chất lượng đào tạo trong trường. Các thành viên trong phòng được tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác ĐBCL nhằm đáp ứng được yêu cầu của công việc (1.8.02. Quyết định thành lập Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; 9.4.01. Chức năng, nhiệm vụ của Phòng KT&ĐBCL).

Hàng năm, căn cứ các Thông tư và văn bản hướng dẫn của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về công tác tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng, Nhà trường đã tổ chức tự đánh giá theo đúng quy trình như sau:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.
2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng.
3. Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
4. Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

Công tác này Nhà trường thực hiện đảm bảo đúng quy định

Công tác khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động đào tạo, giảng dạy, chương trình đào tạo nhằm nâng cao chất lượng dạy và học của sinh viên và giảng viên được trường thực hiện thường xuyên theo quy định (9.4.02. Phiếu khảo sát giáo viên về chất lượng CTĐT; 9.4.03. Phiếu khảo sát HS về chất lượng CTĐT.)

Công tác quản lý hồ sơ, minh chứng phục vụ công tác tự kiểm định chất lượng cũng được đảm bảo (9.4.02. Quyết định thành lập HĐ tự đánh giá Nhà trường năm 2017, 2018, 2019; 9.4.03. Kế hoạch tự đánh giá Nhà trường năm 2017, 2018, 2019; 9.4.04. Báo cáo kết quả tự kiểm định các năm 2017, 2018, 2019; 9.4.05. Thông báo công khai báo cáo kết quả tự kiểm định Nhà trường năm 2017, 2018, 2019).

*** Nhận định:**

So với tiêu chuẩn trường nhận thấy đáp ứng đầy đủ những yêu cầu của tiêu chuẩn đưa ra.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.9.5. Tiêu chuẩn 5

Hàng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.

*** Mô tả**

Hàng năm, nhà trường có các báo cáo kết quả định kỳ thể hiện trong các nghị quyết của Đảng bộ nhà trường, trong báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ công tác của Đảng bộ hàng năm, các báo cáo tổng kết, phương hướng của Nhà trường hàng năm (9.5.01. Các báo cáo tổng kết, phương hướng của Nhà trường hàng năm; 9.4.04. Báo cáo kết quả tự kiểm định các năm 2017, 2018, 2019).

Từ đó, đề xuất nội dung xem xét bổ sung, điều chỉnh mục tiêu và nhiệm vụ, đưa ra các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo. Đổi mới đa dạng hoá phương thức đào tạo: niên chế, mô đun và tích lũy theo tín chỉ.

Đầu tư cơ sở vật chất, sửa nhà học lý thuyết, thiết bị đào tạo nghề; phát triển đội ngũ giáo viên bằng quy chế tuyển dụng để thu hút người trẻ tài năng về trường (1.3.05. Quy chế tuyển dụng cán bộ, giáo viên, viên chức trường CDN Xây dựng) và cán bộ quản lý dạy nghề đảm bảo chuẩn giáo viên về sư phạm và kỹ năng nghề (9.5.02. Tổ chức tập huấn bài giảng tích hợp; 9.5.03. Tập huấn, bồi dưỡng xây dựng chương trình, giáo trình; 9.5.04. Tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; 9.5.05. Tập huấn kiến thức cơ bản về hệ thống đảm bảo chất lượng trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp).

Thực hiện Thông tư 03/2017/TT-BLĐT BXH Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và Công văn số 106/TCDN-DNCQ V/v Hướng dẫn xây dựng, chuyển đổi chương trình đào tạo theo Luật Giáo dục nghề nghiệp của BLĐT BXH. Nhà trường đã nhanh chóng triển khai thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo (4.5.01. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; 4.4.01. Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo) để tiến hành xây dựng chương trình đào tạo cho các nghề thuộc hệ trung cấp, cao đẳng phù hợp với tình hình hiện nay.

*** Nhận định:**

So với tiêu chuẩn trường nhận thấy đáp ứng đầy đủ những yêu cầu của tiêu chuẩn đưa ra.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

3.2.9.6. Tiêu chuẩn 6

Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

*** Mô tả**

Trường luôn chú trọng đến việc rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ cho sinh viên và tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả các sinh viên năm cuối đi thực tập để học hỏi kinh nghiệm và rèn luyện kỹ năng chuyên môn tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên cả nước (2.7.03. Quyết định cử học sinh đi thực tập).

Hàng năm, các sinh viên đến thực tập tại các công ty, doanh nghiệp để củng cố kỹ năng tiếp cận với khoa học kỹ thuật mới. Từ những mối quan hệ này, các doanh nghiệp đã trực tiếp thông báo tuyển dụng tới nhà trường đối với các sinh viên chuẩn bị hoặc vừa mới tốt nghiệp. Do đó, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp ra trường có việc làm phù hợp với chuyên ngành chiếm tỉ lệ cao (1.6.09. Báo cáo công tác đào tạo hằng năm)

*** Nhận định**

So với tiêu chuẩn trường nhận thấy cần phải thực hiện điều tra lần vết đối với 100% sinh viên sau khi tốt nghiệp.

*** Điểm tự đánh giá: 0 điểm**

Phần III

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học:

*** Đội ngũ giáo viên và CBQL:**

Trong thời gian tới Nhà trường tiếp tục đào tạo bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cập nhật kiến thức và phương pháp đào tạo hiện đại. Hướng đến trong năm tới phải tổ chức các chuyến tham quan, giao lưu trao đổi kinh nghiệm đào tạo với các đối tác đào tạo ở nước ngoài.

- Hằng năm, tổ chức các lớp để giáo viên có thể tham gia học tập nâng cao kỹ năng nghề.
- Tiếp tục cử các giáo viên đi học tập nâng cao kỹ năng tay nghề.
- Tích cực, chủ động tham gia xây dựng các thiết bị dạy học tự làm phù hợp với điều kiện giảng dạy tạo hứng thú cho người học.
- Lấy người học làm trung tâm, lắng nghe các ý kiến phản hồi của người học.
- Tuyên truyền giúp người học nhận thức rõ hơn và say mê yêu nghề đã chọn.
- Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo ngoại ngữ Tiếng Anh trong đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nhà trường để nhanh chóng hội nhập với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ.
- Cử CBGV tham gia các hội thảo nghiên cứu khoa học trong nước, tổ chức các hội thảo nghiên cứu khoa học, đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học bằng các hình thức khuyến khích về vật chất và tinh thần để giáo viên tham gia tích cực vào công tác nghiên cứu khoa học.
- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và trao đổi phương pháp giảng dạy trong từng bộ phận thường xuyên.
- Tổ chức các khoá bồi dưỡng cho các giáo viên đến thực tập tại các doanh nghiệp để có thể bổ sung tiến bộ của KH-KT vào chương trình đào tạo và trong các bài giảng.

*** Chương trình, giáo trình đào tạo:**

- Trong năm tới, nhà trường sẽ tiếp tục tiến hành khảo sát ý kiến đánh giá của các doanh nghiệp, giáo viên, học sinh sinh viên về tính hợp lý của chương trình đào tạo mới được xây dựng. Từ đó sẽ định ra hướng điều chỉnh cho phù hợp.
- Hằng năm, các chương trình đào tạo được điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện đáp ứng với nhu cầu lao động của xã hội, luôn đổi mới về khoa học công nghệ, trang thiết bị máy móc phù hợp nhu cầu phát triển của xã hội.
- Tiếp tục tổ chức biên soạn giáo trình phục vụ cho công tác giảng dạy của nhà trường.
- Hoàn thiện hồ sơ đăng ký đào tạo liên thông, chương trình đào tạo liên thông cho những ngành, nghề trường đào tạo liên thông.

*** Cơ sở vật chất:**

- Trong giai đoạn 2020 - 2025 đẩy mạnh việc xây dựng Nhà trường trên cơ sở quy hoạch tổng thể được Bộ Xây dựng phê duyệt để đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo.
- Nhà trường tiếp tục thực hiện kế hoạch sắp xếp và sửa chữa lại các phòng học thực hành trong thời gian tới, trang bị thêm các thiết bị đào tạo thực hành cho nghề mà nhà trường đang đào tạo.
- Huy động sự tham gia của các doanh nghiệp và các nguồn lực xã hội để tận dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề của doanh nghiệp, đồng thời kết hợp đào tạo kiến thức và kỹ năng cơ bản tại cơ sở đào tạo với đào tạo kỹ năng nghề nghiệp tại cơ sở sản xuất.
- Xây dựng Thư viện với quy mô theo quy hoạch chung của Trường.
- Đầu tư thêm các trang thiết bị hiện đại, bổ sung thêm tài liệu, sách báo và giáo trình chuyên môn.
- Mở rộng dịch vụ phục vụ người học trong việc tra cứu, nhân bản tài liệu;

*** Hợp tác quốc tế và NCKH:**

- Xây dựng Quy chế hợp tác quốc tế. Tăng cường mở rộng tìm kiếm các mối quan hệ các đối tác quốc tế trong hợp tác đào tạo, chuyển giao công nghệ và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Tăng cường bồi dưỡng ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ giáo viên kịp thời đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ.
- Cần đổi mới tư duy về dạy nghề; tiếp tục mở rộng quy mô và đa dạng hóa các loại hình đào tạo
- Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức xã hội về lĩnh vực dạy nghề như chính sách dạy nghề cho thanh niên dân tộc thiểu số, người nghèo, phụ nữ, người tàn tật.
- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt công tác xã hội hóa đào tạo nghề; mở rộng quan hệ quốc tế đa phương và song phương, nối mạng với một số nước khu vực .
- Trong thời gian tới nhà trường tiếp tục phát động phong trào nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm và có chế độ chính sách khuyến khích CBGV tích cực tham gia NCKH, SKKN. Đặc biệt quan tâm đến các đề tài cấp Bộ.
- Bổ sung, điều chỉnh cơ chế tài chính và chính sách phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng kỹ thuật công nghệ của nhà trường trong giai đoạn tới.

*** Xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng**

- Thực hiện Thông tư 28/2017/TT-BLĐTĐ ngày 15 tháng 12 năm 2017 Quy định về hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, quyết định thành lập hội đồng tư vấn Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng.
- Trong giai đoạn từ 2018 – 2020 Nhà trường tiến hành xây dựng chính sách, mục tiêu, tài liệu chất lượng phù hợp với Nhà trường và đưa vào vận hành.
- Thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo.

Phần IV

ĐỀ XUẤT, KHUYẾN NGHỊ

1. Đề xuất

*** Đối với cơ quan cấp trên:**

- Nhà trường gặp nhiều khó khăn về kinh phí thực hiện tự đánh giá chất lượng và đảm bảo chất lượng. Đề nghị được Tổng cục GDNN đề xuất Bộ chủ quản bố trí kinh phí cho việc thực hiện tự đánh giá chất lượng.
- Nhà nước cần ban hành sớm chính sách ưu đãi, hỗ trợ cụ thể để khuyến khích các cơ sở GDNN đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN.
- Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng về công tác tự đánh giá chất lượng và đánh giá ngoài cho cán bộ, giáo viên.
- Tăng cường nguồn lực cho trường trong đầu tư về vật tư, trang thiết bị đào tạo tiên tiến, hiện đại. Đảm bảo về số lượng, cơ cấu.

*** Đối với Sở Lao động – Thương binh & Xã hội tỉnh Quảng Ninh**

Tìm kiếm cơ hội và giới thiệu cho Nhà trường thường xuyên tham gia các Hội chợ việc làm; nhằm tìm kiếm thị trường lao động cho người học sau khi tốt nghiệp, từ đó khuyến khích nhu cầu tuyển sinh đầu vào cho người học.

2. Khuyến nghị

Các cơ quan cấp trên quan tâm, tạo điều kiện tổ chức các lớp tập huấn về công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Đặc biệt, sau khi Bộ lao động – Thương binh và xã hội ban hành Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 Quy định về hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

PHỤ LỤC

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ XÂY DỰNG

Số: 605/QĐ-CDNXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng năm 2019

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ XÂY DỰNG

Căn cứ vào Quyết định số 884/QĐ-BLĐTBXH ngày 25 tháng 06 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt thành lập Trường Cao đẳng nghề Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 76/QĐ-BXD ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Xây dựng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng;

Căn cứ Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

Căn cứ công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc “Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng năm 2019”;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp Trường Cao đẳng nghề Xây dựng năm 2019 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chất lượng theo tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh xã hội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Phòng, Khoa, Trung tâm, Công đoàn, Đoàn Thanh niên và các ông, bà có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT; P. KT&ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH
HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số 605/QĐ-CDN XD ngày 23/8/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Xây dựng)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Phân công nhiệm vụ
1.	Ông: Bùi Văn Dũng	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	Bà: Nguyễn Thị Hoài	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch
3.	Ông: Vũ Xuân Quyên	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
4.	Bà: Phạm Thị Minh Thư	Trưởng phòng Khảo thí và ĐBCL	Thư ký
5.	Bà: Phạm Thanh Hải	Trưởng phòng KH - ĐT	Thành viên
6.	Bà: Nguyễn Thị Nhân	Trưởng phòng Tài chính – Kế toán	Thành viên
7.	Ông: Nguyễn Như Minh	Chủ tịch Công đoàn Trưởng phòng Tổng hợp	Thành viên
8.	Bà: Lý Thị Thu Hiền	Giám đốc Trung tâm tư vấn HN và Dịch vụ đào tạo	Thành viên
9.	Ông: Vương Thế Anh	Trưởng khoa Cơ Khí – Xây dựng	Thành viên
10.	Ông: Đinh Thành Hưng	Trưởng khoa Xây dựng Bí thư Đoàn Thanh niên	Thành viên
11.	Bà: Vũ Thị Thơ	Trưởng khoa Điện – Điện Tử	Thành viên
12.	Ông: Lê Viết Mạnh	Công ty TNHH Kiến trúc và tư vấn Xây dựng số 1	Thành viên
13.	Ông: Nguyễn Thành Công	Giám đốc Trung tâm TV và XD	Thành viên

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NĂM 2019

Căn cứ theo Mục 2 Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ lao động Thương binh và Xã hội quy định về quy trình tự đánh giá chất lượng;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc “Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng năm 2019”;

Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Xây dựng chỉ đạo xây dựng kế hoạch Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2019, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu tự đánh giá

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên, nhân viên và học sinh sinh viên trong toàn Trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp của nhà trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng, qua đó huy động tất cả các đơn vị trong toàn Trường cùng thực hiện công tác tự đánh giá.

- Đánh giá các hoạt động của Trường thông qua các minh chứng theo các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ Lao động – Thương binh Xã hội ban hành để chỉ ra mặt mạnh, mặt còn hạn chế. Từ đó, xây dựng kế hoạch và giải pháp khắc phục nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục nghề nghiệp đề ra.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của nhà trường dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn và các chỉ số kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của trường Cao đẳng.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu nhà trường.

2. Công cụ tự đánh giá

- Sử dụng bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường Trung cấp, Cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

- Áp dụng phương pháp thu thập, phân tích và xử lý thông tin minh chứng;

- Áp dụng biểu mẫu báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2018 theo Phụ lục 04 Thông tư 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ lao động Thương binh và Xã hội quy định về quy trình tự đánh giá chất lượng;

- Sử dụng “Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường Trung cấp, trường Cao đẳng năm 2019” Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

3. Quy trình tự đánh giá

Quy trình thực hiện Tự đánh giá chất lượng được quy định tại Mục 2 Thông tư 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ lao động Thương binh và Xã hội quy định về quy trình tự đánh giá chất lượng, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng;
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng;
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng;
- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi về Sở Lao động TB và XH; Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp - Tổng cục GDNN.

4. Nhiệm vụ chung

4.1. Đối với các Phòng, Khoa, Trung tâm

- Xây dựng kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng của đơn vị mình theo tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công, trình Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp nhà trường thông qua;
- Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo Hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN đối với trường Trung cấp, Cao đẳng (*Kèm theo công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 03 năm 2019*). Phối hợp với đơn vị liên quan, bổ sung đủ danh mục minh chứng đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn;
- Đánh giá, nhận xét mức độ đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định có liên quan, phân tích rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân, đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng của đơn vị;
- Quản lý và duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của đơn vị;
- Viết báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng các tiêu chí được phân công của đơn vị và gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của nhà trường đúng thời hạn quy định.

4.2. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Hiệu trưởng nhà trường Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2019. Hội đồng có nhiệm vụ:

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng;
- + Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đơn vị trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện tự đánh giá chất lượng theo các tiêu chí được phân công và viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của đơn vị;
- + Nghiên cứu báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của các đơn vị trong Trường;

- + Tổng hợp thông tin, minh chứng theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;
- + Kiểm tra thực tế, thu thập thêm thông tin, minh chứng theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;
- + Đối chiếu với “Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng năm 2019” của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ban hành, đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- + Viết dự thảo báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Trường, gửi các đơn vị để lấy ý kiến;
- + Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Trường.
- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng.
- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của nhà trường.
- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong nội bộ nhà trường và gửi báo cáo về Sở LĐ-TBXH; Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đúng thời hạn quy định.

5. Phân công các đơn vị phụ trách thực hiện theo tiêu chí và tiêu chuẩn

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Công việc
I	Nội dung báo cáo - Phần I: Giới thiệu về cơ sở giáo dục nghề nghiệp; - Phần II: Kết quả tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Mục 1 và mục 2.	Phòng KT & ĐBCL	Phòng Tổng hợp Phòng KH - ĐT	Viết báo cáo
II	Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý			<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện việc rà soát, cập nhật bổ sung minh chứng (MC) của từng tiêu chuẩn trong mỗi tiêu chí. - So sánh và đối chiếu các MC để ghi vào bảng mã minh chứng.
1.	Tiêu chuẩn 1, 3, 4, 5, 6, 12	Phòng Tổng hợp	Phòng KT & ĐBCL	
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng KH-ĐT	Phòng Tổng hợp	
3.	Tiêu chuẩn 7, 8, 11	Phòng KT & ĐBCL	Phòng Tổng hợp	
4.	Tiêu chuẩn 9	Đảng bộ	Phòng KT & ĐBCL	
5.	Tiêu chuẩn 10	Công đoàn, Đoàn TN	Phòng KT & ĐBCL	
III	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo			
1.	Tiêu chuẩn 1, 4, 5, 7, 9, 14, 16, 17	Phòng KH-ĐT	Khoa CM	
2.	Tiêu chuẩn 2, 3	TT Tư vấn HN và DVĐT	Phòng KH-ĐT	
3.	Tiêu chuẩn 6, 8		Phòng KH-ĐT	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Công việc
		Khoa	Phòng KT & ĐBCL	<p>- Viết mô tả tiêu chuẩn, cập nhật minh chứng theo mẫu 01, 02:</p> <p>+ Đúng nội hàm.</p> <p>+ Phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân</p> <p>+ Đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị</p> <p>- Gửi hội đồng tự đánh giá.</p>
4.	Tiêu chuẩn 10, 11, 12, 13, 15	Phòng KT & ĐBCL	Phòng KH-ĐT	
IV	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động			
1.	Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 7,8, 10, 11, 12, 13, 14, 15	Phòng Tổng hợp	Phòng KH-ĐT	
2.	Tiêu chuẩn 5, 9, 10	Phòng KH-ĐT	Phòng Tổng hợp	
3.	Tiêu chuẩn 6	Khoa CM	Phòng KH-ĐT Phòng Tổng hợp	
VI	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình			
1.	Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 14, 15	Phòng KH-ĐT	Khoa CM	
2.	Tiêu chuẩn 11, 12, 13	Khoa CM	Phòng KH-ĐT	
VI I	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện			
1.	Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 10	Phòng Tổng hợp	Khoa CM	
2.	Tiêu chuẩn 8, 9, 11	Khoa CM	Phòng Tổng hợp	
3.	Tiêu chuẩn 12	Phòng TC –KT	Khoa CM	
4.	Tiêu chuẩn 13, 14, 15	Phòng KH-ĐT	Khoa CM	
VI II	Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác			
1.	Tiêu chuẩn 1, 3, 5	Phòng KT&ĐBCL	Phòng Tổng hợp Phòng KH-ĐT	
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng KH-ĐT	Khoa CM	
3.	Tiêu chuẩn 4	Khoa CM		
IX	Tiêu chí 7: Quản lý tài chính			
X	Tiêu chí 8: Dịch vụ người học			
1.	Tiêu chuẩn 4	Khoa	Phòng KH-ĐT	
2.	Tiêu chuẩn 1, 2, 3	Phòng KH-ĐT	Khoa CM Phòng Tổng hợp	
3.	Tiêu chuẩn 6	Phòng Tổng hợp		
4.	Tiêu chuẩn 7	Đoàn TN	Phòng Tổng hợp Công đoàn	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Công việc
5.	Tiêu chuẩn 5, 8, 9	TT Tư vấn HN và DVĐT	Phòng Tổng hợp	
XI	Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng	Phòng KT&ĐBCL		

Ghi chú:

- KH-ĐT: Kế hoạch – Đào tạo;
- TT Tư vấn HN và DVĐT: Trung tâm tư vấn hướng nghiệp và dịch vụ đào tạo;
- KT & ĐBCL: Khảo thí và đảm bảo chất lượng;
- TN: Thanh Niên;
- Khoa CM: Khoa Điện – Điện tử; Khoa Cơ khí – Xây dựng; Khoa Xây dựng; Các khoa thu thập minh chứng theo nghề đào tạo của Khoa quản lý;
- TC - KT: Tài chính - Kế toán.

6. Nội dung công việc - thời gian thực hiện

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện
Từ 15/8/2019 đến 30/8/2019	Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng, trình ký Hiệu trưởng	Phòng KT & ĐBCL
Từ 01/9/2019 đến 20/11/2019	- Thu thập, phân tích, xử lý thông tin, minh chứng - Đánh giá mức độ đạt được theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn. Viết báo cáo theo Phụ lục 01, 02	Các đơn vị được phân công
Từ 21/11/2019 đến 27/11/2019	Các đơn vị gửi bản điện tử nội dung được phân công theo mẫu về Phòng KT&ĐBCL.	Các đơn vị được phân công
Từ 28/11/2019 đến 05/12/2019	Tổng hợp báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN	Phòng KT & ĐBCL
Từ 06/12/2019 đến 09/12/2019	Lấy ý kiến các đơn vị liên quan	Phòng KT & ĐBCL
Từ 10/12/2019 đến 13/12/2019	Tổng hợp, hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng	Hội đồng đánh giá, Phòng KT & ĐBCL
Từ 14/12/2019 đến 20/12/2019	Hoàn thành báo cáo tự đánh giá của trường, công khai kết quả tự đánh giá và gửi Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động - TB và xã hội.	Phòng KT & ĐBCL

Yêu cầu chung:

- Báo cáo kết quả tự đánh giá được trình bày trên giấy A4, cỡ chữ 13; Căn đều hai bên.
- Định lề: Lề trái: 3cm; Lề phải: 1.5cm; ; Lề trên: 2cm; Lề dưới: 2cm
- Cách dòng 1.0 (single); Before 6pt; after 0pt.

7. Triển khai thực hiện

Căn cứ kế hoạch của trường các đơn vị tự xây dựng kế hoạch tự đánh giá và phân công công việc cụ thể cho từng thành viên trong đơn vị phụ trách gửi về Phòng KT&ĐBCL.

Các đơn vị chủ động phối kết hợp, tạo điều kiện cung cấp đầy đủ thông tin để thực hiện báo cáo và xây dựng minh chứng.

Hội đồng và Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị thực hiện kế hoạch.

Công tác thực hiện Tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp là nhiệm vụ chính trị của nhà trường trong năm 2019 là tiêu chí quan trọng để đánh giá xếp loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng đơn vị, cá nhân.

Yêu cầu các Phòng, Khoa, Trung tâm, đoàn thể trong nhà trường phải tổ chức thực hiện nghiêm túc đảm bảo kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra./.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu;
- Các phòng, khoa, trung tâm;
- Công Đoàn, Đoàn TN;
- Lưu: VT, P.KT&ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Bùi Văn Dũng

BẢNG MÃ MINH CHỨNG

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	1	1	1.1.01		QĐ Thành lập Trường Công nhân Xây dựng Ưông Bí
2.			1.1.02		QĐ số 1025/QĐ-BXD ngày 11 tháng 7 năm 2006 về việc Thành lập Trường Trung cấp Xây dựng
3.			1.1.03		Quyết định số 884/QĐ- LĐTBXH ngày 25/6/2015 về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Xây dựng
4.				1.1.04	Quyết định số 76/QĐ- BXD ngày 25/01/2018 Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng
5.			1.1.05		Quyết định số 33/QĐ-BXD ngày 25/6/2018 về việc sửa đổi Điều lệ Trường Cao đẳng nghề Xây dựng
6.				1.1.06	Website của trường - http://caodangnghexaydung.edu.vn
7.				1.1.07	QĐ số 12 ngày 28 tháng 5 năm 2019 Ban hành chính sách chất lượng Trường CDN Xây dựng giai đoạn 2020-2025
8.				1.1.08	QĐ số 13 ngày 03 tháng 6 năm 2019 Ban hành Mục tiêu chất lượng và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng năm học 2019-2020
9.		2	1.2.01		Đăng ký nghề trọng điểm quốc gia, khu vực và quốc tế
10.			1.2.02		Đề án nâng cấp trường Cao đẳng nghề Xây dựng
11.				1.2.03	Các hợp đồng liên kết đào tạo với doanh nghiệp
12.			1.2.04		Hợp đồng đào tạo các lớp LĐNT hệ Sơ cấp nghề

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
13.				1.1.06	Website của trường http://caodangnghexaydung.edu.vn
14.			1.2.05		Báo cáo tổng kết kết quả đào tạo hàng năm
15.			1.2.06		Giấy chứng nhận số 16c/2016/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Tổng cục trưởng tổng cục giáo dục nghề nghiệp
16.			1.2.07		QĐ số 1836/QĐ-LĐTĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng bộ Lao động TBXH Phê duyệt ngành, nghề trọng điểm, trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng đến năm 2025
17.		3	1.3.01		Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng
18.			1.3.02		QĐ số 750 ngày 31/10/2018 Quy định chức năng, nhiệm vụ của phòng Kế hoạch – Đào tạo
19.			1.3.03		Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm tư vấn và xây dựng
20.			1.3.04		Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Hướng nghiệp và Dịch vụ đào tạo
21.				1.3.05	QĐ số 01/QĐ-TCĐ ngày 01/01/2018 về việc ban hành quy chế quản lý tài chính
22.				1.3.06	QĐ số 02/QĐ-TCĐ ngày 01/01/2018 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ
23.			1.3.07		QĐ số 682 ngày 12/9/2017 ban hành quy chế về tuyển dụng cán bộ, giảng viên, viên chức
24.			1.3.08		Quyết định số 35/QĐ-TCĐ ngày 22/10/2018 về việc ban hành quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý Trường Cao đẳng nghề Xây dựng.
25.			1.3.09		Quyết định số 36/QĐ-TCĐ ngày 22/10/2018 về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
26.			1.3.10		QĐ số 843 ngày 6/12/2017 về việc ban hành quy định tuyển dụng nhà giáo
27.				1.3.11	Quyết định số 572/QĐ-TCD ngày 08/9/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ ở Trường Cao đẳng nghề Xây dựng
28.				1.3.12	QĐ số 778/QĐ-TCD ngày 1/11/2017 về việc ban hành quy chế khen thưởng
29.		4	1.4.01		Dự thảo Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức
30.				1.3.05	QĐ số 01/QĐ-TCD ngày 01/01/2018 về việc ban hành quy chế quản lý tài chính
31.				1.3.06	QĐ số 02/QĐ-TCD ngày 01/01/2018 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ
32.				1.3.01	Quyết định số 572/QĐ-TCD ngày 08/9/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ ở Trường Cao đẳng nghề Xây dựng
33.				1.3.12	QĐ số 778/QĐ-TCD ngày 1/11/2017 về việc ban hành quy chế khen thưởng
34.		5		1.5.01	Quyết định thành lập các Phòng, Khoa, đơn vị trực thuộc trường
35.			1.5.02		Quy định chức năng nhiệm vụ các Phòng, Khoa, đơn vị trực thuộc trường
36.			1.5.03		Sơ đồ tổ chức bộ máy của trường
37.			1.5.04		Đề án vị trí việc làm
38.		6	1.6.01		Tờ trình về việc thành lập Hội đồng trường
39.			1.6.02		Quyết định thành lập Hội đồng kinh tế

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
40.			1.6.03		Quyết định thành lập tổ chuyên gia giúp việc Hội đồng kinh tế
41.			1.6.04		Quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến
42.			1.6.05		Quyết định thành lập Hội đồng luân chuyển, điều động cán bộ, viên chức
43.			1.6.06		Quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng
44.			1.6.07		Quyết định thành lập Hội đồng nâng lương
45.			1.6.08		Quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức
46.				1.5.01	Quyết định thành lập các Phòng, Khoa, đơn vị
47.				1.6.09	Các báo cáo tổng kết năm học của trường
48.			1.6.10		Báo cáo tổng kết các năm học của phòng Kế hoạch - Đào tạo
49.				1.6.11	Các biên bản họp tổng kết năm của các Phòng, Khoa, Trung tâm
50.				1.6.12	Danh sách giáo viên và cán bộ quản lý đạt các danh hiệu thi đua do Hội đồng thi đua xem xét các năm 2015, 2016, 2017
51.			1.6.13		Biên bản xét thi đua khen thưởng hàng tháng, học kỳ, năm
52.				1.6.14	Quyết định khen thưởng Phòng, Khoa, đơn vị trong trường
53.			1.6.15		Quyết định Bổ nhiệm các chức danh

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
54.		7	1.7.01.		Kế hoạch tổng thể về xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng Trường Cao đẳng nghề Xây dựng giai đoạn 2018 – 2020
55.			1.7.02		Kế hoạch bồi dưỡng kiến thức cơ bản về đảm bảo chất lượng trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngày 19 tháng 3 năm 2019
56.				1.1.07	QĐ 12 ngày 28 tháng 5 năm 2019 Ban hành chính sách chất lượng Trường CĐN Xây dựng giai đoạn 2020-2025
57.				1.1.08	QĐ số 13 ngày 03 tháng 6 năm 2019 Ban hành Mục tiêu chất lượng và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng năm học 2019-2020
58.			1.7.03		QĐ số 281/QĐ-TCD ngày 17 tháng 4 năm 2019 Quy trình thi kết thúc MH/MĐ
59.			1.7.04		QĐ số 16/QĐ-TCD ngày 20 tháng 6 năm 2019 Quy trình thi tốt nghiệp
60.			1.7.05		QĐ số 25/QĐ-TCD ngày 01 tháng 10 năm 2019 Quy trình xây dựng ngân hàng câu hỏi thi kết thúc MH/MĐ
61.			1.7.06		QĐ số 99/QĐ-TCDNXD ngày 28 tháng 2 năm 2019 Quy trình tổ chức Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp trường
62.			1.7.07		QĐ số 08/QĐ-TCD ngày 05 tháng 2 năm 2019 Quy trình in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ văn bằng chứng chỉ
63.			1.7.08		QĐ số 19/QĐ-TCD ngày 9 tháng 4 năm 2019 Quy trình quản lý điểm
64.	1	8		1.5.01	Quyết định thành lập các Phòng, Khoa, đơn vị trực thuộc trường
65.			1.8.01		Quyết định thành lập Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
66.				1.6.09	Báo cáo tổng kết năm học của trường
67.				1.6.12	Danh sách giáo viên và cán bộ quản lý đạt các danh hiệu thi đua do Hội đồng thi đua xem xét các năm 2015, 2016, 2017

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
68.				1.6.14	Quyết định khen thưởng Phòng, Khoa, đơn vị trong trường
69.	1	9	1.9.01		Cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Trường Cao đẳng nghề Xây dựng
70.			1.9.02		Nghị quyết của các Chi bộ thuộc Đảng bộ Trường Cao đẳng nghề Xây dựng
71.			1.9.03		Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2015-2020 của Đảng bộ Trường
72.			1.9.04		Biên bản kiểm tra công tác Đảng
73.			1.9.05		Danh hiệu thi đua đạt được của Đảng bộ Trường
74.	1	10	1.10.01		Nghị quyết Hội nghị cán bộ - viên chức hàng năm
75.			1.10.02		Báo cáo tổng kết Công đoàn Trường
76.			1.10.03		Quyết định khen thưởng
77.			1.10.04		Danh hiệu hiệu các tổ chức, đoàn thể đạt được
78.				1.10.05	Báo cáo Tổng kết hoạt động Đoàn TN Trường
79.			1.10.06		Các văn bản tổng hợp kết quả tham gia các phong trào của Công đoàn Nhà trường
80.			1.10.07		Báo cáo tổng kết hoạt động của Ban Nữ công hàng năm
81.			1.10.08		Báo cáo tổng kết Công đoàn Trường

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
82.				1.10.09	Các văn bản tổng hợp kết quả tham gia các phong trào của Đoàn Thanh niên Nhà trường
83.			1.10.10		Danh sách khen thưởng của các Tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Nhà trường, Ban nữ công
84.			1.10.11		Danh sách công đoàn viên
85.			1.10.12		Danh sách đoàn viên thanh niên
86.			1.10.13		Danh sách hội viên ban nữ công
87.		11	1.11.01		Quyết định thành lập Thanh tra Đào tạo Trường
88.			1.11.02		Quyết định thành lập Thanh tra nhân dân Trường
89.			1.11.03		Kế hoạch Kiểm tra, Thanh tra các quý, các năm của các ban thanh tra Nhà trường
90.			1.11.04		Các biên bản kiểm tra của Ban Kiểm tra, Thanh tra nhân dân, Thanh tra Đào tạo
91.			1.11.05		Biên bản Thanh tra tài chính, thanh tra về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí
92.			1.11.06		Kết quả xét thi đua hàng tháng
93.			1.11.07		KH số 646/KH-TCD ngày 9 tháng 9 năm 2019 Kế hoạch kiểm tra hoạt động giảng dạy thường xuyên năm học 2019-2020
94.			1.11.08		Biên bản kiểm tra hoạt động giảng dạy
95.		12		1.3.04	Quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
96.			1.12.01		Tổ chức hoạt động của Ban nữ công
97.	2	1		2.1.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Tổng cục dạy nghề
98.			2.1.02		Quyết định thành lập tổ chuyên gia xây dựng chuẩn đầu ra
99.			2.1.03		Quyết định chuẩn đầu ra
100.		2		2.2.01	Quy chế tuyển sinh học nghề của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
101.			2.2.02		Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh của trường
102.			2.2.03		Quyết định thành lập Ban thanh tra
103.			2.2.04		Quyết định thành lập Ban thư ký
104.			2.2.05		Hướng dẫn số 1295/LĐTĐ-BHXH-DN tuyển sinh học nghề, xác định và đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh dạy nghề
105.		3	2.3.01		Xác định chỉ tiêu tuyển sinh các năm
106.			2.3.02		Hướng dẫn công tác tuyển sinh học nghề của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng
107.			2.3.03		Thông báo tuyển sinh học nghề
108.			2.3.04		Thông báo tuyển sinh đào tạo nghề cho lao động nông thôn
109.			2.3.05		Quyết định mở lớp

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
110.			2.3.06		Tuyển sinh theo đúng ngành nghề trong giấy chứng nhận đăng ký
111.			2.3.07		Kế hoạch tuyển sinh các năm
112.			2.3.08		Hình thức tuyển sinh
113.			2.3.09		Quy trình xét tuyển
114.			2.3.10		Báo cáo công tác tuyển sinh 6 tháng đầu năm và cả năm
115.		4		2.4.01	Các chương trình đào tạo nghề đã được phê duyệt
116.				1.2.03	Các hợp đồng liên kết đào tạo với doanh nghiệp
117.		5		2.5.01	Kế hoạch đào tạo theo kỳ, năm
118.				2.5.02	Tiến độ đào tạo các năm
119.			2.5.03		Biểu mẫu đào tạo
120.	2		2.5.04		Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH – Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp
121.			2.5.05.		Kế hoạch giáo viên
122.		6		2.5.01	Kế hoạch đào tạo theo kỳ, năm
123.				2.5.02	Tiến độ đào tạo các năm

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
124.			2.6.01		Biên bản kiểm tra hồ sơ chuyên môn
125.				2.6.02	Kế hoạch dự giờ, lịch dự giờ, báo cáo kết quả dự giờ
126.			2.6.03		Sổ lên lớp
127.			2.6.04		Giáo án
128.			2.6.05		Sổ tay giáo viên
129.			2.6.06		Sổ quản lý học sinh sinh viên
130.		7	2.7.01		Sổ quản lý hoạt động giảng dạy
131.				2.6.02	Kế hoạch dự giờ, lịch dự giờ, báo cáo kết quả dự giờ
132.			2.7.02		Giấy giới thiệu thực tập tại các doanh nghiệp
133.	2			2.7.03	Quyết định cử HSSV đi thực tập, học tại doanh nghiệp
134.			2.7.04		Các công văn, thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp
135.		8		2.8.01	Giáo án điện tử các khoa, hình ảnh học liệu, đồ dùng thiết bị tự làm
136.			2.8.02		Các quyết định cử giáo viên đi tập huấn các chuyên đề do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp tổ chức
137.			2.8.03		Giáo án giảng dạy của các khoa

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
138.			2.8.04		Phiếu khảo sát của HSSV
139.			2.8.05		Kế hoạch và kết quả tổ chức thi giáo viên giỏi cấp khoa và cấp trường
140.			2.8.06		Biên bản tổng hợp đánh giá kết quả hội giảng
141.			2.8.07		QĐ khen thưởng học sinh giỏi
142.			2.8.08		QĐ khen thưởng HSSV giỏi tay nghề cấp Bộ Xây dựng
143.			2.8.09		QĐ khen thưởng HSSV giỏi tay nghề cấp Tỉnh Quảng Ninh
144.		9		2.8.01	Giáo án điện tử các khoa, hình ảnh học liệu, đồ dùng thiết bị tự làm
145.	2		2.9.01		Quyết định cử giáo viên tham gia các lớp tập huấn
146.				2.9.02	Tổ chức lớp tập huấn Tin học, Ngoại ngữ
147.		10	2.10.01		Kế hoạch kiểm tra hồ sơ giảng dạy K48 năm 2016 -2017
148.			2.10.02		Kế hoạch kiểm tra hồ sơ giảng dạy K49, K50 năm 2017 - 2018
149.				1.11.07	Kế hoạch kiểm tra hoạt động giảng dạy thường xuyên năm học 2019 - 2020
150.				2.6.02	Kế hoạch dự giờ, lịch dự giờ, báo cáo kết quả dự giờ
151.		11	2.11.01		Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
152.			2.11.02		Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học
153.				1.11.07	Kế hoạch kiểm tra hoạt động giảng dạy thường xuyên năm học 2019 - 2020
154.		12		2.12.01	Quyết định của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp
155.			2.12.02		Hướng dẫn xây dựng ngân hàng câu hỏi
156.			2.12.03		Quyết định ban hành sử dụng ngân hàng câu hỏi
157.			2.12.04		Ngân hàng câu hỏi các nghề
158.				2.12.05	Các đề kiểm tra, đề thi
159.			2.12.06		Phiếu chấm thực hành kỹ năng
160.				2.12.07	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp số 26/QĐ-TCD ngày 10 tháng 10 năm 2019
161.			2.12.08		Quyết định V/v ban hành quy trình in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ văn bằng chứng chỉ số 08/QĐ-TCD ngày 05 tháng 2 năm 2019
162.			2.12.09		Quy trình xây dựng ngân hàng đề thi của Trường CD nghề Xây dựng;
163.				2.12.10	Quy trình thi kết thúc môn học/ mô đun
164.			2.12.11		Hệ thống biểu mẫu hồ sơ sổ sách
165.		14		2.12.05	Các đề kiểm tra, đề thi

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
166.			2.14.01		Biên bản xét đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp
167.			2.14.02		Các quyết định thành lập HĐ thi, Ban coi thi, ban chấm thi
168.			2.14.03		Kết quả và các quyết định công nhận kết quả tốt nghiệp
169.			2.14.04		Sổ cấp phát bằng
170.			2.14.05		Biên bản kiểm tra phôi bằng
171.			2.14.06		Báo cáo xác nhận phôi văn bằng, chứng chỉ
172.			2.14.07		Biên bản bàn giao phôi bằng in hồng,
173.			2.14.08.		Quyết định thành lập hội đồng hủy phôi bằng in hồng
174.		15		2.12.01	Quyết định của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp
175.				2.12.07	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp số 26/QĐ-TCĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019
176.			2.15.01		Văn bản điều chỉnh quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng chứng chỉ
177.			2.15.02		Quyết định sử dụng mẫu phôi văn bằng, chứng chỉ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng nghề, cao đẳng
178.		16	2.16.01		Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ cao đẳng
179.		17	2.17.01		TT số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH - Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
					thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.
180.	3		2.17.02		Danh mục hồ sơ lưu trữ của các đơn vị
181.				1.1.06	Địa chỉ website của trường
182.		1		3.1.01	Quyết định quy định tuyển dụng của trường CĐN Xây dựng
183.			3.1.02		Quy hoạch giáo viên từ 2015-2020
184.			3.1.03		Quy hoạch cấp uỷ, cán bộ lãnh đạo, công Đoàn giai đoạn 2015-2020, 2021 - 2026
185.			3.1.04		Quy trình tuyển dụng giáo viên
186.			3.1.05		Công văn hướng dẫn bình xét thi đua hàng tháng, năm
187.			3.1.06		Biên bản tổng hợp xét thi đua tháng, năm
188.			3.1.07		Biên bản tổng hợp xét xếp loại viên chức hàng năm
189.				1.6.11	Các biên bản họp tổng kết năm của các phòng, Khoa, Trung tâm
190.				1.6.12	Danh sách giáo viên và cán bộ quản lý đạt các danh hiệu thi đua do Hội đồng thi đua xem xét các năm 2015, 2016, 2017 các quyết định khen thưởng
191.			3.1.08		Danh sách cán bộ trong diện quy hoạch
192.			3.1.09		Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chính trị

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
193.		2		3.1.01	Quyết định quy định tuyển dụng của trường CDN Xây dựng
194.			3.2.01		Văn bản đề nghị bổ sung nhân lực của đơn vị)
195.				1.1.06	Địa chỉ website của trường
196.			3.2.02		Quyết định quy hoạch cán bộ trong từng giai đoạn
197.			3.2.03		Các quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng
198.	3		3.2.04		Hướng dẫn về phân loại viên chức hàng năm
199.			3.2.05		Bảng thanh toán tiền lương hàng tháng cho CBGV/CNV
200.		3	3.3.01		Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH Quy định về chuyên môn nghiệp vụ của nhà giáo GDNN
201.				2.9.02	Tổ chức lớp tập huấn Tin học, Ngoại ngữ
202.			3.3.02		Công văn số 1393/LĐTBXH-DN
203.			3.3.03		Báo cáo đánh giá, xếp loại nhà giáo các năm
204.		4	3.4.01		Thông tư 07/2017/TT-BLĐTBXH Quy định chế độ làm việc của nhà giáo Giáo dục nghề nghiệp
205.				3.4.02	Luật Giáo dục nghề nghiệp
206.			3.4.03		Điều lệ Trường Cao đẳng nghề Xây dựng

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
207.				1.6.12	Danh sách giáo viên và cán bộ quản lý đạt các danh hiệu thi đua do Hội đồng thi đua xem xét các năm 2015, 2016, 2017 các quyết định khen thưởng
208.		5		2.2.01	Quy chế tuyển sinh của Bộ Lao động thương binh và Xã hội
209.	3			2.1.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Tổng cục dạy nghề cấp
210.			3.5.01		Báo cáo định kỳ về cơ sở GDNN
211.		6		2.6.03	Sổ lên lớp
212.				2.6.04	Giáo án
213.				3.6.01	Quyết định của Hiệu Trưởng về việc ban hành các chương trình đào tạo trình độ CĐN, TCN và SCN;
214.				2.4.01	Các chương trình đào tạo nghề đã được phê duyệt
215.				2.6.02	Kế hoạch dự giờ, lịch dự giờ, báo cáo kết quả dự giờ
216.			3.6.02		Báo cáo rà soát đánh giá mức độ phù hợp giữa các hoạt động dạy nghề với chương trình đào tạo
217.		7		1.3.04	Quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ
218.				3.7.01	Quyết định cử cán bộ đi học lớp Trung cấp chính trị
219.			3.7.02		Quyết định cử cán bộ giáo viên đi học ngoại ngữ trình độ A2
220.			3.7.03		Quyết định cử cán bộ giáo viên đi học trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
221.			3.7.04		Quyết định cử cán bộ giáo viên đi học lớp nghiệp sư phạm
222.			3.7.05		Quy chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức của Trường
223.				2.8.05	Kế hoạch tổ chức và kết quả hội giảng giáo viên giỏi cấp trường các năm
224.		8		2.9.02	Tổ chức lớp tập huấn Tin học, Ngoại ngữ
225.			3.8.01		Tập huấn xây dựng chương trình đào tạo
226.			3.8.02		Quyết định thành lập lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ
227.			3.8.03		Quyết định cử nhà giáo tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng do cấp trên tổ chức
228.			3.8.04		Tập huấn bồi dưỡng kiến thức cơ bản về đảm bảo chất lượng trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp
229.		10		1.6.09	Báo cáo tổng kết năm học của trường
230.			3.10.1		Báo cáo kết quả công tác đào tạo nghề nghiệp
231.		11	3.11.01		Hồ sơ lý lịch Hiệu trưởng
232.			3.11.02		Hồ sơ lý lịch các Phó Hiệu trưởng
233.		12	3.12.01		Quy chế giới thiệu, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái viên chức Trường Cao đẳng nghề Xây dựng
234.		13	3.13.01		Hồ sơ lý lịch các Trưởng, Phó các Phòng, Khoa, Trung tâm

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
235.			3.13.02		Bảng đánh giá phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ quản lý
236.		14	3.14.01		Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý
237.			3.14.02		Các Quyết định cử cán bộ đi học Cao học
238.				3.7.01	Các Quyết định cử cán bộ đi học Trung cấp chính trị
239.			3.14.03		Các Quyết định cử cán bộ đi học Cao cấp chính trị
240.			3.14.04		Các Quyết định cử đi đào tạo bồi dưỡng khác
241.		15	3.15.01		Danh sách viên chức, người lao động
242.			3.15.02		Hồ sơ lý lịch của giáo viên
243.			3.15.03		Hồ sơ lý lịch của viên chức chuyên môn
244.	4		3.15.04		Quyết định cử giáo viên đi học Cao học
245.			3.15.05		Quyết định cử viên chức đi học nâng cao nghiệp vụ
246.		1		3.6.01	Quyết định của Hiệu Trưởng về việc ban hành các chương trình đào tạo trình độ CĐN, TCN và SCN;
247.				4.1.01	Chương trình đào tạo các ngành, nghề theo từng trình độ
248.		2	4.2.01		Quy định chương trình khung trình độ cao đẳng, trung cấp các ngành, nghề

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
249.			4.2.02		Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, giáo trình: TT số 03/2017/TT-BLDTBXH, CV số 106/TCDN DNCQ
250.			4.2.03		Danh mục ngành nghề đào tạo: TT số 04/2017/TT-BLDTBXH; TT số 21/2014/TT-BLDTBXH
251.	4			3.6.01	Quyết định của Hiệu Trưởng về việc ban hành các chương trình đào tạo trình độ CĐN, TCN và SCN;
252.				4.1.01	Chương trình đào tạo các ngành, nghề, trình độ
253.		3		3.6.01	Quyết định của Hiệu Trưởng về việc ban hành các chương trình đào tạo trình độ CĐN, TCN và SCN
254.				3.6.02	Các chương trình đào tạo nghề đã được phê duyệt
255.			4.3.01		QĐ Phê duyệt khung trình độ quốc gia 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016
256.				3.4.02	Luật giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13
257.				2.12.10	Quy trình thi kết thúc môn học/ mô đun
258.				2.12.07	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp số 26/QĐ-TCD ngày 10 tháng 10 năm 2019
259.		4		4.4.01	Quyết định thành lập Ban xây dựng chương trình đào tạo
260.				4.4.02	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo
261.			4.4.03.		Phiếu thẩm định các chương trình đào tạo
262.				4.4.04	Các biên bản Họp Hội đồng thẩm định

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
263.			4.4.05		Quyết định ban hành chương trình đào tạo hệ cao đẳng
264.			4.4.06		Quyết định ban hành chương trình đào tạo hệ trung cấp
265.		5		4.4.01	Quyết định thành lập Ban xây dựng chương trình đào tạo
266.				4.4.02	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình
267.				4.4.04	Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình
268.			4.5.01		Phiếu khảo sát đánh giá của người sử dụng lao động, HSSV cuối khoá
269.		6		4.4.01	Quyết định thành lập Ban xây dựng chương trình
270.				3.6.01	Quyết định của Hiệu Trưởng về việc ban hành các chương trình đào tạo trình độ CĐN, TCN và SCN
271.				4.1.01	Chương trình đào tạo các ngành, nghề, trình độ
272.		7	4.7.01		Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường về cập nhật, chỉnh sửa chương trình đào tạo
273.				4.7.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo sau khi điều chỉnh
274.		8		4.7.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo sau khi điều chỉnh
275.				4.1.01	Chương trình đào tạo các ngành, nghề, trình độ
276.				3.6.01	Quyết định của Hiệu Trưởng về việc ban hành các chương trình đào tạo trình độ CĐ, TC và SC

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
277.		10	4.10.01		Quyết định ban hành giáo trình nội bộ
278.			4.10.02		Văn bản cho phép sử dụng giáo trình của các cơ sở GDNN khác
279.		11	4.11.01		Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, giáo trình: TT số 03/2017/TT-BLDTBXH, CV số 106/TCDN-DNCQ
280.			4.11.02		Danh mục ngành nghề đào tạo: TT số 04/2017/TT-BLDTBXH; TT số 21/2014/TT-BLDTBXH
281.				4.11.03	Quyết định thành lập ban biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo
282.				4.11.04	Giáo trình nội bộ các môn học/mô đun
283.		12		4.5.01	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình
284.				4.12.01	Biên bản nghiệm thu giáo trình đào tạo
285.				4.11.04.	Giáo trình nội bộ các môn học/mô đun
286.		13		4.11.03	Quyết định thành lập ban biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo
287.				4.12.01	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo
288.				4.12.01	Biên bản nghiệm thu giáo trình đào tạo
289.		15	4.15.01		Quyết định thành lập tổ chuyên gia đánh giá, cập nhật và điều chỉnh giáo trình
290.	5		4.15.02		Biên bản tổ chuyên gia đánh giá, cập nhật và điều chỉnh giáo trình

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
291.			4.15.03		Quyết định ban hành giáo trình sau khi điều chỉnh
292.		1		5.1.01	Sơ đồ thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng trường
293.			5.1.02		Sơ đồ mặt bằng thiết kế cung cấp điện, nước của trường
294.			5.1.03		Sơ đồ vị trí và mô tả hệ thống giao thông tại địa điểm của trường thể hiện giao thông thuận tiện
295.			5.1.04		Sơ đồ vị trí của trường trên địa bàn tỉnh
296.		2	5.2.01		Bản quy hoạch tổng thể mặt bằng trường
297.			5.2.02		Số liệu về diện tích khu đất toàn trường, diện tích các công trình xây dựng, mật độ xây dựng công trình, diện tích cây xanh
298.			5.2.03		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
299.		3		5.1.01	Sơ đồ thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng trường
300.		4		5.1.01	Sơ đồ thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng trường
301.			5.4.01		Số liệu hệ thống cấp, thoát nước, phòng cháy, chữa cháy đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt
302.			5.4.02		Số liệu hệ thống điện toàn trường
303.			5.4.03		Số liệu hệ thống điện của các xưởng thực hành
304.			5.4.04		Số liệu hệ thống cấp, thoát nước toàn trường

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
305.			5.4.05		Số liệu hệ thống cấp, thoát nước cho các xưởng thực hành
306.		5	5.5.01		Hồ sơ xây dựng, thiết kế phòng học, giảng đường, phòng học chuyên môn hóa
307.		6	5.6.01		Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo hằng tháng
308.			5.6.02		Quy chế sử dụng, quản lý, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ các công trình
309.	5		5.6.03		Báo cáo kết quả công tác quản lý, bồi dưỡng thường xuyên và định kỳ các công trình hàng năm
310.		7		5.7.01	Báo cáo thể hiện hệ thống phòng học, giảng đường, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn, máy móc thiết bị được sử dụng đúng công năng, công tác quản lý, bảo dưỡng theo đúng quy chế
311.		8	5.8.01		Thông tư số: 43/2009/TT-BLĐTBXH ngày ngày 31 tháng 12 năm 2009 Quy định về thiết bị dạy nghề đào tạo trình độ Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề
312.			5.8.02		Danh mục thiết bị dạy nghề đối với các nghề đang đào tạo tại trường
313.		10		5.10.01	Quy định quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo
314.			5.10.02		Báo cáo tình trạng sử dụng thiết bị đào tạo
315.			5.10.03		Kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng, thay thế thiết bị đào tạo
316.		11		5.10.01	Quy định quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo
317.			5.11.01		Báo cáo kết quả công tác quản lý, bồi dưỡng thường xuyên và định kỳ thiết bị đào tạo hàng năm

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
318.				5.7.01	Báo cáo thể hiện hệ thống phòng học, giảng đường, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn, máy móc thiết bị được sử dụng đúng công năng, công tác quản lý, bảo dưỡng theo đúng quy chế.
319.		12	5.12.01		Định mức tiêu hao vật tư
320.			5.12.02		Quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư.
321.			5.12.03		Quyết định phân công phụ trách xưởng
322.			5.12.04		Hồ sơ thiết kế khu nhà xưởng
323.			5.12.05		Hồ sơ thiết kế /xây dựng các khối công trình phục vụ nhu cầu đào tạo và các hoạt động của trường.
324.			5.12.06		Kế hoạch kiểm kê tài sản
325.			5.12.07		Biên bản kiểm kê tài sản
326.			5.12.08		Báo cáo kết quả kiểm kê tài sản, Đề nghị thanh lý tài sản.
327.		13	5.13.01		Danh mục đầu sách thư viện
328.			5.13.02		Danh mục các địa chỉ website tra cứu tham khảo
329.			5.13.03		Danh mục sách chuyên môn theo từng nghề
330.			5.13.04		Quyết định ban hành giáo trình môn học, mô đun
331.			5.13.05		Sổ nhật ký mượn trả sách

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
332.			5.13.06		Hệ thống Wifi của trường
333.		14	5.14.01		Hướng dẫn tra cứu Internet, tài liệu, thông tin... nhân bản tài liệu
334.			5.14.02		Quyết định của Hiệu trưởng về quy chế hoạt động của thư viện
335.		15	5.15.01		Hợp đồng cung cấp dịch vụ kết nối Internet
336.			5.15.02		Quyết định của Hiệu trưởng về quy định hoạt động của phòng tin học
337.	6	1	6.1.01		Ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng
338.			6.1.02		Luận văn thạc sĩ năm 2017, 2018, 2019
339.			6.1.03		Các quyết định cử đi học năm 2017, 2018, 2019
340.		2	6.2.01		Danh sách đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Bộ năm 2017, 2018, 2019
341.			6.2.02		Thông báo đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học năm 2017, 2018, 2019
342.		4	6.4.01		Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu cấp Khoa, cấp trường
343.			6.4.02		Các biên bản nghiệm thu các cấp
344.			6.4.03		Các phiếu phản biện
345.			6.4.04		Danh sách cán bộ, giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
346.			6.4.05		Biên bản ghi nhớ hợp tác giáo dục
347.	7	1	7.1.01		Quyết định giao quyền tự chủ
348.				1.3.04	Quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ
349.			7.1.02		Quyết định cấp dự toán được duyệt hàng năm.
350.			7.1.03		Báo cáo quy định về quản lý sử dụng thanh quyết toán về tài chính.
351.			7.1.04		Báo cáo quyết toán tài chính.
352.			7.1.05		Báo cáo tổng kết trong hội nghị CNVC hàng năm của trường.
353.				7.1.06	Bảng đối chiếu số dư kinh phí kho bạc Nhà nước, ngân hàng theo quý, năm.
354.			7.1.07		Quy định về việc chứng từ thanh toán.
355.		2	7.2.01		Quyết định thu học phí hệ trung cấp nghề, cao đẳng nghề
356.			7.2.02		Các Quyết định thu học phí các hệ khác
357.			7.2.03		Các hợp đồng dịch vụ
358.			7.2.04		Các hợp đồng liên kết đào tạo
359.		3	7.3.01		Quyết định về việc Giao dự toán thu chi NSNN của Bộ Xây dựng

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
360.			7.3.02		Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch nhiệm vụ đào tạo của Bộ Xây dựng
361.			7.3.03		Báo cáo tài chính và hồ sơ lưu trữ tại phòng TC-KT.
362.			7.3.04		Bảng thanh toán tiền lương hàng tháng cho CBGVCMNV. Báo cáo tài chính và hồ sơ lưu trữ tại phòng TC-KT.
363.				7.2.01	Quyết định thu học phí hệ trung cấp, cao đẳng
364.			7.3.04		Các Quyết định thu học phí các hệ khác
365.				7.2.02	Các hợp đồng dịch vụ
366.				7.2.03	Các hợp đồng liên kết đào tạo
367.		4		1.3.04	Quy chế chi tiêu nội bộ
368.				7.4.01	Biên bản kiểm tra, xét duyệt quyết toán ngân sách.
369.				7.4.02	Biên bản kiểm toán nhà nước hằng năm
370.			7.4.03		Sổ nguồn kinh phí, sổ kế toán các khoản thu.
371.				7.3.04	Báo cáo tài chính và hồ sơ lưu trữ tại phòng TC-KT.
372.		5	7.5.01		Biên bản họp rút kinh nghiệm sau kiểm tra.
373.			7.5.02		Biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt hàng tháng.

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
374.				7.1.06	Bảng đối chiếu số dư kinh phí kho bạc Nhà nước, ngân hàng theo quý, năm.
375.				7.4.01	Biên bản kiểm tra, xét duyệt quyết toán ngân sách.
376.				7.4.02	Biên bản Kiểm toán nhà nước
377.		6	7.6.01		Báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính.
378.			7.6.02		Quyết định trích lập các quỹ
379.				7.1.06	Bảng đối chiếu số dư kinh phí kho bạc Nhà nước, ngân hàng theo quý, năm.
380.				7.4.01	Biên bản kiểm tra, xét duyệt quyết toán ngân sách.
381.				7.2.02	Các hợp đồng dịch vụ
382.				7.2.03	Các hợp đồng liên kết đào tạo
383.	8		7.6.03		Dự toán thu chi chính thức.
384.			7.6.04		Báo cáo, kế hoạch, đề án thể hiện việc huy động, phát triển nguồn lực tài chính (xây dựng hệ thống cấp nước, xử lý nước thải, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất)
385.			7.6.05		Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019 kèm theo Quyết định số 09/QĐ-TCD ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành Chương trình hành động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019
386.		1	8.1.01		Kế hoạch phổ biến nội quy, quy định của Trường đầu năm học

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
387.				8.1.02	Các nội quy, quy định của trường
388.			8.1.03		Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp
389.			8.1.04		Biên bản sinh hoạt lớp
390.		2	8.2.01		Chế độ miễn giảm học phí
391.			8.2.02		Quyết định thực hiện Học bổng khuyến khích học nghề
392.			8.2.03		Quyết định hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn
393.			8.2.04		Danh sách học sinh được hưởng các chế độ chính sách
394.		3	8.3.01		Danh sách học sinh, sinh viên được khen thưởng
395.			8.3.02		Đơn xin miễn giảm học phí
396.			8.3.03		Hỗ trợ học sinh nghèo vượt khó
397.		4		8.1.02	Các nội quy, quy định của trường
398.		5	8.5.01		Hồ sơ thiết kế nhà KTX
399.		6	8.6.01		Hợp đồng dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe
400.			8.6.02		Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
401.		7		1.10.05	Báo cáo Tổng kết hoạt động Đoàn TN Trường các năm của BCH Đoàn Trường
402.				1.10.09	Các văn bản tổng hợp kết quả tham gia các phong trào của Đoàn Thanh niên Nhà trường
403.		8	8.8.01		Thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm
404.		9	8.9.01		Danh sách các nhà tuyển dụng
405.	9	2	9.2.01		Danh sách CB, GV, CNV tham gia khảo sát các năm
406.			9.2.02.		Kế hoạch khảo sát, thu thập ý kiến các đối tượng về các chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động các năm
407.			9.2.03		Phiếu khảo sát về các chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động các năm
408.			9.2.04		Báo cáo tổng hợp việc thực hiện kế hoạch khảo sát và kết quả khảo sát về các chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động năm các năm
409.	9		8.8.02		Kế hoạch tư vấn giới thiệu việc làm
410.			8.8.03		Liên hệ thực tập tại các doanh nghiệp
411.		3	9.3.01		Quyết định mở lớp
412.				7.2.03	Hợp đồng liên kết đào tạo

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
413.			9.3.02		Quyết định trao tặng học bổng cho học sinh, sinh viên
414.			9.3.03		Quyết định miễn giảm học phí cho học sinh, sinh viên
415.			9.3.04		Kế hoạch khảo sát chất lượng dạy và học năm 2017, 2018, 2019
416.			9.3.05		Phiếu khảo sát người học về chất lượng dạy và học năm năm 2017, 2018, 2019
417.			9.3.06		Quyết định tốt nghiệp và danh sách HSSV tốt nghiệp năm năm 2017, 2018, 2019
418.			9.3.07		Báo cáo chất lượng dạy và học năm 2017, 2018, 2019
419.	9	4		1.8.02	Quyết định thành lập Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
420.			9.4.01		Chức năng, nhiệm vụ của Phòng KT&ĐBCL
421.			9.4.02		Quyết định thành lập HĐ tự đánh giá Nhà trường năm 2017, 2018, 2019
422.			9.4.03		Kế hoạch tự đánh giá Nhà trường năm 2017, 2018, 2019
423.				9.4.04	Báo cáo kết quả tự kiểm định các năm 2017, 2018, 2019
424.			9.4.05		Thông báo công khai báo cáo kết quả tự kiểm định Nhà trường năm 2017, 2018, 2019
425.		5	9.5.01		Các báo cáo tổng kết, phương hướng của Nhà trường hàng năm
426.				9.4.04	Báo cáo kết quả tự kiểm định các năm 2017, 2018, 2019

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
427.				1.3.05	Quy chế tuyển dụng cán bộ, giáo viên, viên chức trường CDN Xây dựng
428.			9.5.02		Tổ chức tập huấn bài giảng tích hợp
429.			9.5.03		Tập huấn, bồi dưỡng xây dựng chương trình, giáo trình
430.			9.5.04		Tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm
431.			9.5.05.		Tập huấn kiến thức cơ bản về hệ thống đảm bảo chất lượng trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp
432.				4.5.01	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo
433.				4.4.01	Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp
434.		6		2.7.03	Quyết định cử học sinh đi thực tập
435.				1.6.09	Báo cáo công tác đào tạo hằng năm